

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN



TÀI LIỆU HỘI THẢO KHOA HỌC
NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI TRONG NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ GIẢNG DẠY CÁC NGÀNH
CÔNG TÁC XÃ HỘI, QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ
THÔNG TIN – THƯ VIỆN HIỆN NAY

THANH HÓA, 10/2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC
NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI TRONG NGHIÊN CỨU KHOA
HỌC VÀ GIẢNG DẠY CÁC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ
HỘI, QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN – THƯ VIỆN
HIỆN NAY

THANH HÓA, 11/2018

MỤC LỤC

1. TS. LÊ THỊ THẢO			
	LỜI KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC “NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ GIẢNG DẠY CÁC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI, QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN – THƯ VIỆN HIỆN NAY”		1
2. NGUYỄN TUẤN ANH			
	VÀI NÉT VỀ HÌNH TƯỢNG CÂY MÍT TRONG VĂN HÓA NGƯỜI VIỆT		2
3. NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG - MEESONE SOUKTHAVONG			
	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỘC ĐÁO CỦA TẾT BUNPIMAY TRONG VĂN HÓA LÀO		7
4. THS. BÙI THỊ HẬU			
	VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA TỘC NGƯỜI TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI PHÍA TÂY HUYỆN QUAN SƠN		13
5. THS. LÊ THỊ HÒA			
	PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TẠI MỘT SỐ KHU CÔNG NGHIỆP Ở THANH HÓA		18
6. TS. NGUYỄN THỊ THỤC			
	NGHI THỨC CẦU MƯA CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI VIỆT		23
7. THS. NGUYỄN THỊ THỦY			
	MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI THANH HÓA (TRƯỜNG HỢP DÂN TỘC MÔNG)		31
8. TS. TẠ THỊ THÚY			
	LỄ HỘI CẢM MỪNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA		37
9. THS .MAI THÚY AN			
	THUYẾT PHÂN TÂM HỌC VÀ VẬN DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM VIỆT NAM		55

10. MÙA THỊ CỦA			
	SỬ DỤNG KỸ THUẬT QUAN SÁT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI		58
11. THS. LÊ THÙY DUNG			
	TRANG BỊ KỸ NĂNG PHẦN MỀM CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TRONG THỰC HÀNH, THỰC TẬP		64
12 THS. TRẦN MINH THANH			
	LẠM DỤNG TRẺ EM QUA MẠNG- NHẬN BIẾT VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH		81
13. THS. TRẦN THANH HÀ			
	TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN Ở VIỆT NAM		91
14.. THS HOÀNG THỊ THU HOA			
	THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA		96
15. THS. ĐINH THỊ THÚY KIỀU			
	VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG NGHIỆN GAME ONLINE CỦA GIỚI TRẺ HIỆN NAY		100
16. . TS. ĐOÀN VĂN TRƯỜNG			
	QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC VÀ HƯỚNG DẪN THỰC TẬP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI		105
17. LÊ THỊ DƯƠNG - PHOUTHASONE KHAMBOUNPHA			
	TRAO ĐỔI MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TRA CỨU THÔNG TIN NHẪM GIÚP SINH VIÊN LÀO NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TIẾNG VIỆT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA		121
18. THS HOÀNG ANH CÔNG			
	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY TIẾNG VIỆT CHO CÁC LƯU HỌC SINH LÀO		130
19. THS NGUYỄN THỊ NHUNG			
	MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONHG CHUẨN BỊ BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP BẰNG MICROSOFT POWERPOINT		134

20. THS .NCS HÀ ĐÌNH HÙNG			
	NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO GIÁNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA		142
21. HOÀNG THỊ THU HẰNG - LƯU NGỌC NHẬT CƯỜNG			
	MỘT SỐ KINH NGHIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN LÀO TẠI KHOA VĂN HÓA THÔNG TIN		152
22.HÀ THỊ HUYỀN			
	BÀN THÊM VỀ VIỆC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI		159
23. NGUYỄN THỊ NGỌC			167
	HỌC ĐẠI HỌC- BÀI HỌC QUÝ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA		
24. SENGPHAT LEUANGMAVONG			171
	MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP ĐẠ HIỆU QUẢ CAO TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC		

LỜI ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC

“NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ GIẢNG DẠY CÁC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI, QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN – THƯ VIỆN HIỆN NAY”

TS. Lê Thị Thảo¹

Trong bối cảnh giáo dục đại học nước ta hiện nay, giáo dục đại học đang đứng trước nhiều thách thức cả về số lượng và chất lượng sinh viên. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa cũng không nằm ngoài quy luật chung ấy. Với 50 năm bề dày truyền thống, nửa thế kỷ qua, tập thể CBGV và HSSV của nhà trường đã nỗ lực khẳng định thương hiệu và hoàn thiện, nâng cấp nhà trường, từ một trường sơ cấp được thành lập năm 1967, lên trường trung cấp vào năm 1978, trở thành trường cao đẳng vào năm 2004, và năm 2011 đã trở thành trường đại học., trường đã đào tạo tới 17 ngành đại học, 1 ngành cao học và có nhiều ngành cao học liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục có uy tín trong nước. Bước đầu, nhà trường đã tạo dựng được môi trường làm việc lành mạnh với phương châm “*Nuôi dưỡng đam mê, khuyến khích sáng tạo, tôn trọng khác biệt, hài hòa phát triển*”. Là một trong những trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực của khu vực Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng luôn quan tâm đặt chất lượng đào tạo lên hàng đầu trong mọi nhiệm vụ.

Khoa Văn hóa Thông tin là một trong 04 khoa được thành lập sớm nhất trải qua 50 năm trường thành và phát triển cùng với Nhà trường, là một trong những khoa có qui mô giảng viên và sinh viên đông nhất của trường (gồm đào tạo hệ chính qui, hệ vừa làm vừa học). Và cũng là một trong những khoa đứng đầu toàn trường đạt được nhiều thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học, trong hoạt động đào tạo, đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực văn hoá của đất nước. Để có được những thành quả như vậy, khoa đã có nhiều lần tổ chức hội thảo nâng cao chất lượng giảng dạy theo cơ

¹ Khoa Văn hóa Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

chế mới. Sau mỗi hội thảo tình hình chất lượng đào tạo của khoa có cải tiến đáng kể như chương trình rút gọn lại, giáo trình được chỉnh sửa cho phù hợp, bố trí giảng viên trực bộ môn tiếp sinh viên tư vấn và giải đáp thắc mắc chuyên môn, thống nhất tình hình ra đề thi, chấm thi ... Tuy nhiên tại bộ môn, tại từng môn học vẫn còn đó sự tìm tòi trải nghiệm cách tổ chức và giảng dạy mới cho phù hợp với số tín chỉ quá rút gọn, giảng viên thay đổi phương pháp trình bày như thế nào là hợp lý, ... Để đáp ứng được nhu cầu của xã hội đặc biệt trong bối cảnh hiện nay đối với lực lượng cử nhân ngành Quản lý văn hóa, Công tác xã hội và Thông tin – thư viện hiện nay, Khoa Văn hóa Thông tin tổ chức một hội thảo khoa học cấp khoa “*Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay*” nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học cho sinh viên và giảng viên của Khoa.

Hội thảo là nơi trao đổi, nhìn nhận, bàn luận và đề cập đến những vấn đề mới trong đào tạo nguồn nhân lực Quản lý văn hóa, Công tác xã hội, Thông tin – Thư viện ở hệ thống giáo dục đại học hiện nay trước bối cảnh hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu xã hội; Chia sẻ kinh nghiệm về quản lý đào tạo nhằm kết nối thị trường lao động, chất lượng nguồn nhân lực; chất lượng nghiên cứu khoa học và giảng dạy cho giảng viên và sinh viên.

L.T.T

VÀI NÉT VỀ HÌNH TƯỢNG CÂY MÍT TRONG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT

Nguyễn Tuấn Anh¹

Tóm tắt: Ở bất kì một vùng đất nào có con người cư trú, dấu đặc thù kinh tế là chăn nuôi hay trồng trọt, đời sống con người đều gắn bó chặt chẽ với cây cối. Cây là nguồn sống, sự ấm no, sự che chở bảo vệ và cả vẻ đẹp, niềm vui sống. Do đó, hình tượng nhiều loại cây thường được nhắc đến như những biểu tượng về văn hóa nhất định. Chúng ta thường gắn hoa sen với con người và tâm hồn của người Việt; nhắc đến văn hóa Trung Quốc là nhắc đến “tùng, cúc, trúc, mai ... Nhưng hiếm có loài cây nào mà được dân gian hóa đồng thời lại được dành một vị trí trân trọng như cây mít trong tâm thức của người Việt.

Cây mít có tên khoa học là Jackfruit (*Artocarpus heterophyllus*) thuộc họ thực vật. Nguồn gốc của cây gỗ mít xuất phát từ phía Nam Ấn Độ, nơi có khí hậu, nhiệt độ cũng như lượng mưa tương tự như Việt Nam. Loại cây mít này phân bố chủ yếu ở một số nước Đông Nam Á, Thái Lan, Philipines, Ấn Độ... Đây là cây thân gỗ, lá thường cứng và bóng, quả thường có gai, múi mít thì có màu vàng là đặc sản khiến nhiều người muốn ăn mỗi ngày.

Vậy cây mít đã du nhập vào nước ta như thế nào? Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam vẫn còn lưu truyền câu chuyện về sự tích cây mít như sau:

Sự tích kể rằng bà Mít và bà Đa ở gần nhau. Cứ mỗi lần bà Đa lên chùa thì bà Mít lại gửi tiền lễ Phật. Bà Đa không hiểu câu : "Tiền mất phật biết " nên bà Đa đã bớt tiền của bà Mít thêm vào tiền của mình để ghi nhiều hơn. Khi hai bà qua đời thì mộ của hai bà mọc lên hai loại cây. Mộ của bà Đa mọc lên một loại cây người ta gọi đó là cây Đa, đó là loại cây rụng lá quanh năm nếu trồng cạnh chùa thì quanh năm ngày tháng phải quét lá. Thân cây to nhưng gỗ lại không sử dụng vào việc gì bền lâu, quả thì bé tí ti chưa chín đã bị kiến đục khoét từ trong bụng ra không ăn được. Còn ở mộ bà Mít thì mọc lên thứ cây người ta gọi là cây Mít. Thứ cây quả to múi nhiều khi chín lại có mùi thơm ăn vào rất ngon ngọt mà bỏ, cây mít được trồng ở trong chùa và chín dùng để lễ phật. Các bộ phận của cây mít có rất nhiều công dụng, từ lá, quả, thân không bị bỏ phí và rất bền lâu chắc chắn...

¹ Sinh viên lớp đại học QLVHK4, Khoa Văn hóa - Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Từ trong câu chuyện trên, chúng ta thấy rõ ràng cây mít có mối quan hệ gần gũi với đạo Phật. Trong các nghiên cứu ghi chép về đạo Phật du nhập vào Việt Nam, có nhắc đến hình tượng cây mít. Khi các tăng sĩ Ấn Độ trên đường truyền giáo xuống phương Nam đã đem theo hạt giống cây trồng theo, trong đó có cây mít. Tại xứ Ấn, giới tu hành còn đặt cho nó một biệt danh là cây "Paramita". Tiếng Ấn Độ, từ "Paramita" (Ba-la-mật) nghĩa là "qua bờ bên kia", và danh từ này có liên hệ đến trí tuệ Bát nhã đem lại sự giải thoát và con đường tu theo phương tiện Lục độ ba la mật để đạt đến sự giải thoát. Có thể là các tăng sĩ Ấn Độ thời ấy gọi cây đó là Paramita để tự nhắc nhở mình về hạnh bồ tát chẳng, về hạnh nguyện của các vị bồ tát không ngại đường xa gian khổ đi khắp nơi, cùng trời cuối đất để truyền bá giáo lý của Phật đà chẳng? Từ đó về sau, người dân miền Nam Trung Quốc cũng theo các tăng sĩ truyền giáo Ấn Độ, gọi đó là cây Ba la mật (họ bỏ âm đa, theo thói quen). Còn người Việt ta thì bỏ cả những âm đầu và cuối, chỉ gọi là cây mít (Paramita: giản âm hóa thành cây mít). Cây mít thường trồng nhiều xung quanh chùa, gỗ mít được xem là gỗ thiêng, chỉ dùng làm mõ, làm bàn thờ, thậm chí gỗ cây còn được chế tạo thành dung dịch nhuộm áo cà sa...

Như vậy, từ một loại cây thiêng có nguồn gốc trong văn hóa Ấn Độ với tên gọi là Paramitra, khi nhập vào đời sống văn hóa Việt Nam được gọi tắt là mít- cái tên nghe là đã thấy dân dã, thân thương. Hiếm có loại cây nào mà dân gian lại sử dụng nhiều như mít vừa phục vụ trong sinh hoạt lại vừa có vai trò lớn trong đời sống tâm linh. Gỗ mít dùng tạc tượng, tiện khuôn đóng oản và làm nhiều đồ thờ khác. Gỗ mít là một loại gỗ có tính chất cơ lý ổn định, không cong vênh, ít bị mối mọt. Gỗ có màu vàng sáng, để lâu ngả thành màu đỏ sẫm. Gỗ mít có mùi thơm nhẹ, mềm, dẻo. Gỗ mít được dùng rộng rãi trong đời sống như làm tượng Phật, đồ thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm nội thất khác. Từ xa xưa, gỗ mít đã được dùng để tạc tượng, tiện khuôn đóng oản và làm nhiều đồ thờ khác. Đặc biệt trong các kiến trúc đình, chùa thời Mạc hoặc có dùng lại một số thành phần kiến trúc Mạc bởi gỗ mít nếu lâu năm, được xử lý tốt thì rất tốt thường làm cột không bị mục và tiêu tằm.

Không chỉ có gỗ mít, quả mít dù da để sần sùi nhưng mùi lại rất ngon, ngọt, mùi thơm ngào ngạt. Mỗi năm, cứ đến mùa mít chín vào ngày rằm tháng một người ta thường hay lấy mít để lễ Phật. Còn lá mít, thường được dùng để lót xôi, oản khi dâng cúng. Vào năm Minh Mạng thứ 17, khi hoàn thành việc đúc Cửu Đỉnh, thì vua cho chạm hình tượng cây mít vào cao đỉnh - đỉnh đồng kèm theo chữ BA LA MẬT, từ đó cây gỗ mít đã mang một điều gì đó vô cùng trân trọng. Mít được trồng rộng rãi trong các đình chùa, cùng với các loài cây khác như đa, đề, sen, đại... với nhiều công dụng và ý nghĩa.

Không chỉ đối với đạo Phật, đối với hoàng quyền, cây mít còn đi vào trong tiềm thức dân gian nhằm thể hiện ước mơ về sự no đủ, ấm êm “nhà ngói, cây mít”. Bởi vậy, nhà nào cũng trồng mít mặc dù nó không có giá trị nhiều về kinh tế. Theo quan niệm dân gian, trong nhà có cây mít như có thần linh che chở. Vì vậy, hàng năm nếu nhà nào có mít lâu

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

năm chưa ra quả thường được các gia đình thực hiện nghi lễ “đánh thức” vào tết Đoan Ngọ (5/5) bằng cách chọn 1 người trèo lên cây giả làm hồn cây mít hứa với người đứng dưới gốc cây đang cầm que đánh gốc rằng: sang năm nhất định sẽ ra hoa, đậu quả.

Là một loại cây có xuất xứ từ đạo Phật, trải qua quá trình hội nhập lâu dài, hình tượng cây mít cũng như đạo Phật đã thấm vào văn hóa của người Việt một cách tự nhiên, gần gũi. Tên phiên âm của loài cây này đã được Việt hoá, trở nên gần gũi thân thương, khiến chúng ta gần như không còn nhớ đến xuất xứ của chúng là từ Ấn Độ sang và gắn với đạo Phật nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Lương Đình Khuê (1992), *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, một nhu cầu phát triển của xã hội hiện đại*, Tạp chí triết học, Viện KHXH Việt Nam.

[2]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hồ Chí Minh.

[3]. Lê Huy Trâm-Hoàng Anh Nhân (2003), *Văn hoá làng và làng văn hoá xứ Thanh*, Nxb Thanh Hoá.

NHỮNG GIÁ TRỊ ĐỘC ĐÁO CỦA TẾT BUNPINAY TRONG VĂN HÓA LÀO

ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương¹
Meesone Soukthavong²

Tóm tắt: Mỗi quốc gia trên thế giới đều có ngày Tết truyền thống với những phong tục, nghi lễ độc đáo của riêng mình. Tết là nơi lưu giữ đậm nét bản sắc văn hóa, là sự kết nối thiêng liêng quá khứ - hiện tại- tương lai trong dòng chảy của mỗi dân tộc. Là một quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, Tết cổ truyền Bunpimay của Lào in đậm bản sắc văn hóa xứ sở Triệu Voi. Tết Bunpimay là dịp để người dân đất nước này thể hiện niềm tin yêu, sự tôn kính, ý thức trách nhiệm đối với việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống.

1. Đặt vấn đề

Lào là quốc gia duy nhất thuộc khu vực Đông Nam Á có địa hình hoàn toàn lục địa, không có biển, là nơi giao tiếp giữa hai nền văn minh cổ đại nổi tiếng Ấn Độ và Trung Hoa. Bởi vậy trong quá trình lịch sử, nhân dân Lào còn tiếp thu các trào lưu văn hóa tràn qua vùng này, ảnh hưởng đậm nét văn hóa Ấn Độ, đặc biệt là Phật giáo. Việc đạo Phật được truyền bá rộng rãi ở Lào có tác động không nhỏ đối với văn hóa truyền thống nước Lào ngày nay. Sự giao lưu văn hóa của các nước láng giềng cũng tác động ít nhiều đến tập quán của nhân dân Lào. Những yếu tố khách quan đó càng làm cho bản sắc dân tộc thêm đậm đà, phong phú, giàu sức sống để vượt qua những thử thách quyết liệt gần hai thế kỷ, trước chính sách đồng hóa dân tộc của phong kiến Khơ-me, Xiêm và thực dân Pháp.

Theo Phật lịch, năm mới bắt đầu bằng ngày Đản sinh của Đức Phật là ngày 15/4 và ngày lễ chính thức được mở đầu bằng lễ tắm Phật trên chùa. Sau lễ tắm Phật, mọi người bắt đầu chào mừng năm mới bằng hội té nước. Té nước mang ý nghĩa đem lại sự mát mẻ, phồn vinh cho vạn vật, thanh khiết hóa cuộc sống của con người. Một trong những nghi thức đặc trưng trong ngày Tết của các nước ảnh hưởng đậm nét Phật giáo tiểu thừa là tục té nước. Vào những ngày này, mọi người thường té nước vào nhau để chúc phúc, cầu mong mưa thuận gió hoà, cầu cho một năm mới ấm no, hạnh phúc. Tết Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar không tổ chức vào những ngày đầu năm theo lịch thường dùng mà lại tổ chức vào khoảng tháng tư theo Phật lịch. Để chào đón năm mới, mỗi nước lại có những lễ hội

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

² Sinh viên lớp đại học QLVHK5, Khoa Văn hóa – Thông tin

độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Người Thái Lan gọi là Songkran, người Campuchia thì gọi là Chol Chnam Thmey, người Myanmar gọi là Thingyan còn người Lào gọi là Bunpimay.

2. Nguồn gốc

Có nhiều quan niệm giải thích về nguồn gốc Tục té nước đón năm mới song có thể hiểu sự ra đời của lễ hội gắn với đời sống sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, đồng thời, nó cũng xuất phát từ những truyền thuyết mang đậm màu sắc tôn giáo. Theo quan niệm của cư dân nông nghiệp, tục té nước đón năm mới xưa kia nhằm đưa tiễn mùa khô và cầu mưa xuống. Tục té nước có lẽ vốn là một phần của nghi lễ phồn thực nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà đem lại sự sinh sôi nảy nở cho vạn vật, mọi người đón mừng Đản sinh Đức Phật bằng việc phun nước vào người nhau để gột rửa hết buồn phiền đón mừng năm mới.

Tục té nước trong ngày Tết Thingyan của người Myanmar xuất phát từ một câu chuyện truyền thuyết liên quan đến các vị thần, xuất phát từ ý nghĩa mong muốn giữ gìn sự bình yên cho vạn vật trên thế gian và cầu mong sự phù hộ của các vị thần. Người Myanmar tin rằng nước sẽ giúp gột rửa những sai lầm, điều xấu, bệnh tật và sẽ đem lại điều may mắn, hạnh phúc và sức khỏe.

Cũng là tục té nước trong Tết Bunpimay, nhưng người Lào lại gắn với một truyền thuyết về cuộc đấu trí giữa Thammabane và Kabinlaphom đậm tinh thần nhân văn [3]. Truyền thuyết kể rằng: Thời xa xưa, từ trước khi Phật giáo ra đời, có một chàng trai con nhà phú nông tên là Thammabane rất nhanh trí và hiểu được tiếng chim. Thammabane thường đi khắp nơi để truyền dạy kiến thức. Thời gian đó người dân vẫn coi Kabinlaphom, thần của bầu trời là người thông thái nhất. Khi biết tin dưới trần gian có Thammabane là một người rất hiểu biết, Kabinlaphom muốn thi tài với Thammabane. Ông ta đặt ra ba câu hỏi để Thammabane trả lời, nếu Thammabane trả lời được thì Kabinlaphom sẽ phải dâng đầu mình và ngược lại. Ba câu hỏi đó là:

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi sáng?

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi chiều?

Thần sắc con người tập trung ở đâu vào buổi tối?

Thammabane không thể trả lời ngay, nhưng anh xin Kabinlaphom thêm 9 ngày nữa. Thammabane ra sức suy nghĩ nhưng vẫn không tìm được đáp án. Ba ngày trôi qua, đã quá mỗi mệ, anh ngủ gật dưới gốc cọ thì nghe hai vợ chồng đại bàng nói chuyện trên đầu mình. Đại bàng vợ hỏi: “Ngày mai chúng ta sẽ ăn gì đây?”. Đại bàng chồng trả lời: “Đừng lo, chúng ta sẽ ăn thịt Thammabane, vì anh ta sẽ không thể trả lời được 3 câu hỏi của Kabinlaphom và sẽ bị giết”. Khi đại bàng vợ hỏi về câu trả lời, đại bàng chồng đã nói:

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Thần sắc con người vào buổi sáng tập trung ở khuôn mặt, vì vậy buổi sáng con người phải rửa mặt

Thần sắc con người vào buổi chiều tập trung ở ngực, vì vậy con người thường tắm vào buổi chiều

Thần sắc con người vào buổi tối tập trung ở tay và chân, vì vậy con người thường rửa chân tay trước khi đi ngủ

Nhờ biết được tiếng chim, Thammabane nghe rõ ba câu trả lời và sau đó trở lại gặp Kabinlaphom. Theo cam kết, Kabinlaphom phải chặt đầu mình. Tuy nhiên, trước khi chặt đầu, Kabinlaphom dặn bảy cô con gái của mình giữ gìn cái đầu cẩn thận, vì nếu đầu ông ta rơi xuống đất sẽ xảy ra hỏa hoạn, ném lên trời sẽ gây ra hạn hán còn ném xuống biển thì biển sẽ khô cạn. Bảy con gái của Kabinlaphom đặt đầu cha trên một cái đĩa vàng và thờ ở động Khanthoumali, núi Phoukhaokailat. Hàng năm, các cô lần lượt đến đây tưới nước, rửa sạch đầu cha và đặt trở lại vào động.

Tục té nước trong Tết Bunpimay của người Lào bắt đầu từ đó. Hình ảnh hạn hán, hỏa hoạn trong truyện là dấu ấn của đặc điểm khí hậu khô nóng, còn chi tiết 7 cô gái dùng nước để tưới lên đầu vị thần Kabinlaphom là thể hiện nhận thức “hồn nhiên, ngây thơ” của người Lào xưa về tầm quan trọng của nước trong cuộc sống. Với niềm tin vào một thế giới đa thần, vạn vật hữu linh cùng với trí tưởng tượng bay bổng, người Lào xưa đã lí giải tục té nước bằng một truyện kể vô cùng độc đáo, hấp dẫn. Dù tin vào thế giới đa thần và chưa thể lí giải nguồn gốc của nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội, song người xưa vẫn tin vào khả năng của con người. Khẳng định và ngợi ca con người đó chính là tinh thần nhân văn cao cả của Thmmaphala. Vẻ đẹp nhân văn làm cho huyền thoại này cùng với tục té nước mãi trường tồn với thời gian.

Tết Bunpimay diễn ra trong ba ngày, từ ngày 15/4 đến ngày 17/4 hàng năm theo Phật lịch. Ngày đầu tiên cũng là ngày cuối cùng của năm cũ, người ta lau dọn sạch sẽ trong nhà ngoài ngõ. Ngày thứ hai không được tính đến vì đó là giao thời giữa năm cũ và năm mới. Hội bắt đầu vào ngày cuối cùng với nhiều hoạt động tung bừng khắp nơi. Ngày cuối cũng là ngày kết thúc tuần trăng [2]. Trong ba ngày này người Lào được nghỉ, không làm việc và cũng không có các hoạt động buôn bán. Một trong những nghi thức không thể thiếu trong ngày đầu của Tết Bunpimay đó là nghi lễ rước nàng Sangkhane, còn được gọi là “Nàng Xuân”, đây cũng là hoạt động thu hút sự quan tâm của người dân Lào cũng như du khách thập phương. “Nàng Xuân” được lựa chọn rất khắt khe và dựa trên các tiêu chí như phải là người đẹp, có đạo đức, có trình độ học vấn... Theo sau xe chở “Nàng Xuân” là đoàn rước rất hoành tráng với tiếng trống, nhạc và điệu múa hòa cùng sắc màu của những trang phục truyền thống đại diện cho 49 dân tộc của Lào. Sau khi kết thúc phần lễ, hội té nước chính thức được bắt đầu.

3. Các phong tục và giá trị văn hóa độc đáo

3.1. Tắm cho tượng Phật

Lào là đất nước có nền văn hóa Phật giáo lâu đời. Phật giáo gắn liền với đời sống hàng ngày của người dân, đến 90% dân số theo đạo Phật [1]. Chỉ riêng thủ đô Viêng Chăn đã có đến hàng trăm ngôi chùa, riêng mỗi phường đều có ít nhất một ngôi chùa lớn. Người Lào sống chân thật, lấy sự hướng thiện làm lẽ sống. Trong ngày Tết, vui nhất là ở các chùa chiền. Người ta cho nước thơm (nước ngâm từ các loài hoa thơm) vào lọ, vào bình, vào xô, chậu... để tắm cho Phật, cho các nhà sư. Cầu mong trong năm mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cuộc sống no đủ, đất nước thanh bình, thịnh vượng. Dịp Tết Bunpimay, người Lào không thể thiếu nước thơm để tắm cho tượng Phật. Nước thơm là loại nước sạch được thả những cánh hoa Đốc-khun (Dockhoun), dầu thơm, nghệ. Tại các ngôi chùa, nhà sư sẽ mang những bức tượng trong chùa ra ngoài sân để người dân có thể tắm cho tượng Phật. Người đi lễ chùa có thể dùng bó hoa Đốc-khun, hoặc có thể dùng tay, cốc, ca để vẩy nước lên những bức tượng. Nước thơm sau khi tưới lên các tượng Phật có thể hứng lại đem về nhà để vẩy vào người để lấy may...

Đây là một nghi lễ mang đậm màu sắc tôn giáo nhưng chúng ta cũng thấy khá rõ tính chất của lễ hội nông nghiệp, cầu mong sự tái sinh, sự mới mẻ trở lại của con người, muôn loài sau mùa khô hạn kéo dài.

3.2. Buộc chỉ cổ tay

Trong nét đẹp văn hóa xứ Triệu Voi, lễ buộc chỉ cổ tay (còn gọi là lễ sù khoán) [2] vừa là lễ vừa là nghi thức không thể thiếu nhằm chúc phúc cho người thân, bạn bè và những người đi xa trở về... Người Lào tin rằng con người có linh hồn (còn gọi là phi). Khi chết, linh hồn vẫn tồn tại, trú ngụ quanh bản làng, nhà cửa, do đó người sống làm lễ sù khoán cầu cho những linh hồn này phù hộ, che chở, đem lại may mắn cho mọi người. Lễ sù khoán thường được thực hiện vào dịp lễ, tết trong năm hay cưới hỏi...

Dịp Tết Bunpimay, người Lào thường tới các chùa làm lễ cầu an hoặc có thể mời các sư về nhà làm lễ. Vào buổi lễ, mọi người ngồi xung quanh chiếc Pha-khoán (hay còn gọi là mâm Khoán). Trên mâm lễ có bày hoa chủ đạo là cúc vàng, hoa chằm pa, một số loại quả, rượu, nước thơm... Chiếc mâm được trang trí theo hình tháp, khá đẹp mắt. Những sợi chỉ màu cũng được trang trí theo hình tháp, kéo dài từ đỉnh tỏa tròn ra khắp mâm, đủ dài để những người ngồi làm lễ xung quanh có thể cầm vào một đầu dây. Hoặc cũng có thể nhà sư cầm đầu dây, và người dự làm lễ sẽ cầm các đầu dây còn lại. Chính lễ, sư thầy sẽ làm lễ và khấn. Những người ngồi quanh mâm để khấn, một tay cầm sợi chỉ. Các sợi chỉ được nối vòng, tạo thành sợi dây liên kết từ người này sang người khác. Sau khi khấn xong, sư thầy

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

sẽ buộc chỉ cho người được nhận lễ trước khi buộc cho những người khác. Hoặc mọi người cũng có thể buộc chỉ vào tay nhau.

Nghi lễ này cũng có tại nhà riêng. Ngày Tết khách đến xông nhà được chủ nhà buộc vào cổ tay một vòng chỉ xanh hoặc đỏ, biểu tượng hạnh phúc và sức khỏe [4]. Lễ buộc chỉ cổ tay được chuẩn bị rất chu đáo, ban đầu gia chủ sẽ làm một mâm lễ cho buổi lễ cũng gồm có rượu, hoa, trứng, gà, xôi nếp, nước và chỉ trắng trang trí thành một hình tháp và trên đỉnh sẽ cắm một cây nến vàng. Bắt đầu vào buổi lễ, bên mâm Khoấn, tất cả những người tham dự sẽ ngồi xung quanh, người chủ lễ sẽ ngồi đối diện với những người nhận lễ. Chủ lễ sẽ châm cây nến trên đỉnh của mâm Khoấn và khấn vái. Những người xung quanh, tay trái cầm sợi chỉ, tay phải chạm nhẹ vào mâm. Những người ngồi xa, không với tới mâm thì vẫn chấp tay trái trước ngực, tay phải chạm nhẹ vào khuỷu tay của người ngồi phía trước để truyền lời nguyện tới tất cả các thành viên tham dự và tăng thêm sự gắn kết, tình đoàn kết giữa các thành viên dự lễ. Sau khi khấn xong, chủ lễ sẽ buộc chỉ tay cho người nhận lễ trước rồi lần lượt đến những người khác. Loại chỉ tay này được tết riêng, buộc thành chùm trên mâm lễ, cắt vừa đủ để buộc vào cổ tay. Sau đó những người khác cũng sẽ lấy những sợi chỉ trên mâm Khoấn và buộc cho nhau để cầu phúc, cầu may. Thông thường các vị khách chính, người già, gia chủ và phụ nữ sẽ được buộc nhiều nhất. Người dân Lào thường cầu cho người khác hơn là cầu cho chính mình. Bởi với họ cầu mong tốt lành cho người khác, thì sau đó, người khác sẽ lại mang bình an đến cho họ. Theo quan niệm của người Lào, để những lời cầu chúc “có hiệu nghiệm”, trong ít nhất ba ngày, người được buộc phải để sợi chỉ trên tay, không được tháo chỉ vì bất cứ lí do nào.

Lễ buộc chỉ cổ tay là một phong tục lâu đời mang đậm nét văn hóa của đất nước “Triệu Voi” để cầu phúc lành cho người được nhận lễ và thật chặt hơn nữa tình cảm giữa hai bên.

3.3. Ẩm thực trong ngày Tết

Nói đến tết Bunpimay của Lào không thể bỏ qua văn hóa ẩm thực nơi đây... Với nền ẩm thực lâu đời cùng với văn hóa, phong tục của người dân châu Á, ẩm thực Lào cũng có những nét tương đồng với các nước lân cận. Tuy nhiên, dưới bàn tay chế biến của người dân Lào, các món ăn có nét tinh tế riêng biệt. **Mỗi món ăn Lào**, tên gọi, hương vị được tạo nên từ cốt cách, quan niệm, sự gần gũi và chan chứa tình cảm của người dân nơi đây.

Lạp là một món ăn không thể thiếu của người Lào trong dịp những ngày Tết Bunpimay, là món ăn truyền thống trong lễ hội của người Lào và cũng là món ăn dân tộc gần gũi nhất của họ... Trong tiếng Lào, món Lạp (hay còn gọi là Lạp) mang nghĩa may mắn, tượng trưng cho lời cầu chúc bình an. Nguyên liệu làm món ăn này có thể dùng thịt bò, thịt lợn, thịt gà... trộn với gan băm nhỏ và gia vị như nước cốt chanh, ớt, riềng. Sau khi trộn đều, món Lạp sẽ ăn kèm rau sống như diếp cá, xà lách, đậu đũa... tất cả cùng hòa quyện

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

tạo nên mùi thơm cực kỳ hấp dẫn. Đặc biệt, món này mà không có thính thì sẽ làm giảm hương vị độc đáo của chúng. Vị chua của nước cốt chanh, vị cay của ớt, vị thơm của gia vị... đưa đến cho người ăn một cảm nhận khó quên. Người ta thường dùng Lạp chung với các loại rau như húng lủi, ngò gai. Trong ngày Tết, người Lào rất chú trọng tới việc ăn món lạp, đặc biệt là các doanh nhân. Theo ngôn ngữ của nước này, Lạp có nghĩa lộc. Trong mỗi gia đình, đặc biệt là những người làm nghề kinh doanh, món Lạp thường được các đầu bếp làm rất công phu, vì nếu món này trong ngày Tết mà không ngon thì họ thường ví năm mới làm ăn có nhiều điều xui. Theo nhiều chuyên gia văn hóa Lào, thì Lạp được xem như là linh hồn của người Lào trong năm mới. Người ta có thể đem chúc nhau bằng món lạp. Gia đình nào nhận được nhiều món này thì hy vọng năm mới sẽ có nhiều lộc.

Xôi nếp là món ăn truyền thống của người Lào và là món ăn không thể thiếu trong ngày Tết Bupimay. Ở Lào, cơm nếp thường được dát lên những bức tượng Phật hoặc những tường nhà ở gia đình để cúng các vị thần cư ngụ tại đó. Phụ nữ thường được liên tưởng mạnh mẽ với lúa gạo. Truyền thuyết kể rằng, nữ thần lúa đã hiến dâng mình cho ngọn lửa, và tro của nữ thần đã giúp cho dân làng được một mùa bội thu. Ở một số làng bản, hài cốt của những người phụ nữ tổ tiên được lưu giữ trong ngôi tháp nhỏ xây giữa ruộng lúa của gia đình. Người ta cho rằng người Lào ăn xôi nhiều hơn ăn cơm và gạo nếp gần như là lương thực hàng ngày của họ. Nhà nào cũng có chỗ hong xôi được sử dụng mỗi ngày. Hạt nếp Lào có đặc điểm thon dài và trắng trong, khi đồ thành xôi vẫn giữ được hình dáng và sắc trong ban đầu. Xôi được ăn kèm với lạp. Nhiều người e rằng xôi Lào như thế sẽ khô và cứng, nhưng khi nhón một miếng đưa vào miệng thì người thưởng thức sẽ bị thuyết phục, bởi xôi nếp Lào ngoài sự thơm dẻo còn có cả vị béo béo đặc trưng.

“Ăn xôi, thưởng lạp” [7] là câu nói cửa miệng của người Lào, điều đó đủ nói lên mối tương quan hòa quện của hai món ăn dân giã của cư dân Lào trong ngày Tết Bupimay.

3.4. Trang phục trong ngày Tết

Đến đất nước Lào chúng ta sẽ thấy trang phục ngày Tết và trang phục ngày thường có nhiều điểm khác nhau. Người Lào ngày thường khá giản dị, nam giới thường cắt tóc ngắn, mặc áo cổ tròn tay ngắn, quần đùi và bên ngoài quần chiếc khăn Phạ xà rộng màu hoặc kẻ ô vuông, nếu đi làm ruộng, làm nương rẫy thì họ mặc quần đùi hoặc quần dài nhuộm màu chàm.

Tuy nhiên, vào những ngày lễ trang trọng đặc biệt là ngày Tết Bupimay, nam giới thường mặc y phục dân tộc đó là áo sơ mi cổ tròn, khuy vải và cài về phía tay trái. Bên ngoài là chiếc quần đùi, các chàng trai quần thêm chiếc khăn rộng màu sắc sỡ, người Lào gọi nó là Phạ nhạo nếp tiêu, khi mặc họ cuốn qua háng rồi nhét vào cặp sau. Ngoài ra một số thanh niên còn quàng loại khăn màu chéo qua ngực gọi là Phạ biêng.

Phụ nữ Lào thường chọn cho mình một chiếc váy Sinh sắc sỡ. Sinh là một chiếc váy ống đơn giản, được làm bằng lụa, tơ lụa và bông hoặc bông chỉ, dệt họa tiết tinh tế cũng như thêu ren tinh tế. Váy Sinh đại diện cho vẻ đẹp quyến rũ và hấp dẫn của người phụ nữ Lào. Các cô gái mặc áo đính khuy đồng hoặc khuya bạc, quàng chéo trước ngực chiếc khăn “Phạ biêng” màu. Chiếc thắt lưng bằng đồng hay bạc gọi là “khêm-khắt” được bó sát lưng làm nổi thân hình thon thả của người thiếu nữ Lào. Đi chơi Tết các cô gái Lào thích đeo đồ trang sức như hoa tai, dây chuyền, nhẫn bằng vàng hay bạc. Nhưng phổ biến nhất là đôi bông tai và chiếc thắt lưng, đó là những vật kỷ niệm của người con gái được cha mẹ sắm cho từ khi còn bé.

Người Lào quan niệm rằng, khi đi chơi Tết hoặc lên chùa cầu may họ không được phép mặc quần áo ngắn vì như vậy là thiếu tôn trọng đối với cộng đồng và truyền thống của dân tộc.

3.5. Nghệ thuật diễn xướng trong ngày Tết

Nhân dân các dân tộc Lào rất thích ca múa, đặc biệt là các làn điệu dân ca truyền thống. Không chỉ trong những ngày lễ hội, vui chơi hợp quần... người Lào còn hay ca hát trong sản xuất ngoài ruộng nương, đi hái lượm trong rừng, xuôi ngược trên các dòng sông. Văn hóa nghệ thuật độc đáo của Lào còn thể hiện trong các điệu múa phổ biến rộng rãi, từ thành thị đến nông thôn. Đặc biệt là múa Lăm Vông (múa vòng tròn) tuy xuất hiện sau nhưng được phổ biến rộng rãi, và được coi như điệu múa tập thể tiêu biểu của dân tộc trong ngày Tết Bunpimay.

Theo tiếng Lào “Lăm” là hát, “Vông” là tròn. Lăm Vông thường sử dụng những điệu dân ca, như dân ca Tăng Vi, Lăm Xa-ra-van, Khấp Thùm... Trong các ngày lễ hội, dịp vui chơi tập thể, các buổi liên hoan đều mở đầu và kết thúc bằng Lăm Vông. Từng đôi nam nữ (có thể cả hai đều là gái hoặc trai) múa vòng tròn theo nhịp trống. Lăm Vông dễ múa, động tác sinh động, duyên dáng, uyển chuyển. Khi nhảy, mọi người đứng theo hai vòng tròn, nữ ở vòng tròn trong và di chuyển ngược chiều kim đồng hồ (Tuy nhiên ở trên sàn thì thường là ngược lại: Nam ở trong, nữ ở ngoài). Trước khi nhảy hai người chào nhau theo kiểu Lào bằng cách chấp tay trước ngực, chân hơi chùng xuống, đầu hơi cúi, đây cũng là kiểu chào của người Thái. Trong khi di chuyển nam và nữ có thể đổi vị trí, đi vòng quanh nhau... Tay nữ múa từ trong ra trong khi tay nam múa vòng rộng hơn và thấp hơn. Động tác của nữ là vừa cuộn bàn tay, vừa ép ngón trở vào ngón cái, các ngón xoè rộng và uốn cong. Chân thì cứ ba bước tới, một bước lùi. Còn phía trai thì lắng nghe những lời ca, những tiếng nhạc để “tự điều chỉnh mình” cho nhịp nhàng từng động tác. Trong những ngày Tết hay trong những đêm hội, già trẻ, gái trai đều tham gia múa ca một cách tự nhiên thoải mái.

Múa Lăm vông là hoạt động tập thể, mang ý nghĩa cổ kết, gắn kết cộng đồng của cư dân Lào và đặc biệt, trong Tết Bunpimay, Lăm Vông luôn đóng vai trò không thể thiếu, vừa là một nhu cầu sinh hoạt văn hoá, hình thức sinh hoạt tập thể vui tươi, vừa có tác dụng giáo dục thẩm mỹ của dân tộc Lào từ bao đời nay.

4. Kết luận

Có thể nói, ngày Tết cổ truyền Bunpimay là sinh hoạt văn hóa đã có từ lâu trong đời sống của người dân Lào. Tết Lào trên cơ sở là cái tết truyền thống của cư dân nông nghiệp Đông Nam Á có sự gắn kết sâu sắc với Phật giáo tiểu thừa. Cùng có nghi thức đặc trưng là té nước nhưng Tết Bunpimay có người Lào có màu sắc riêng. Tết Chol Chnam Thmey của Campuchia khiến ta say mê trong các điệu múa Apsara quyến rũ, cùng các món ăn truyền thống đậm hương vị Khmer dùng chung với rượu thốt nốt thơm lừng. Tết Thingyan của Myanmar lại ấn tượng với những thiếu nữ địa phương đều mặc váy áo sặc sỡ, đầu cài hoa giáng hương màu vàng rực rỡ. Còn tại Thái Lan, Tết Songkran được tổ chức rất trang trọng và náo nhiệt nhằm thu hút du khách, các cô gái xinh đẹp được tuyển lựa sẽ mặc trang phục truyền thống, đeo các lọ nước bằng bạc trong các đám rước, họ tổ chức nhảy múa và tiến hành nhiều trò chơi dân gian sôi nổi trên đường phố.

Những ngày tết Bunpimay của dân tộc, cư dân Lào đã gửi vào tập tục, lễ hội những tin yêu, hy vọng, tinh thần nhân văn sâu sắc, và qua phong tục, tập quán, lễ hội trong những ngày Tết cầu mong con người sống hạnh phúc, bình an, may mắn, tránh đi sự ngăn cách, sự khác biệt trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Trên các con đường, tuyến phố chính họ cùng té nước vui vẻ, cùng nhún nhảy theo tiếng nhạc, vui làm cho đêm Lăm Vông như ngắn lại, nhưng dù vui đến mấy người Lào vẫn giữ được bản chất hiền hòa, lối ứng xử mềm mại và luôn coi trọng giá trị nhân bản, luôn giữ được sự bình yên vốn có của đất nước Lào. Ngày nay, trải qua các cuộc vận động về đời sống mới, nếp sống văn minh, đã có những thay đổi lớn về hình thức cũng như nội dung ngày Tết, thay vào đó bằng những sinh hoạt vui chơi lành mạnh, phù hợp với nhịp sống khẩn trương, hiện đại của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, cũng không vì thế mà mất đi những điều hay, nét đẹp đậm đà bản sắc dân tộc của ngày Tết Bunpimay ở Lào. Với người dân Lào đón Tết cổ truyền Bunpimay là một điều kiện bảo tồn tinh hoa văn hóa dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nhiều tác giả, 1991, *Tìm hiểu lịch sử - văn hóa nước Lào*, Nxb Khoa học xã hội
- [2]. Nhiều tác giả, 1992, *Văn hóa lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

[3]. Diêu Hạnh Giao Trinh (dịch), Nguyễn Minh Tiên (hiệu đính và giới thiệu), 2009, *Truyện cổ Phật giáo*, Nxb Liên Phật Hội

[4]. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện, 1997, *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội

[5]. Nguyễn Lệ Thi (chủ biên), 2012, *Từ điển Lịch sử và văn hóa Lào*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Phạm Quang, 2017, *Độc đáo lễ buộc chỉ cổ tay của người Lào*, Bình Phước Online, truy cập ngày 22/4/2017

[7]. Cẩm Tuyết, 2006, *Món ngon Châu Á*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

LỜI ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC VÀI NÉT VỀ VĂN HÓA TỘC NGƯỜI TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI PHÍA TÂY HUYỆN QUAN SƠN TỈNH THANH HÓA

ThS. Bùi Thị Hậu¹

***Tóm tắt:** Nằm ở vùng cao biên giới phía tây tỉnh Thanh Hóa, Quan Sơn không chỉ có vị thế quan trọng về kinh tế đối ngoại, quốc phòng an ninh mà còn có vai trò là rừng phòng hộ giữ cân bằng môi trường sinh thái của tỉnh Thanh Hóa. Chính nhờ vị trí địa lý đặc biệt đó mà trong suốt chiều dài lịch sử, lãnh thổ này đã trở thành điểm hẹn của cộng đồng người Thái, Mường, Mông, Kinh... từ các vùng khác nhau mang theo những sắc thái văn hóa tộc người, những kinh nghiệm sản xuất đa dạng hội tụ về đây khám phá thiên nhiên, lập nghiệp sinh sống và cùng tạo nên tính phong phú và độc đáo của văn hóa Quan Sơn nói chung văn hóa vùng biên giới nói chung.*

1. Khái quát về văn hóa vùng biên giới phía Tây huyện Quan Sơn

Quan Sơn có 06 xã biên giới giáp với nước bạn Lào là: Tam Lư, Tam Thanh, Sơn Điện, Mường Mìn, Sơn Thủy, Na Mèo với 64km đường biên. Theo Địa chí Quan Sơn thì:

Tam Lư có 3 dân tộc Thái, Mường, Kinh cùng chung sống; trong đó: Dân tộc Thái chiếm 99,2%; Dân tộc Mường 0,5%; Dân tộc Kinh 0,3%.

Xã Mường Mìn có 3 dân tộc cùng chung sống bên nhau. Người Thái chiếm 89%; người Mường chiếm 6,5%; người Kinh chiếm 3,6% dân số toàn xã.

Xã Tam Thanh thì dân tộc Thái có 3.382 người chiếm 98%; dân tộc Kinh chiếm 0,2%; dân tộc Mường chiếm 0,1% dân số toàn xã. Trong 3 dân tộc sinh sống trên địa bàn, người Thái là dân tộc có mặt từ thuở khai mường lập bản, người Kinh, người Mường mới đến sinh sống tại xã từ năm 1988.

Xã Sơn Điện gồm dân tộc Thái chiếm 49,33%; dân tộc Mường chiếm 43,81%; dân tộc Kinh chiếm 6,86%. Trong các dân tộc trên địa bàn xã, dân tộc Thái có mặt sớm nhất, dân tộc Mường đến Sơn Điện đầu thế kỷ XV, dân tộc Kinh đến từ năm 1977.

Sơn Thủy hiện nay gồm 12 bản: Thủy Sơn, Chung Sơn, Xuân Thành, Thủy Thành, Thủy Chung, Khả, Mùa Xuân, Xía Nội, Muống, Cóc, Hiết và bản Chanh. Bản Xía Nội và Mùa Xuân là 2 bản của người Mông. Các bản còn lại chủ yếu là người Thái có xen kẽ một số người Kinh và người Mường. Bản Xía Nội chỉ có người Mông cư trú, tên Xía Nội là do

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

người Thái đặt tên từ xa xưa cho 2 nhánh của dòng suối Xia trong mát. Suối Xia có 2 nhánh. Nhánh lớn bắt nguồn từ Lào về Việt Nam, đồng bào Thái địa phương gọi là “Huồi Xia tốp” (suối Xia lớn); nhánh nhỏ chảy theo hướng đông bắc - tây nam đổ về suối Xia lớn, ngọn suối Xia nhỏ vẫn thuộc đất Việt Nam. Đồng bào Mông từ Pù Nhi di cư đến năm 1989 có 10 hộ ở suối Xia nhỏ lập bản, đồng bào Thái gọi bản đó là bản Xia Nội, đồng bào Mông cũng theo đó gọi tên cho bản mình.

Còn bản Mùa Xuân là do đồng bào Mông từ Pù Nhi chuyển đến từ năm 1989 cùng với hai bản Ché Lầu, Xia Nội. Bản Mùa Xuân trước khi có người Mông đến ở, người Thái đặt tên là bản “Sa Lước”, nhưng bản hợp lại tan, chỉ từ khi đồng bào Mông đến ở thì mới ổn định đến hiện nay. Ở bản Mùa Xuân có một núi đá với nhiều loại cây nở hoa quanh năm, người Thái gọi núi đá có cây đó là “Pha Bóc Mạy” (núi lá hoa). Khi đồng bào Mông đến ở nhìn núi hoa đẹp như mùa xuân quanh năm nên đã đặt tên bản của mình là bản Mùa Xuân. Tên Mùa Xuân tươi trẻ, có sức sống, có địa danh núi đá “cây hoa” rực rỡ quanh năm với huyền thoại giữa Công chúa Việt Nam và Hoàng tử nước Lào.

Tại Na Mèo, dân cư bao gồm dân tộc Thái chiếm 79,38%; dân tộc Kinh chiếm 11,1%; dân tộc Mông chiếm 7,3%; dân tộc Mường chiếm 2%. Trong số các dân tộc cư trú ở Na Mèo, dân tộc Thái có lịch sử lâu đời. Người Kinh lên định cư từ năm 1979, người Mường định cư từ năm 1986, người Mông chuyển từ Mường Lát đến từ năm 1989.

Như vậy, tại vùng miền núi biên giới Quan Sơn, có mặt sớm nhất ở vùng đất này là người Thái, Mường, Kinh. Người Mông từ xã Pù Nhi, huyện Mường Lát di cư đến vùng đất Quan Sơn vào thời điểm cuối năm 1989, cư trú tập trung ở 3 bản vùng cao giáp biên giới là Xia Nội, Mùa Xuân, Ché Lầu. Đặc điểm cư trú vừa xen cài vừa tập trung giữa các thành phần dân tộc cùng với lịch sử nguồn gốc của các tộc người, những tác động về kinh tế trong quá trình phát triển đã làm cho sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc trên địa bàn huyện Quan Sơn diễn ra mạnh mẽ và ngày càng sâu sắc, tạo nên những sắc thái văn hóa khá đặc sắc trên vùng đất này.

Đầu tiên là mối quan hệ giao thoa văn hóa giữa hai dân tộc Thái và Mường. Đây là mối quan hệ diễn ra sớm nhất và cũng sâu đậm nhất, tạo nên nhiều nét tương đồng về văn hóa giữa hai tộc người này trên nhiều phương diện cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Biểu hiện nổi trội dễ nhận thấy nhất là trang phục của phụ nữ Thái và phụ nữ Mường ở Quan Sơn. Ngoài ra, người Thái và người Mường ở Quan Sơn còn có chung một cơ tầng điều kiện tự nhiên phát triển kinh tế, chung mô hình tổ chức xã hội thiết chế bản mường. Chính vì vậy, văn hóa cộng đồng bản mường là nội dung chủ yếu của văn hóa truyền thống ở Quan Sơn.

Người Thái có số dân đông, chiếm đa số trên địa bàn huyện, nên sắc thái văn hóa Thái được xem như sắc màu nổi trội trong bức văn hóa tộc người ở Quan Sơn. Trên vùng đất này, đến thời kỳ có thêm sự hội tụ của người Kinh thì xu hướng giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các dân tộc Thái, Kinh, Mường, Mông mở rộng và có nhiều biến đổi. Đặc

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

biệt, khi các mối quan hệ hôn nhân hòa nhập huyết thống giữa các dân tộc Thái, Kinh, Mường ở Quan Sơn đã trở nên phổ biến và trong nhiều gia đình đã có từ hai, ba thành phần dân tộc trở lên thì mối quan hệ giao lưu văn hóa giữa các dân tộc ở Quan Sơn ngày càng diễn ra sâu sắc.

Từ góc nhìn đương đại, trong dòng chảy văn hóa các dân tộc ở Quan Sơn, vừa có sự kết tinh, lan tỏa của văn hóa Thái, vừa có sự hỗn dung, hòa đồng văn hóa giữa các dân tộc. Đó là chiếc cầu nối làm cho sự giao thoa văn hóa và mối quan hệ cộng đồng các dân tộc trên vùng đất Quan Sơn ngày càng trở nên thắm thiết keo sơn.

Văn hoá truyền thống dân tộc hình thành và phát triển trong lao động sản xuất của nhân dân từ lâu đời của các dân tộc anh em trong toàn huyện, trong đó do đồng bào dân tộc Thái chiếm trên 98%, sinh sống từ rất lâu đời nên bề dày của lịch sử và các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Thái ở vùng này có nét độc đáo riêng. Khi nhắc đến nền văn hoá người Thái tức là gắn liền với những nếp nhà sàn xinh xắn, nghề dệt thổ cẩm là một nghề được đồng bào ở đây còn lưu giữ rất lâu mặc dù trong thực tế hiện nay cơ chế thị trường có nhiều thuận lợi hàng hoá phát triển song vải thổ cẩm không thể thiếu được đối với đồng bào. Trong tâm thức của người Thái, thổ cẩm vẫn được dùng làm chăn, đệm bông lau, gối, váy áo cho con gái làm của hồi môn đi lấy chồng, hay trong việc hiếu cũng phải có vải thổ cẩm để báo hiếu với người thân trong dòng họ. Còn rượu cần vẫn là thức uống không thể thiếu được trong đời sống sinh hoạt truyền thống của đồng bào Thái có từ ngàn đời xưa để lại. Ngoài ra, các món ăn nổi tiếng của đồng bào Thái nơi đây như cơm lam, cơm nhuộm màu đỏ, màu vàng, màu tím (hay còn gọi là khâu cung cãm cung đen) thịt bò khô ướp hạt mắc khén, canh uôi nấu với cá sông nướng, những sinh hoạt đời thường của đồng bào Thái vùng Quan Sơn được kể trên chính là những giá trị văn hoá truyền thống mà từ ngàn đời xưa cha ông để lại đến bây giờ con cháu tiếp tục duy trì trong sinh hoạt hàng ngày.

2. Thực trạng hoạt động văn hóa tại vùng biên giới huyện Quan Sơn

Trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội theo hướng hiện đại hóa, vùng đất biên giới phía Tây huyện Quan Sơn vẫn lưu giữ những giá trị văn hóa đặc sắc.

Với nhiều cố gắng, bằng việc triển khai có hiệu quả các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, nên đời sống văn hóa vùng biên có những chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Đời sống văn hóa của nhân dân vùng biên ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc được phát huy, phong trào văn hóa, văn nghệ được cụ thể hóa và phát huy được truyền thống văn hóa của làng bản, dân tộc, dòng họ, gia đình và cộng đồng, chuẩn mực đạo đức xã hội cũng được nâng lên góp phần vào sự phát triển kinh tế- văn hóa- an ninh- quốc phòng, trong đó chú trọng đến việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện.

Càng ngày phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” càng hoạt động có chất lượng hơn làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, tác động trực tiếp

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

đến đời sống của nhân dân, có sức lan tỏa rộng lớn làm thay đổi diện mạo của quê hương, xóa bỏ các tập tục mê tín, dị đoan, ma chay, cưới xin lạc hậu, chú trọng quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa, trung tâm hội nghị, trung tâm thể thao, thông tin liên lạc, hệ thống đài truyền thanh- truyền hình ngày càng hoàn thiện, từng bước cải thiện đời sống cho nhân dân, trình độ dân trí được nâng lên, đời sống văn hóa tinh thần được phát huy xây dựng bảo tồn đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về văn hóa cho nhân dân ngày càng phong phú.

Việc khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống trong những năm qua đã tác động rất lớn đến việc giữ gìn và bảo tồn các giá trị văn hoá các dân tộc, có tác dụng thiết thực giáo dục các thế hệ, đặc biệt đối với lớp trẻ tình yêu làng bản, yêu quê hương và lòng tự hào về dân tộc mình... Do vậy, trong những năm qua các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các làng bản, gia đình văn hoá tích cực hưởng ứng thi đua đăng ký xây dựng cơ quan, làng bản, gia đình văn hoá với các tiêu chí trong đó giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống như vận động nhân dân làm nhà sàn, phát huy làng nghề dệt thổ cẩm, nghề làm rượu cần để phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho nhân dân đưa ra thị trường để trở thành hàng hoá đặc trưng của vùng miền. Cụ thể hiện nay tỷ lệ hộ đang ở nhà sàn là chiếm trên 90%; Nghề dệt thổ cẩm còn duy trì 100% /tổng số hộ; nghề làm rượu cần chiếm khoảng 80%/tổng số hộ.

Trong văn hoá phi vật thể, đồng bào dân tộc Thái có nhiều loại hình dân ca, dân vũ như: hát khặp, hát ru, múa chá, khua luống (quôn loóng), trồng chiêng (coóng dam) các lễ hội Mừng Xia; lễ hội Păn bán mừng; Lễ hội sên bản, sên mừng; lễ hội mừng com mới; làm vía; đám cưới truyền thống... đều được nhân dân gìn giữ và bảo tồn, tổ chức vào các ngày lễ, ngày tết và các sự kiện của đất nước,việc lớn của làng bản. Hiện nay trên toàn huyện có 99/99 thôn bản đã thành lập và duy trì được các đội văn nghệ mỗi một bản có từ 2 đến 3 đội văn nghệ thường xuyên tập luyện và tổ chức giao lưu giữa các đội văn nghệ trong bản hay tổ chức giao lưu trong xã và các xã bạn và phục vụ nhiệm vụ chính trị khi có yêu cầu.

Đặc biệt, sau hơn 5 thập kỷ gián đoạn, tới năm 2010, nhờ sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp cộng với sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân trong và ngoài địa phương, nên lễ hội Mừng Xia được khôi phục. Mừng Xia lại mở hội và vẫn giữ được cơ bản những nét truyền thống của lễ hội năm xưa vào ngày 9 và 10/2 âm lịch. Đó là dịp lễ để nhân dân trong mừng tưởng nhớ và tri ân vị tướng tài ba, đức độ Tư Mã Hai Đào. Người có công lao to lớn trong lịch sử chống giặc ngoại xâm để bảo vệ biên cương Tổ quốc và đã được nhân dân trong vùng lập đền thờ. Hàng năm, vào dịp tết đến, xuân về, nhân dân khắp trong vùng đều mang dâng của ngon, vật lạ để cầu cho mưa thuận, gió hóa, mùa màng, cây trái tốt tươi, vạn vật sinh sôi nảy nở, con người vui tươi, khỏe mạnh, nhà nhà ấm no, hạnh phúc. Hội cũng là ngày để nhân dân trong mừng tụ hội khoe sắc trong những trò chơi, trò diễn dân gian, trong những câu khặp tình nghĩa, bên những màn khua luống rộn ràng...

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Điều đặc biệt phần lễ văn được tế theo nghi thức trước đây truyền lại đó là cúng ở 5 điểm ứng với ngũ hành: Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ. Đồng thời, mỗi điểm gắn với một lễ vật, một câu chuyện riêng. Điểm thứ nhất, ứng với hành Kim, được tế dưới chân núi Pha Dừa, nơi nàng Lá Nồi và chàng trai Mường Chu Sằn hóa mây làm thần hai mường; Điểm thứ hai, ứng với hành Mộc, tế lễ ngay dưới gốc gạo cổ thụ trước Đền thờ Tư Mã Hai Đào và được tương truyền là nơi binh lính nghỉ ngơi mỗi khi tập luyện; Điểm thứ ba ứng với hành Thủy là ở Sộp Xia, nơi giao nhau giữa sông Luồng và suối Xia - nơi Tư Mã Hai Đào cho chôn cất những binh lính đã hy sinh khi chiến đấu bảo vệ biên giới với mong muốn linh hồn được siêu thoát, mát mẻ; Điểm thứ tư tương ứng với hành Hỏa cúng tại thao trường, nơi binh lính tập luyện võ nghệ, cúng Thần Mường Tư Mã Hai Đào; Và điểm thứ năm là hành Thổ, cúng tại nơi chôn hòn đá vĩa của cả Mường.

Việc bảo tồn các giá trị văn hoá của đồng bào dân tộc Thái nói riêng và các dân tộc trên địa bàn huyện Quan Sơn nói chung là rất quan trọng, không những khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc mà còn giáo dục cho thế hệ trẻ ngày nay lòng yêu nước, yêu quê hương, góp phần thực hiện thắng lợi tất cả vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Vương Anh (2001), *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh*, Sở Văn hóa-Thông tin xuất bản, Thanh Hóa.

[2] Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa (2004), *Địa chí Thanh Hóa (Văn hóa - Xã hội)*, Nxb KHXH, Hà Nội.

[3]. Huyện uỷ, ĐHND, UBND huyện Quan Sơn (2017), *Địa chí huyện Quan Sơn*, Nxb KHXH, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TẠI MỘT SỐ KHU CÔNG NGHIỆP Ở THANH HÓA

ThS. Lê Thị Hòa¹

Tóm tắt: Cả nước nói chung và Thanh Hóa nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng kinh tế, nhiều doanh nghiệp trong tỉnh đã và đang đứng trước bờ vực phá sản, phải đối mặt với thực tế “sống còn”. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều doanh nghiệp nhận thức rõ hơn về vấn đề phát triển bền vững. Để có thể tồn tại và phát triển một cách bền vững, doanh nghiệp không chỉ chạy theo lợi nhuận mà còn phải chăm lo tới đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân lao động của mình. Nền kinh tế, khoa học kỹ thuật có nhiều thành tựu thì kéo theo đó là nhu cầu sinh hoạt văn hóa của công nhân lao động ngày càng cao và chất lượng hoạt động thiết chế văn hóa của đối tượng công nhân lao động cần phải được nâng cao hơn trước nhiều. Hiện nay Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa của đối tượng là công nhân lao động, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cũng xuất hiện nhiều điểm sáng về phát triển phong trào văn hóa của công nhân lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có khoảng hơn 8000 doanh nghiệp cả quốc doanh và ngoài quốc doanh cùng với 5 khu kinh tế, khu công nghiệp (khu kinh tế Nghi Sơn; khu công nghiệp Đình Hương-Tây Ga; khu công nghiệp Lễ Môn; khu công nghiệp Bim Sơn; khu công nghiệp Lam Sơn). Tại đây, thu hút một nguồn công nhân lao động rất lớn, cũng như nhiều bộ phận nhân dân khác, công nhân lao động cũng có nhu cầu lớn trong các hoạt động văn hóa - tinh thần, đây vừa là thời gian thư giãn sau nhiều giờ lao động mệt nhọc mà còn là điều kiện để họ bổ sung thêm các kiến thức xã hội, góp phần tránh xa những tệ nạn xã hội đang có xu hướng gia tăng. Các hoạt động văn hóa của công nhân lao động cũng là một yếu tố quan trọng góp phần phát triển chất lượng hoạt động văn hóa cho nhân dân tại Thanh Hóa.

1. Yêu cầu cấp thiết về phát triển phong trào văn hóa của công nhân lao động

Các doanh nghiệp và khu công nghiệp được mở ra nhằm góp phần phát triển kinh tế, giải quyết tình trạng thiếu việc làm và thu nhập cho người lao động. Cách đây khoảng chục năm, các doanh nghiệp và khu kinh tế, khu công nghiệp ở Thanh Hóa hầu hết chưa thật sự quan tâm tới đời sống văn hóa của công nhân lao động của mình, mà chủ yếu đáp ứng cuộc sống vật chất cho nhân dân, tạo ra một thực tế đáng quan tâm là đời sống văn hóa của người lao động rất thiếu thốn và thiệt thòi so với các thành phần khác trong xã hội.

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Thành phần công nhân, viên chức có đặc điểm là họ làm việc theo quy định giờ giấc của công ty, doanh nghiệp đa phần là làm theo các ca (mỗi ca khoảng 8 tiếng) và đi làm hành chính (từ khoảng 7h đến 17h chiều), nhiều khi phải làm thêm ca, thêm giờ. Đời sống vật chất khó khăn và cường độ lao động cao khiến mức hưởng thụ văn hóa của công nhân lao động luôn ở mức thấp. Mặt khác, nhiều nơi môi trường văn hóa doanh nghiệp còn hạn chế, quan hệ giữa người sử dụng lao động và công nhân lao động chưa thật hài hòa, nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận, chưa quan tâm vào đầu tư và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, vui chơi giải trí, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân lao động. Chính vì vậy, mức độ tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng của công nhân lao động là hạn chế, tạo nên các “khoảng trống” văn hóa tại các doanh nghiệp và khu công nghiệp.

Hiện nay, nhiều nơi doanh nghiệp đã có quan tâm tới xây dựng một số công trình thiết chế văn hóa nhưng lại chưa biết cách phát huy vai trò của thiết chế văn hóa để phát triển phong trào văn hóa dành cho đối tượng công nhân lao động mà chủ yếu là làm đối phó, phong trào diễn ra thưa thớt, không có tính sáng tạo, khả năng thu hút công nhân lao động tham gia tích cực, nhiệt tình rất thấp. Theo thống kê của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, hiện nay cả nước có hơn 150 nhà văn hóa công nhân lao động cấp tỉnh, huyện và trong các doanh nghiệp, có gần 2000 đội văn nghệ quần chúng công nhân. Tuy nhiên mới chỉ có 28% doanh nghiệp tổ chức giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ, 31% doanh nghiệp luyện tập thi đấu thể thao, 22% doanh nghiệp duy trì hoạt động các câu lạc bộ sở thích và một nửa số doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tham quan du lịch...

Bên cạnh đó, qua khảo sát cho thấy, phần lớn các hoạt động văn hóa - thể thao do doanh nghiệp tổ chức thường mang tính “mùa vụ”, đơn điệu, khô cứng, không tạo sức hút đối với công nhân. Người công nhân hưởng thụ một cách thụ động chứ chưa được phát huy khả năng sáng tạo văn hóa trong không gian sống của mình... Điều quan ngại hơn là, một bộ phận công nhân tại các khu công nghiệp đang tự triệt tiêu nhu cầu hưởng thụ văn hóa, ít quan tâm các thông tin thường nhật của đời sống xã hội; một bộ phận không nhỏ lại dễ học đòi, buông thả nên họ cũng dễ bị sa ngã, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội....

Hoạt động xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân lao động trong các khu kinh tế, khu công nghiệp là rất cần thiết nhưng hiện nay việc tổ chức cho công nhân lao động vui chơi, giải trí nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần còn gặp nhiều hạn chế nhất định như: kinh phí còn thấp, các hoạt động tổ chức chưa thường xuyên, không có điều kiện tổ chức các hoạt động lớn. Vì vậy, công nhân lao động yêu cầu có khu vui chơi, giải trí để được thư giãn sau những ngày, những ca làm việc vất vả, yêu cầu có nhà văn hóa chung cho công nhân lao động được giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, góp phần giảm tình trạng công nhân lao động sa ngã vào các tệ nạn xã hội.

2. Một số điểm sáng trong phong trào phát triển hoạt động văn hóa dành cho công nhân lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp

Thanh Hóa chưa phải là một địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp như nhiều tỉnh thành khác trong cả nước, nhưng hướng đi công nghiệp hóa và hiện đại hóa mà Thanh Hóa đang tiến hành đưa Thanh Hóa trở thành một điểm đến đầu tư lý tưởng của nhiều nhà doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đầu năm 2013, Thanh Hóa nhận được một gói đầu tư khoảng 9 tỷ USD từ nhà đầu tư Nhật Bản vào nhà máy lọc dầu tại khu kinh tế Nghi Sơn. Qua đó, chứng tỏ sức hấp dẫn ngày càng lớn của môi trường đầu tư tại Thanh Hóa. Số lượng công nhân lao động tăng cao, nhu cầu sinh hoạt văn hóa - tinh thần của công nhân lao động được nhân dân và xã hội ngày càng quan tâm.

Trong quá trình phát triển hoạt động văn hóa của công nhân lao động tại các doanh nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp, một trong những công cụ đặc lực nhất chính là thiết chế văn hóa. Có ý kiến cho rằng, tại các khu công nghiệp và khu kinh tế không có thiết chế văn hóa chuyên biệt phục vụ cho đối tượng công nhân lao động, nhưng hiện nay theo định hướng xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở của nhà nước công nhân lao động đã có một hệ thống thiết chế văn hóa phục vụ phát triển hoạt động văn hóa của mình. Cụ thể, theo tờ trình "*Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*" đã được Chính phủ phê duyệt vào tháng 9/2013, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân viên chức lao động, bao gồm: nhà văn hóa lao động cấp huyện; cung, nhà văn hóa lao động cấp tỉnh; Trung tâm văn hóa - thể thao ở khu công nghiệp, khu chế xuất và ở các doanh nghiệp. Đặc biệt việc phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại cơ sở ngoài việc phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương còn phải phù hợp với quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất... có trên địa bàn.

Hiện nay, số nhà văn hóa công nhân lao động được xây dựng đang còn rất hạn chế, chỉ một số khu công nghiệp lớn như Bỉm Sơn, Lam Sơn, Nghi Sơn... là đã đầu tư xây dựng được và thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa cho công nhân và người lao động. Tổ chức công đoàn đã phát huy được vai trò tổ chức, quản lý và định hướng cho các phong trào sinh hoạt văn hóa của cán bộ, công nhân, viên chức, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần của cán bộ, công nhân, viên chức.

Bên cạnh thực trạng chung là hệ thống thiết chế văn hóa dành phục vụ cho cán bộ, công nhân, viên chức của các doanh nghiệp và khu kinh tế, khu công nghiệp đang còn nhiều thiếu sót và hạn chế, vẫn đã có nhiều điểm sáng nổi lên như là điển hình tiêu biểu về xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cải thiện sinh hoạt văn hóa của đối tượng dân cư là cán bộ, công nhân, viên chức.

Tại khu công nghiệp Lam Sơn (Thọ Xuân - Thanh Hóa), công ty cổ phần mía đường Lam Sơn đã đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao Lam Sơn với tổng kinh phí là 30

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

tỷ đồng với kiến trúc hiện đại, trong đó riêng nhà thi đấu đa năng có tổng diện tích là 5.132 m² với 2000 chỗ ngồi [4], điểm đặc biệt là trung tâm văn hóa do công ty xây dựng là một công trình thiết chế văn hóa tích hợp, vừa có Hội trường để tổ chức các sự kiện văn hóa - nghệ thuật, vừa có sân thi đấu thể thao gồm sân bóng bàn, sân cầu lông trong nhà, có sân bóng chuyên, sân tennis, sân bóng đá. Từ khi trung tâm văn hóa - thể thao Lam Sơn khánh thành vào năm 2010 đã đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hóa - thể thao của cán bộ, công nhân, viên chức của công ty. Không chỉ vậy, trung tâm văn hóa - thể thao do công ty đầu tư còn trở thành một địa điểm sinh hoạt cộng đồng, tập luyện thể dục-thể thao của nhân dân địa phương (thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa). Bên cạnh công trình trung tâm văn hóa, tại khu công nghiệp Lam Sơn với nòng cốt là công ty cổ phần mía đường Lam Sơn còn đầu tư xây dựng nhiều công trình thiết thực phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa - tinh thần của nhân dân như nhà mẫu giáo Lam Sơn với mức đầu tư gần 20 tỷ đồng; trạm xá y tế khang trang, hiện đại; khu tâm linh...trở thành một trong những đơn vị đi đầu trong phong trào phát triển đời sống văn hóa của công nhân lao động.

Bên cạnh việc xây dựng các công trình thiết chế văn hóa, trong tổ chức các hoạt động văn hóa, Công đoàn Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn cũng rất quan tâm tới tổ chức các câu lạc bộ cho cán bộ, công nhân, viên chức sinh hoạt văn hóa tiêu biểu như câu lạc bộ đi đầu sản xuất. Ngoài ra khi không phải là thời gian thời vụ sản xuất công ty tổ chức nhiều phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao phong phú, với hoạt động tích cực của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên đã thu hút sự tham gia rất tích cực của cán bộ, công nhân, viên chức ở mọi lứa tuổi và đơn vị. Tiêu biểu nhất là phong trào “Hát về vùng mía”, đây là một phong trào văn hóa - văn nghệ sôi động được tổ chức thường niên và rất quy mô không chỉ dành riêng cho công nhân lao động của công ty mà còn có sự tham gia của nhân dân phục vụ tại các vùng nguyên liệu sản xuất. Hay như giải bóng đá “Đoàn thanh niên công ty cổ phần mía đường Lam Sơn” được tổ chức cho đến nay đã là 13 lần... mở ra để cán bộ, công nhân, viên chức của nhà máy và nhân dân ở các vùng trồng mía cùng tham gia giao lưu cùng nhau. Hiện nay, với những thành tích tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên, sôi nổi trong công nhân lao động, công ty vẫn giữ vững vị trí là trung tâm tổ chức giao lưu văn hóa - thể thao của cả vùng mía đường Lam Sơn bao gồm địa bàn của nhiều huyện miền Tây tỉnh Thanh Hóa.

Tại khu công nghiệp Bim Sơn với doanh nghiệp chủ đạo là nhà máy xi măng Bim Sơn, là một trong những doanh nghiệp lớn nhất của tỉnh Thanh, với một đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức đông đảo, để thể hiện vai trò đi đầu trong ngành xi măng của mình, lãnh đạo công ty đã quan tâm tới vấn đề phát triển bền vững của cán bộ, công nhân, viên chức của mình, ngoài việc đảm bảo mức thu nhập còn thường xuyên tổ chức các phong trào văn hóa - thể dục - thể thao cho cán bộ, công nhân, viên chức, thể hiện ở việc Vicem Bim Sơn đã đầu tư xây dựng một trung tâm văn hóa - thể thao lớn, có đầy đủ hội trường, sân

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

bóng bàn, sân cầu lông, sân tennis, sân bóng chuyền. Nhiều đơn vị thuộc công ty đã được công nhận đơn vị đạt chuẩn văn hóa, tiêu biểu như năm 2013, trường mầm non xi măng đã được Liên đoàn Lao động tỉnh Thanh Hóa trao bằng công nhận đơn vị đạt chuẩn văn hóa năm 2013 [5]. Phong trào văn hóa - thể thao cũng thường xuyên được tổ chức cho cán bộ, công nhân, viên chức tiêu biểu nhất là giải thể thao truyền thống công nhân liên đoàn Vicem Bim Sơn bao gồm hệ thống các giải cầu lông, bóng bàn, tennis.

Tại khu kinh tế Nghi Sơn, điểm sáng đến từ công ty xi măng Nghi Sơn, đây là một điển hình của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài cùng với các doanh nghiệp quốc doanh phát triển phong trào văn hóa của công nhân lao động tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại, công ty có khoảng 350 cán bộ, nhân viên và người lao động; thu nhập bình quân người lao động trong 9 tháng năm 2013 đã đạt gần 14 triệu đồng/người/tháng. Ngay sau khi thành lập, công ty đã xây dựng hơn 300 căn hộ dạng biệt thự, chung cư cùng với công trình phúc lợi, xã hội khác với tổng số tiền lên tới hơn 200 tỷ đồng [6]. Ngay từ khi thành lập, cùng với việc xây dựng nhà máy, lãnh đạo Công ty xi măng Nghi Sơn đã chú trọng chăm lo đời sống của cán bộ, nhân viên và người lao động. Thể hiện ở việc, công ty đã cho xây dựng khu nhà ở cho công nhân lao động với đầy đủ công trình phúc lợi như nhà trẻ, khu thể thao, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis, bể bơi, nhà văn hóa... Cán bộ, công nhân viên ở xa được công ty bố trí xe đưa đón vào ngày cuối tuần. Điều đó đã làm cho người lao động gắn bó và đóng góp nhiều hơn cho hoạt động của công ty.

Trên đây là những điển hình tiêu biểu nhất, là điểm sáng cho phong trào phát triển hoạt động văn hóa dành cho đối tượng là cán bộ, công nhân, viên chức lao động. Trên thực tế, 3 doanh nghiệp - 3 trụ cột cho 3 khu kinh tế, khu công nghiệp ở Thanh Hóa đã tổ chức được các phong trào văn hóa - thể thao mạnh mẽ mà các doanh nghiệp khác trong tỉnh cần học hỏi nếu muốn thu hút nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực trình độ cao.

3. Một số giải pháp phát triển các phong trào văn hóa - thể thao tại các khu công nghiệp ở Thanh Hóa

Hiện nay Đảng và Nhà nước đang ngày càng quan tâm hơn tới chất lượng đời sống văn hóa - tinh thần của bộ phận cán bộ, công nhân, viên chức. Đặc biệt vào ngày 12/10/2011 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1780/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “*Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*” với mục tiêu xây dựng đội ngũ công nhân có nếp sống văn hóa lành mạnh, có tác phong làm việc công nghiệp, năng suất, chất lượng hiệu quả. Bên cạnh việc vạch ra chính sách nhằm nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa cho công nhân lao động, các cấp chính quyền thực hiện nghiêm việc phê duyệt phát triển các khu công nghiệp phải có quy hoạch xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa, xã hội phục vụ công nhân lao động, chủ các doanh nghiệp phải cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc chăm lo xây dựng đời sống văn hóa của công nhân.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Huy động mọi nguồn lực xã hội hóa xây dựng hiệu quả các tiêu chuẩn về “xây dựng đời sống văn hóa công nhân”: Từ năm 2011-2015 đạt các tiêu chuẩn quy định về 70 % công nhân và người sử dụng lao động ở các khu đô thị được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa; 100% tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có khu công nghiệp hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch phát triển thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân; 50% công nhân ở các khu công nghiệp được tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao; 50% doanh nghiệp đạt chuẩn “doanh nghiệp văn hóa” theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đến năm 2020 tiếp tục phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu: 100% công nhân và người sử dụng lao động ở các khu công nghiệp được phổ biến pháp luật về xây dựng đời sống văn hóa. Lượng công nhân ở các khu công nghiệp tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao được nâng lên 70%; số doanh nghiệp đạt chuẩn nâng lên 80%.

Công đoàn phải ngày càng phát huy vai trò tổ chức các phong trào hoạt động văn hóa - tinh thần cho công nhân lao động của mình, đặc biệt tập trung tổ chức thực hiện các phong trào “xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở” và cuộc vận động “xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh công nghiệp”, các hoạt động văn nghệ, thể thao cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động;

Nhằm từng bước chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động, phải làm sao xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh để người lao động phát triển và trưởng thành, xây dựng người công nhân mới có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn tốt, có sức khỏe và lối sống văn hóa. Tích cực hưởng ứng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa như gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, xây dựng gia đình, cơ quan, doanh nghiệp văn hóa góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Để thực hiện thành công công cuộc phát triển phong trào hoạt động văn hóa của công nhân lao động trước hết cần xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, chính sách về phát triển đời sống vật chất, văn hóa cho đội ngũ công nhân lao động tại các khu, cụm công nghiệp trong đó cần đảm bảo huy động 3 nguồn lực: sự đầu tư của tỉnh, sự đóng góp của các doanh nghiệp, nguồn xã hội hóa từ công nhân, tổ chức công đoàn và toàn xã hội. Đồng thời cần xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa xã hội đồng bộ, tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa trong công nhân lao động. Đặc biệt, phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, các chủ doanh nghiệp và đội ngũ công nhân trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

[1]. Tờ trình số 204/TTr-BVHTTDL "Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030" ngày 6/9/2013

[2]. Đề án "Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" ban hành 10/2011

[3]. Thông tư 01/2012/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 18/01/2012 "Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa"

[4]. Nguồn: www.lasuco.com.vn

[5]. Nguồn: www.vicem.vn

[6]. Nguồn: Hội vật liệu xây dựng Việt Nam VABM

NGHI THỨC CẦU MƯA CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI VIỆT

TS. Nguyễn Thị Thục¹

Tóm tắt

Cầu mưa là nghi thức được tiến hành khá phổ biến trong các hoạt động cộng đồng của người Việt - tộc người chủ thể ở Việt Nam với hoạt động sản xuất chính là trồng lúa nước. Bằng việc khảo sát thực tế và thu thập tư liệu liên quan đến một số nghi thức cầu mưa của người Việt, bài viết khái quát đặc điểm văn hóa chi phối đến nghi thức này, giải mã một số nghi thức tiêu biểu như nghi thức gọi về các yếu tố gây mưa (sấm, chớp, mây, gió...), nghi thức tác động đến thần linh để nhắc hoặc cầu việc làm mưa, nghi thức cầu tạnh. Trên cơ sở đó, bài viết tạm đưa ra một số đặc điểm chung về nghi thức cầu mưa của người Việt để thảo luận, đồng thời gợi mở hướng bảo tồn trong bối cảnh hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Trong nền chung của văn hóa nhân loại, mưa thường gắn với nguồn sinh lực từ trời chuyển xuống mặt đất để nuôi dưỡng thế gian, làm cho vạn vật sinh sôi, nảy nở. Mưa được coi là “nước thượng đẳng”, là phần tử gốc trong vũ trụ, tương đương với tinh khí và thần linh cũng thường xuống với trần gian theo những giọt mưa (Jean Chevalier và Alain Gheerbrant 2014, 608). Có thể nói, hạn hán là mối lo ngại nhất của cư dân trồng trọt, chính vì vậy, nghi thức cầu mưa được thấy ở hầu hết các khu vực trên thế giới và khá phổ biến đối với các cộng đồng cư dân nông nghiệp trồng lúa nước Đông Nam Á. Ở khu vực này, nước đóng vai trò quyết định đối với mùa màng, từ đó sẽ quyết định sự no ấm, hạnh phúc của con người.

Nước đến từ hai nguồn chính là mưa và các dòng sông, vì vậy, các vị thần được phụng thờ chủ yếu là thần Mưa và thần Sông trong tư cách là các phúc thần. Tuy nhiên, ở cộng đồng người Việt, đặc biệt là người Việt ở Bắc Bộ, nơi các con sông đã bị đắp đê để ngăn lũ lụt, thì việc sử dụng nước sông cho đồng ruộng ít được chú ý tới, việc xây dựng hệ thống mương phai một cách chủ động không mấy đậm nét trong ý thức của tộc Việt. Mưa cùng với những ao, hồ, đầm chứa nước mưa trở thành nguồn sống quan trọng của cây lúa. Chính vì vậy, tâm lý truyền đời của người Việt luôn cầu mưa xuống:

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

¹ Phòng Sau đại học

*Lấy ruộng tôi cày
Lấy đày bát com
Lấy rom đun bếp...*

(Đồng dao)

hay cầu cho mưa thuận gió hòa:

*Ơn trời mưa nắng phải thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu*

(Ca dao)

Trong bốn nhu cầu thiết yếu cho mùa màng mà người nông dân Việt đã tổng kết thì nước là hàng đầu: *Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống* (Tục ngữ)

nếu không có mưa thì mùa màng sẽ mất:

*Tháng tư mồng tám không mưa,
Vứt cả cày bừa mà lấp ruộng đi*

(Ca dao)

Nghi thức cầu mưa là một trong số những nghi thức cổ xưa nhất và đến nay vẫn còn khá phổ biến trong cộng đồng người Việt. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của văn hóa, xã hội, nhiều lớp ý nghĩa nguyên thủy đã được bồi đắp, che phủ bởi những lớp văn hóa mới của nhiều thời kỳ lịch sử. Việc bóc tách, giải mã những nghi thức này trở nên rất quan trọng, bởi nhiều khi chính cộng đồng cư dân thực hành nghi lễ một cách vô thức mà không thật sự hiểu hết ý nghĩa biểu tượng của chúng dẫn tới những sai lệch. Việc nghiên cứu những nghi thức này cũng góp phần cho công tác quản lý, tổ chức các hoạt động văn hóa của cộng đồng được tiến hành một cách khoa học, tránh tình trạng “kịch bản hóa”, “sân khấu hóa” nghi lễ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tham dự trực tiếp một số nghi lễ cầu mưa của người Việt, chủ yếu ở vùng châu thổ sông Hồng - được coi là địa bàn sinh tụ sớm nhất của người Việt, đến nay vẫn lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Ngoài việc quan sát, tác giả bài viết đã tiến hành phỏng vấn người dân sở tại để tìm hiểu kỹ lưỡng hơn về ý nghĩa những nghi thức được tiến hành, trong nhiều trường hợp cần thiết thì sử dụng phương pháp phỏng vấn hồi cố nhằm khai thác các thông tin về việc cử hành nghi lễ cổ xưa mà hiện nay đã bị ít nhiều biến đổi. Để có thêm thông tin nghiên cứu, tác giả còn sử dụng tư liệu đã xuất bản của nhiều nhà nghiên cứu uy tín ở Việt Nam. Các thông tin, tư liệu được sắp xếp và giải thích theo những vấn đề cụ thể của nghiên cứu.

3. Nghiên cứu và thảo luận

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Trong quan niệm của người Việt, thần linh là những siêu lực kết tinh sức mạnh của thiên nhiên/vũ trụ và đại diện cho thiên nhiên/vũ trụ¹, vì vậy chỉ có thần linh mới có sức mạnh ban mưa xuống trần gian. Nhưng thần linh thường cần có sự nhắc nhở và cần phải được cung cấp "phương tiện" để về trần gian thực thi nhiệm vụ mà con người mong chờ. Chính vì vậy, các nghi lễ cầu mưa phải được tiến hành trong một không gian thiêng (thường gắn đền, chùa, đình), thời gian thiêng (vào một số ngày nhất định trong năm, thường vào các dịp lễ hội hoặc khi trời hạn hán). Và, siêu lực của thiên nhiên/vũ trụ ở từng cộng đồng sẽ hiển hiện ở những vị thần khác nhau theo tinh thần "trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ". Bởi quá trình lịch sử hóa và huyền thoại hóa các vị thần được thờ phụng đã gắn bó mật thiết với cảnh quan từng vùng quê, di tích và điện thần, lại diễn ra khác nhau giữa các vùng văn hóa nên cách gọi ý đối với thần linh được biểu hiện vô cùng phong phú. Có thể kể đến một số hình thức nghi lễ sau:

Bằng quan sát và kinh nghiệm, người ta nhận thấy cơn mưa gắn với mây đen, sấm, chớp, gió..., vì vậy, trong nhiều nghi thức cầu mưa đã biểu hiện những lực lượng này.

Khởi đầu của cơn mưa là tiếng sấm. Ca dao người Việt có câu:

*Lúa chiêm lấp ló đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên*

Sấm gọi mưa, thúc lúa chiêm nhanh làm đòng. Người Việt có nhiều nghi thức giả tiếng sấm để cầu sấm thật. Phổ biến nhất là dùng tiếng trống. Tiếng trống thường mở đầu cho một lễ hội. Trống to nhất trong dàn trống hội là trống sấm, được làm khá lớn, tang trống màu đỏ (người Việt quan niệm màu đỏ biểu hiện cho nguồn sinh lực của trời), trên đó vẽ mây trời và những linh vật có liên quan đến tầng trời (như rồng) với nhiều đao mây tượng cho tia chớp. Khi đánh trống, âm thanh rền vang như tiếng sấm gọi mây về cho nước xuống. Chiếc trống sấm nổi tiếng có thể kể đến là trống ở đền Phú Mãn (thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh), tương truyền, do vua Lê Tương Dực (1509 - 1516) ban cho đền sau khi cầu đảo được mưa. Trong cuộc tàn phá của thực dân Pháp năm 1947 cả đền cùng chiếc trống cổ bị phá hủy. Năm 1998, người dân mới khôi phục lại trống với đường kính 1,68m, dài 2,18m nhưng theo họ không to bằng chiếc trống cổ.

Tiếng sấm còn được gọi bằng tiếng pháo. Xưa kia, pháo thường được đốt trong các dịp khai mạc, lễ cưới, giao thừa²... Tiếng pháo có nhiều lớp ý nghĩa, trong lễ hội thường có ý nghĩa cầu mưa. Pháo thường được làm thành hai dạng: pháo tràng (các pháo nhỏ được kết lại thành dây dài) và pháo đại (loại pháo lớn dùng để đốt một mình), trong lễ hội, pháo

¹ Bia đá chùa Bối Khê, Hà Nội, thế kỷ XV có ghi: "Anh tú của đất trời là sông núi, anh tú của sông núi là thần linh".

² Chúng tôi ghi lại một phong tục xưa để nghiên cứu. Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 406/TTg ngày 8 tháng 8 năm 1994 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1995) nghiêm cấm tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng pháo trên toàn quốc nên nhân dân Việt Nam không đốt pháo trong lễ hội nữa.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

tràng được đốt trước tạo thành những âm thanh âm ã như đất bầu trời đang chuyển động, cuối cùng đến pháo đại với tiếng nổ inh tai báo hiệu cơn mưa đã đến. Trong hội làng Đồng Kỵ (xã Đồng Quang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh), tổ chức vào mùng 4 tháng Giêng âm lịch hàng năm, có cuộc thi đốt pháo tràng, pháo đại. Năm nào pháo nổ to và tan hết xác thì người dân tin rằng năm đó sẽ được mùa và gặp nhiều may mắn. Chính vì vậy, việc làm pháo được người dân tiến hành rất cẩn trọng. Khi quân pháo phải quét sạch sân, già gừng hòa với nước mưa đun sôi rây khắp sân và nguyên liệu làm pháo để tẩy uế. Những người làm pháo phải là người trong sạch, lý lịch rõ ràng, gia đình không có điều xấu, không tang ma... Trước khi đốt, pháo được đặt lên kiệu, rước ra đình làm lễ tế. Theo ghi chép của các tác giả Toan Ánh và Nguyễn Thu Minh, pháo đại thường có kích thước rất lớn: năm 1923 quả pháo dài nhất là 15m, đường kính 1,52m; năm 1974 quả dài nhất là 6m, đường kính 1m. Những năm sau đó pháo thường dài 4-5m, đường kính từ 0,5-0,7m. Pháo tràng thường dài 150 - 200m, phải vắt qua tường đình, cuốn vào cành cây cao mãi lên ngọn. Mỗi tràng pháo nổ trên dưới một giờ (Toán Ánh, Nguyễn Thu Minh 2000, 455 - 456).

Ở hội chùa Bối Khê (xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) tổ chức vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch hàng năm, nghi thức đốt pháo có nhiều điểm đặc biệt. Ở đây, tư duy liên tưởng đã rõ nét và phong phú hơn, tiếng sấm được gọi cùng nhiều yếu tố gọi cơn mưa khác. Người dân đặt trên một ngọn cây tre (cao khoảng 15-17m) một khung giấy tròn (đường kính 40-50cm) quét dày thuốc pháo để bắt lửa, xung quanh gắn nhiều pháo con và ở giữa có một quả pháo đại. Khung giấy này gọi là màn than. Người ta dùng pháo Thăng Thiên¹, được chế tạo khéo léo để khi châm lửa nó bay lên vừa tới màn than thì nổ, tạo lửa gây cháy màn, rồi dẫn nổ đến pháo con và pháo đại. Nếu ngay từ chiếc pháo đầu mà màn than đã cháy nổ, thì được coi là một dấu hiệu tốt lành cho cả vùng, còn nếu không được thì tiếp tục đốt pháo thăng thiên cho đến khi nào màn than cháy mới thôi (Hương Nguyên 2013, 25-26).

Nghi thức trên có thể được lý giải như sau: Màn than đen sẫm thuốc pháo tượng trưng cho bầu trời mây đong nước. Màn than bắt cháy ngoằn ngoèo theo vệt thuốc như hình ảnh những tia chớp. Pháo con nổ râm ran tượng cho sấm rền. Tiếng nổ lớn cuối cùng tượng cho sấm đại. Tất cả làm nên một tiếng vọng của cơn mưa như nhắc nhở thần linh nổi sấm lên mà gọi mây mưa về cho mọi miền no ấm.

Trò ném pháo đất ở nhiều lễ hội vùng châu thổ sông Hồng cũng tạo ra âm thanh rền vang như tiếng sấm. Đất nặn pháo là đất dẻo lấy từ đồng ruộng, yêu cầu đất phải mịn, không có tạp chất. Mỗi quả pháo nặng từ 30 - 100kg. Người ta nặn đất thành hình oval, có miệng khum khum để khi quật pháo xuống đất theo chiều miệng úp xuống dưới thì khí bên trong pháo bị nén sẽ phá thủng một lỗ để thoát ra ngoài tạo ra tiếng nổ lớn. Năm 2014, tại lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc (huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) đã diễn ra lễ làm pháo đất, với

¹ Pháo thăng thiên là loại pháo khi đốt thì bay lên không trung rồi mới nổ.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

sự tham dự của khoảng 100 người. Người nào làm pháo nổ to và khi nổ viên pháo văng ra càng đều, đẹp và rộng thì sẽ được giải càng cao.

Nhiều khi, những nghi thức gọi về cả một chuỗi hiện tượng liên hoàn của cơn mưa, ví dụ trò múa sư tử. Bên cạnh nhiều lớp ý nghĩa khác của trò diễn này có lớp ý nghĩa cầu mưa. Múa sư tử ở Việt Nam khác với múa lân của Trung Quốc, đầu con sư tử được làm rất to, miệng há rộng, hàm dưới trễ hẳn xuống như đang lè lưỡi ra, không có thân mà chỉ có một tấm vải đỏ gắn dài xuống phía sau đầu. Đầu sư tử này gọi đến quỷ La Hầu (Rahu) đang ọe mặt trắng ra - hình ảnh được chạm phổ biến trên tất cả các không gian tín ngưỡng từ đình, đền, miếu, trên vô số các đồ lễ khí như ngai kiệu, hương án, xuất hiện từ không gian cung đình cho đến nhà dân. Đây là hình ảnh gọi đến sự được mùa, no đủ, yên lành (vì nếu mặt trắng bị nuốt thì con người sẽ gặp tai họa) và sự trường thọ (quỷ Rahu đã uống sữa trường sinh)¹. Một người đội đầu sư tử, một người cầm tấm vải đỏ (màu của sinh khí) gắn sau đầu phất lên phất xuống theo nhịp trống. Trước mặt con sư tử có người múa quả lồi buộc vải ngũ sắc (tượng cho sắc sét) để con sư tử vờn theo. Bên cạnh là vô số đèn ông sao (tượng cho tinh tú), đèn cá chép (tượng cho yếu tố nước) nhấp nhô lên xuống. Cùng với đó là tiếng trống tượng cho tiếng sấm. Tất cả tạo thành khung cảnh một bầu trời đang chuyển động, ban mưa thuận gió hòa dẫn đến đất đai phì nhiêu, cuộc sống no đủ tượng trưng bằng ông Địa với mặt tròn và nụ cười viên mãn, phong cách nhân tản vừa đi vừa phe phẩy quạt...

Hình ảnh về cơn mưa còn được gọi lên bằng những cuộc đua thuyền trên sông. Đây là nghi thức khá phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á. Mặc dù ngày nay, hội đua thuyền chỉ được hiểu ở phương diện tiếp nối truyền thống thượng võ của tổ tiên, song, ý nghĩa ban đầu của nó chính là một nghi thức cầu mưa. Trong khi đua thuyền, các tay chèo đã ra sức bỏ mạnh xuống nước tạo vận tốc tối đa cho thuyền đua để giành chiến thắng cho đội mình, đồng thời đó cũng tạo sự nổi sóng cho lòng sông. Trên bờ tiếng chiêng, tiếng trống khuấy tựa như tiếng sấm. Những lá cờ phất dọc, phất ngang như gọi sự vận động của bầu trời tạo ra những trận gió lớn. Nước bị mái chèo khua bắn tung tóe như mây tuôn... Tất cả tạo thành khung cảnh liên quan tới cơn mưa. Trong hội đua thuyền ở Đào Xá (Thanh Thủy, Phú Thọ) chỉ có hai thuyền được định danh là thuyền đực (đầu hình chim) và thuyền cái (đầu hình cá). Như vậy âm (cái - cá - dưới - ướt) và dương (đực - chim - trên - khô) hòa hợp, khuấy động nước (đánh thức thủy thần) để cầu nước. Ngoài đua thuyền trên sông, trong nhiều hội

¹ Hình ảnh này mang ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Trong những bản kinh tối cổ Puranas đã mô tả khá kỹ Rahu và Ketu. Khi các chư thần đang khuấy sữa trường sinh, con quỷ Rahu trà trộn vào thế giới thần linh để uống trộm thứ nước thần này. Mặt trời và mặt trăng nhìn thấy liền báo với thần Vishnu. Thần Vishnu nổi giận, ngay lập tức cắt đầu của Rahu từ cơ thể của nó với sự trợ giúp của vũ khí Sudershan Chakra của mình. Nhưng vì Rahu đã kịp nuốt sữa trường sinh vào trong miệng nên nó thoát chết, mặc dù đã mất một phần cơ thể. Kể từ đó, nó không bao giờ tha thứ cho mặt trời và mặt trăng, nên thỉnh thoảng lại nuốt chửng chúng, tạo nên nhật thực và nguyệt thực. Nhưng vì đã bị chặt mất nửa thân nên Rahu không thể giữ được mặt trời và mặt trăng trong người mình. Cho nên không bao lâu sau, chúng (mặt trời, mặt trăng) lại thoát ra được (Bhojraj Dwivedi 2002, 28).

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

ở miền Bắc tổ chức diễn xướng chèo chải (chèo thuyền cạn) cũng với ý nghĩa cầu nước này.

Không chỉ gợi ý về cơn mưa, trong nhiều trường hợp, cộng đồng cư dân còn tìm cách tác động trực tiếp đến thần linh để họ ban mưa xuống. Vào những năm trời hạn hán, nhiều làng tổ chức tục "ngự dội" cầu mưa. Đền Thánh Tén (xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) thờ Lê Phụng Hiểu (sau chuyển hóa thành Thánh Tén, Thánh Bung). Trong truyền thuyết dân gian, biểu tượng của ông là đám mây. Truyện còn kể: ông có bình nước mưa nên giỏi việc làm mưa. Khi trời hạn, dân làng làm lễ rước tượng Thánh trong đền ra sông Mã, múc nước tắm cho tượng. Nước dội đến đâu dùng khăn đỏ lau sạch đến đấy. Sau đó khiêng kiệu lên bờ và rước về làng. Nghi thức này như một sự gợi ý Thánh hãy nhớ ban mưa cho dân làng. Không biết việc này linh nghiệm đến đâu, chỉ biết một số cụ già trong làng còn kể: có năm, rước về chưa đến làng, mưa đã ập xuống như trút nước.

Trái ngược với nghi lễ "ngự dội", có nơi lại tổ chức phơi tượng giữa trời nắng hạn để cầu mưa. Chùa Bối Khê (xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội) ngoài thờ Phật còn thờ Thánh Bối (theo kiểu tiền Phật hậu Thánh) - người khổng lồ có công xây chùa và ban phúc lành cho nhân dân trong vùng. Tượng của Thánh đặt trong Hậu cung, ngày thường không ai được vào, chỉ đến ngày lễ, ông thống coi giữ chùa cùng một vài người được lựa chọn cẩn thận mới vào làm lễ. Nhưng đến khi trời đổ nắng mãi mà không mưa, các nghi lễ cầu cúng khác đều không linh nghiệm thì dân làng tổ chức phơi tượng ngoài nắng. Vào ngày giờ được chọn trước, một số người già trong làng đã ăn chay cầu niệm sẽ cùng ông thống vào lễ Thánh. Lễ xong, tượng Thánh được rước ra ngoài sân phơi nắng. Thoạt nhìn hành động này có vẻ "phạm thượng", mâu thuẫn với sự tôn sùng Thánh, nhưng lại được người dân lý giải: ngôi trong hậu cung kín bung, có lẽ đức Thánh không biết trời đang hạn, khi ngôi dưới cái nắng như thiêu đốt, Ngài sẽ đồng cảm với nỗi khổ của nhân dân mà ban mưa xuống.

Nhiều nghi thức cầu mưa trong dân gian mang màu sắc Đạo giáo. Cùng ở chùa Bối Khê, còn có một nghi thức cầu mưa khác: nghi thức "tróc rồng". Dân làng bện rơm thành năm con rồng lớn đặt ở sân tượng cho 5 phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung phương). Miệng mỗi rồng ngậm một ống đu đủ, cắm vào ấm nước trong tiếng trống âm ỉ, ông Thống cầm kiếm đứng trên thềm múa võ, đồng thời lẩm nhẩm đọc thần chú. Cuối cùng, ông xá dài vào chùa. Toàn dân chờ đợi hương khói nghi ngút cho đến lúc những hạt mưa đầu tiên rơi xuống. Nếu sau một lúc lâu mà trời không mưa, ông Thống lại đứng lên múa võ, bắt quyết, niệm chú, cuối cùng hét lớn và vung kiếm chặt vào đầu một con rồng để ra oai. Con rồng bị "trùng phạt" thường là con rồng hướng Bắc, vì người dân đã nghiệm rằng: "con đàng Bắc chưa chắc đã mưa" (Trần Lâm Biền 2013, 402).

Con rồng trong văn hóa Việt Nam không chỉ tượng trưng cho vương quyền mà còn là con vật hiện thân của tầng trời và là chủ nguồn nước. Rồng luôn là đề tài chính trong

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

điều khắc cổ ở bia đá, đình, đền, chùa... gắn với niềm hạnh phúc nông nghiệp. Chính vì vậy, khi có hạn hán, người ta viện đến rồng, bắt rồng làm mưa. 5 con rồng được đặt ở năm hướng tượng trưng cho toàn thể không gian, sẽ hút nước từ 5 phương (tượng trưng bằng các ấm nước) về để làm mưa. Lúc này, ông Thống được coi là hóa thân của Thánh. Bản thân Thánh Bồi (hay Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không) xưa kia tu hành theo lối Mật tông, thông thạo phù chú nên cũng thường hành phép ấn quyết, cầu đảo giúp dân. Ở ông Thống còn thấy bóng dáng của ông mo Mường được Việt hóa và phức tạp hóa trong sự hỗn dung giữa tín ngưỡng dân gian Phật giáo và yếu tố Đạo Trung Hoa.

Mong ước mưa thuận gió hòa của người Việt đã trở thành nỗi ám ảnh trong tâm thức dân gian và chi phối cả một số tôn giáo du nhập vào nước ta. Trong nhiều hội chùa (gắn với Phật giáo) có hiện tượng các sư lập đàn cầu mưa, nhất là những năm trời hạn. Hoặc ở vùng Dâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), có thể thấy rõ bà mẹ Man Nương (bóng dáng xã hội mẫu hệ của người Việt cổ) đã nhanh chóng nhập vào Phật điện (ở Luy Lâu - một mảnh đất khởi nguyên của đạo Phật ở Việt Nam), trở thành Phật Mẫu, và sinh ra (bằng phương pháp kết thai thần kỳ) Tứ pháp: Pháp Vân (mây), Pháp Vũ (mưa), Pháp Lôi (sấm, sét), Pháp Điện (chớp). Hội Dâu trở thành hội chung của 5 làng thờ 5 mẹ con Man Nương. Trọng tâm của hội là các đám rước để Tứ Pháp hội tụ và hội cùng Phật Mẫu Man Nương. Hình thức bên ngoài như một cuộc thăm rước giữa các thần đúng như tôn ti trật tự và sự hiếu thuận (các em đến thăm chị và thăm mẹ), song cái cốt lõi bên trong không khó nhận ra chính là biểu tượng của sự hội tụ, giao hòa các yếu tố quan trọng trong thời tiết, giúp cho mưa thuận gió hòa. Ý nghĩa đó được phụ họa bằng nhiều tục trò mang ý nghĩa cầu mưa, cầu mùa: trò đánh gậy, trò cướp nước, dâng nước, múa sưa tử, múa trống, đấu vật, đốt cây bông...

Nhiều khi, nghi thức cầu mưa được gửi gắm ở những trò diễn riêng. Hội chợ làng Chuông (xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, Hà Nội) có tục thổi cơm thi. Các cô gái của làng ứng thí sẽ đứng vào một vòng tròn với đường kính khoảng 1,5m, có một đũa tre chừng 6, 7 tháng không phải con mình để ra, và một con cóc cùng các đồ nấu nướng. Các cô phải lấy lửa từ bụi nhùi rơm, tước mía làm củi, nhóm bếp trông trẻ con không khóc, trông con cóc không cho nhảy ra ngoài vạch với. Theo một số cụ già địa phương thì: Hình thức vẽ một vòng tròn bằng vôi trắng là tượng cho trời, con cóc là cậu ông trời, tượng cho mưa (trên trống đồng có nhiều con cóc đã mang nghĩa này). Giữ cóc trong vòng tròn được đồng nhất với ý thức cầu mưa, cầu một dòng sinh lực cho cây trồng, đảm bảo nguồn hạnh phúc (nồi cơm dẻo ngon). Trước đây, người con gái đi dự nấu cơm thi còn phải ăn chay và khi nấu không được nói cười, phải chăng để đồng nhất với bà mẹ Đất. Các cô gái vất vả vượt qua những điều kiện làng đặt ra để thử thách sự nhanh nhẹn, tháo vát của các cô. Nồi cơm của cô nào chín trước, dẻo ngon mà không phạm lỗi sẽ được làng thưởng.

Mặc dù chủ yếu là cầu mưa, nhưng người Việt không chỉ cầu mưa xuống mà là cầu cho “mưa thuận gió hòa”. Khi lúa chắc hạt, chuẩn bị thu hoạch thì trời nắng ráo là rất cần thiết. Chính vì vậy, bên cạnh nghi thức cầu mưa còn có nhiều nghi thức cầu tạnh. Một trong những hình thức phổ biến là hội thả điều, thả chim câu. Muốn thả được điều hoặc chim câu thời tiết phải khô ráo, bầu trời quang quẻ, vì vậy hội thả điều gắn với mong ước "phong đăng hòa cốc". Hội thả điều trước đây có ở làng Nguyễn (Đông Hưng, Thái Bình), làng Bá Giang (Đan Phượng, Hà Nội), làng Vũ Đại (Lý Nhân, Hà Nam)... Ngày nay, ý nghĩa cầu mưa của hội thả điều đã phai nhạt, phủ lên trên đó là ca ngợi sự khéo léo, tinh thần thượng võ. Nghi lễ cầu tạnh còn có thể thấy ở một số nghi thức khác như tục phất cờ tống ở hội đền bà Tắm vào những năm trời âm u để xua tan mây ám cho trời quang mây tạnh.

4. Thay lời kết

Những nghi thức cầu mưa dẫn ra ở trên chỉ là một phần rất nhỏ ẩn trong di sản văn hóa Việt Nam, mà ý nghĩa ẩn tàng sau mỗi nghi thức còn nhiều chiều cạnh cần phải giải mã. Tạm qua sự tìm hiểu khái quát đó, chúng tôi thấy rằng: Cầu mưa là một ước vọng thường hằng trong tâm thức người nông dân Việt, do vậy nghi thức cầu mưa được thấy ở nhiều cộng đồng dân cư, vào nhiều thời điểm và nhiều sự kiện của cộng đồng, phổ biến nhất là trong lễ hội. Tuy hình thức đa dạng, không làng nào giống làng nào, nhưng các nghi thức đều xoay quanh cái trục cốt lõi là tâm thức, tư duy chung của cộng đồng cư dân nông nghiệp trồng lúa nước. Hầu hết nghi thức cầu mưa không được tiến hành đơn lẻ mà thường gắn với nhiều nghi thức khác thành một chuỗi liên hoàn hướng tới việc cầu mùa, cầu sự no ấm, hạnh phúc. Cũng như nhiều hiện tượng văn hóa khác, hình thức cử hành nghi lễ không nhất thành bất biến mà có sự phát triển, biến đổi qua thời gian, và thường được bao bọc bởi nhiều lớp văn hóa chồng lấn, đan xen một cách phức tạp. Qua đó, ta cũng thấy được sự hỗn dung giữa Phật giáo, Đạo giáo với tín ngưỡng dân gian. Nhiều nghi thức chứa đựng yếu tố văn hóa Ấn Độ hay văn hóa Trung Hoa nhưng những yếu tố ngoại lai đó đều được khúc xạ cho phù hợp với tâm thức Việt và nhòa trong những yếu tố văn hóa bản địa.

Bàn về nghi thức cầu mưa là để hiểu thêm một di sản văn hóa của dân tộc, góp thêm vào sự hiểu biết về “đa dạng văn hóa” của nhân loại. Thay cho lời kết, tôi muốn trích lại lời của Hippolyte Le Breton - một học giả người Pháp, làm nhà giáo ở trường Quốc học Vinh từ năm 1924 đến năm 1928 đã nói cách đây gần 100 năm: "Vì hiểu, nên mới yêu, và càng yêu thì càng hiểu hơn, cả hai tiếng ấy đều trợ lực cho nhau, nên cần phải biết kết hợp với một bàn tay mạnh mẽ và khéo léo", và "Cái gọi là sự tiến bộ chỉ là truyền thống đang đi lên. Nếu không có những truyền thống tốt đẹp, con người sẽ bị lôi cuốn theo bản năng xấu" (Hippolyte Le Breton 2014, 23, 39).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

1. Toán Ánh, Nguyễn Thu Minh. 2000. “Hội Đồng Ky” trong *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật: 452-458.
2. Bhojraj Dwivedi. 2002. *Hindu-traditions & Beliefs: A Scientific Validity: Question-answers*, Diamond Pocket Books (P) Ltd.
3. Trần Lâm Biền. 2014. *Đình làng Việt (châu thổ Bắc Bộ)*. Hà Nội: Thế giới.
4. Trần Lâm Biền. 2013. *Con đường tiếp cận lịch sử*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
5. Hippolyte Le Breton. 2014. *An Tĩnh cổ lục*. Hà Nội: Văn hóa Thông tin.
6. Nguyễn Thị Việt Hương. 2015. *Tục thờ nước của người Việt qua lễ hội ở Hà Nội và vùng phụ cận*. Hà Nội: Lao động.
7. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant. 2014. *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*. Thành phố Hồ Chí Minh: Đà Nẵng
8. Hương Nguyễn. 2013. “Một thoáng về lễ hội dân gian cổ truyền” *Tạp chí Di sản văn hóa* số 2(43):21-26
9. Nhiều tác giả. 2000. *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam*. Hà Nội: Văn hóa dân tộc
10. Lê Huy Trâm, Hoàng Anh Nhân. 2001. *Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh*. Hà Nội: Văn hóa dân tộc.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI THANH HÓA (TRƯỜNG HỢP DÂN TỘC MÔNG)

ThS. Nguyễn Thị Thủy¹

***Tóm tắt:** Xây dựng đời sống văn hoá vùng đồng bào dân tộc Mông không chỉ là vấn đề của riêng ngành VH,TT&DL mà đòi hỏi phải có sự quan tâm của toàn xã hội. Trong những năm qua các cấp chính quyền và các sở, ban ngành đã kịp thời nắm bắt những nét văn hoá chủ yếu của người Mông, đặc biệt là nét văn hoá có truyền thống đoàn kết lâu đời, là “phên dậu” trấn giữ, bảo vệ biên cương của Tổ quốc để tuyên truyền, vận động đồng bào xây dựng văn hoá mới trên cơ sở phát triển nền văn hoá truyền thống của dân tộc mình.*

1. Vài nét về dân tộc Mông ở các huyện miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, Tộc người Mông chủ yếu sống tập trung ở huyện Mường Lát, là huyện vùng cao biên giới xa xôi nhất của tỉnh Thanh Hoá, một số khác sống rải rác ở huyện Quan Hoá và tập trung tại vùng biên giới Việt Lào thuộc hai xã Na Mèo và Xuân Thủy của huyện Quan Sơn với 3.163 hộ, với trên 17.000 nhân khẩu, cư trú tại địa bàn 44 bản biên giới

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đời sống văn hoá mới cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh, những năm qua các cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp tỉnh tỉnh Thanh Hoá đã quan tâm, chỉ đạo, phân công 51 ban, ngành cấp tỉnh đỡ đầu cho 51 bản đặc biệt khó khăn (trong đó chỉ có 3 bản người Khơ-mú và Dao, còn lại là các bản người Mông). Mỗi đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo hỗ trợ về vật chất, kinh phí, vận động bà con chăm lo phát triển kinh tế và thực hiện các mặt văn hoá xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội, xây dựng củng cố hệ thống chính trị cơ sở, vận động đồng bào phát huy tinh tự lực, tự cường, đổi mới kinh tế, cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế sản xuất, xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ phát triển tài nguyên rừng, phát huy, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá. Được các cấp chính quyền trong tỉnh đặc biệt quan tâm, dân tộc Mông đã dần nghe theo sự vận động của chính quyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Họ đã từng bước rời bản từ vùng rẻo cao hẻo lánh xuống định canh, định cư ven các thung lũng và các dòng suối lớn, ổn định nơi ăn ở, từng bước bỏ cuộc sống du canh, du cư, ổn định làng, lập trường mới để con em được đi học. Mọi người cũng bảo nhau không đốt phá rừng làm nương rẫy, phòng chống cháy rừng, nhận rừng khoanh nuôi, chăm sóc và bảo vệ rừng, nhận

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

trồng rừng mới, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từng bước giảm tỉ lệ đói nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, xoá mù chữ, nâng cao dân trí, xoá bỏ dân những hủ tục lạc hậu. Hệ thống Đảng, chính quyền từ xã xuống chi bộ và trường bản ở các làng, bản được củng cố để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, giữ gìn an ninh biên giới. Do đó, việc truyền đạo trái phép đối với đồng bào Mông đã sớm bị dẹp ngay từ thời điểm manh mún ban đầu. Trật tự an ninh vùng cao biên giới ổn định. Từ cuộc sống chủ yếu du canh, du cư, trồng cây thuốc phiện; đến nay, hưởng ứng cuộc vận động của Nhà nước, người Mông ở Thanh Hoá đã bỏ được cây thuốc phiện, thay thế bằng các loại cây nông sản khác, phát triển kinh tế phục vụ đời sống nhân dân.

2. Công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở vùng đồng bào Mông Thanh Hoá những năm gần đây

Việc xây dựng đời sống văn hoá, bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống của đồng bào Mông được ngành VH,TT&DL luôn coi trọng. Xây dựng và phát triển những giá trị mới về văn hoá, văn học nghệ thuật của đồng bào Mông. Tập trung chỉ đạo và trực tiếp hướng dẫn đồng bào tổ chức nơi ăn, ở hợp vệ sinh, phòng ngừa dịch bệnh. Khuyến khích đồng bào hoạt động văn hoá, lễ hội truyền thống. Xây dựng hương ước, quy ước ở bản, làng. Xây dựng tiêu chí và triển khai, đẩy mạnh phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” phù hợp với điều kiện các bản, làng miền núi. Thời gian qua, thực hiện phong trào này, bản người Mông đầu tiên được xây dựng bản văn hoá là bản Pù Toong, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát. Điều đó đã tạo được niềm tin trong công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở của ngành VH,TT&DL đối với vùng đồng bào dân tộc Mông. đặc biệt 3 bản đồng bào Mông khó khăn bao gồm: Bản Tà Cóm, Bản Khăm Ba (Suối Mạ), xã Trung Lý và Bản Cá Nội, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.

Trong quá trình chỉ đạo, hỗ trợ các bản Mông Tà Cóm, Cá Nội và Khăm Ba (Suối Mạ). Sở VH,TT&DL Thanh Hóa đã thành lập Ban chỉ đạo và tổ công tác mà nòng cốt là những đồng chí có kinh nghiệm và am hiểu về công tác dân vận, dân tộc khảo sát tình hình đời sống vật chất, tinh thần và nhu cầu, nguyện vọng của người dân trong 3 bản Mông để theo dõi chỉ đạo và quản lý.

Công tác tuyên truyền duy trì và phát huy văn hoá truyền thống của dân tộc được thực hiện tốt, công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở các bản người Mông đặc biệt khó khăn cũng được quan tâm đặc biệt, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá giai đoạn 2015 - 2020, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá đã chủ động xây dựng điểm sáng văn hoá tại bản Tà Cóm nhằm ngăn chặn truyền đạo trái phép ở vùng miền núi dân tộc đặc biệt khó khăn. Tụ điểm hoạt động được xây dựng với mức kinh phí 500 triệu đồng, với diện tích 120 m² với đầy đủ trang thiết bị như phòng màn, bàn ghế, máy nổ, ti vi, đầu đĩa, tủ sách; bên cạnh đó, ngành còn mở lớp tập huấn hoạt động VH,TT - TDTT cho trường bản và thanh niên cũng như xây dựng nội quy hoạt động cho nhà văn hoá, đến nay

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Tụ điểm văn hoá này đã đi vào hoạt động có hiệu quả và cũng đã trở thành điểm sáng của vùng đồng bào dân tộc Mông. Bước đầu đạt kết quả rất khích lệ, nhân dân tin tưởng vào cán bộ làm công tác văn hoá của ngành, tạo cho việc tiếp cận đồng bào Mông để triển khai những nhiệm vụ tiếp theo.

Bên cạnh đó, tại vùng đồng bào dân tộc Mông, còn xây dựng điểm liên kết Đoàn - Trường - Trạm tại bản Mông Tà Cóm để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đời sống văn hoá khu vực đồng bào Mông trong công tác xây dựng quỹ “ngày vì đồng bào dân tộc Mông Tà Cóm” và trích nguồn kinh phí từ quỹ này đầu tư cơ sở vật chất, tinh thần cho bản trong mục tiêu xây dựng bản vùng cao dân tộc Mông Thanh Hoá. Chỉ đạo Phòng VH TT các huyện có đồng bào Mông sinh sống như Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hoá thường xuyên nắm bắt thông tin tình hình các bản dân tộc Mông để báo cáo về Sở kịp thời có những công tác chỉ đạo, hướng dẫn và giải quyết công việc có hiệu quả.

Để nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đời sống văn hoá các bản người Mông, cán bộ Đảng viên cũng như lãnh đạo chính quyền, phòng văn hóa, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, đồn biên phòng đã nhiều lần trực tiếp xuống bản cùng ăn, ở, sinh hoạt với người dân để từng bước vận động bà con xây dựng đời sống văn hoá, đặc biệt là những cán bộ phụ trách công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở. Họ là những người luôn sát cánh cùng đồng bào những lúc tổ chức các hoạt động văn hoá cũng như khi gặp khó khăn nên rất được đồng bào Mông tin yêu, nghe theo lời cán bộ. Những năm qua có nhiều thiết chế Văn hóa Thông tin (Nhà văn hóa làng, bản) được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị khang trang cho vùng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc Mông. Việc làm này đã nhận được sự hưởng ứng và cảm mến sâu sắc của bà con dân tộc Mông đối với Đảng và Nhà nước. Từ thiết chế VH TT này đồng bào Mông có tụ điểm tổ chức các hoạt động VH TT, được sáng tạo và hưởng thụ văn hoá. Cũng chính từ nơi này vốn văn hoá truyền thống của dân tộc sẽ được bảo tồn, gìn giữ, phát huy và phát triển. Ngành đã đầu tư cho công tác thực hiện chính sách phát triển văn hoá - kinh tế vùng cao biên giới bằng việc hướng dẫn, chỉ đạo và hỗ trợ việc xây dựng các thiết chế văn hoá, hỗ trợ trang thiết bị hoạt động thông tin lưu động cho các vùng đặc biệt khó khăn. Vận động bà con dân tộc Mông sống quần cư thành bản. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho đồng bào Mông. Thời gian qua ngành đã đầu tư các trang thiết bị hoạt động văn hoá như ti vi, loa đài, chảo anghen, phong, màn, trang phục biểu diễn... trị giá hàng trăm triệu đồng.

Một số kết quả bước đầu đạt được trong công tác xây dựng đời sống văn hoá ở khu vực đồng bào Mông như sau:

- Tạo được niềm tin yêu của đồng bào với các cấp bộ Đảng và chính quyền. Đồng bào tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước, qua đó công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc Mông đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được đồng bào nhiệt tình hưởng ứng và thực hiện, tạo ra bước chuyển biến mới trong đời sống kinh tế của đồng bào cũng như việc tăng cường ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Quá đó đời sống và sinh hoạt của đồng bào được cải thiện. Cuộc sống của đồng bào ổn định hơn, tình trạng du canh, du cư được hạn chế. Các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu có xu hướng giảm. Kinh tế từng bước được phát triển, giảm tỉ lệ hộ đói, hộ nghèo. Hệ thống Đảng từ xã xuống đến chi bộ được củng cố đảm bảo đời sống ổn định của nhân dân, giữ gìn an ninh biên giới.

- Việc truyền đạo trái phép được dẹp ngay từ thời điểm manh mún ban đầu. Do đó trật tự an ninh biên giới vùng cao của tỉnh ta ngày càng ổn định.

- Cơ sở vật chất, các thiết chế sinh hoạt văn hoá được đầu tư xây dựng. Đến nay đã cónhà văn hoá làng, bản vùng đồng bào Mông được đầu tư hoạt động, tạo địa điểm sinh hoạt văn hoá - hội họp phù hợp cho đồng bào.

- Các giá trị văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát huy. Việc sưu tầm, lưu giữ các giá trị văn hoá nghệ thuật được quan tâm đầu tư đúng mức. Các đề án sưu tầm làn điệu dân ca, dân vũ, các lễ tục... của dân tộc Mông được cán bộ ngành văn hoá nghiên cứu thực hiện được đánh giá cao trong giới nghiên cứu dân tộc học.

- Mức hưởng thụ văn hoá tinh thần của đồng bào từng bước được nâng lên. Thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hoá, giao lưu văn hoá, hội thi, hội diễn truyền thống của đồng bào các dân tộc thường xuyên được tổ chức kết hợp với các đội chiếu bóng lưu động, thông tin cổ động, các ngày chợ... đã từng bước nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho đồng bào

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở vùng đồng bào Mông vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Công tác xây dựng đời sống văn hoá vùng đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn do trình độ dân trí của dân tộc Mông còn thấp, thiếu cập nhật thông tin, không có điều kiện tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật nên các tập tục lạc hậu cũ, các tệ nạn xã hội và các luồng văn hoá phản động có điều kiện trỗi dậy. Bên cạnh đó, đời sống của đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, đồng bào lại sống ở vùng sâu, vùng biên giới xa xôi còn khó khăn về nhiều mặt như địa bàn hiểm trở, giao thông đi lại không thuận lợi cản trở lớn việc triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác, đặc biệt là công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Kinh tế vùng đồng bào dân tộc Mông còn chậm phát triển, nhiều bản còn rất nghèo đói và lạc hậu, thói quen, tập tục du canh, du cư của đồng bào Mông cũng gây trở ngại không nhỏ cho việc vận động bà con xây dựng đời sống văn hoá mới. Bên cạnh đó các thế lực thù địch âm mưu “diễn biến hoà bình” lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái phép gây nguy cơ phai mờ bản sắc văn hoá dân tộc, làm cho văn hoá truyền thống của đồng bào bị lai căng, pha tạp, đồng bào dễ bị các thế lực chống phá lợi dụng đời sống khó khăn trong đời

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

sống kinh tế của đồng bào, hiểu biết hạn chế của đồng bào để xúi giục, xuyên tạc các chủ trương chính sách của Đảng, chống phá cách mạng. Vì vậy việc xây dựng đời sống văn hoá cơ sở cũng gặp phải nhiều khó khăn, hạn chế trong việc triển khai công tác chuyên môn.

- Vấn đề thiếu kinh phí triển khai, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động văn hoá, các sản phẩm văn hoá phù hợp cho đồng bào, các hoạt động văn hoá thông tin tuyên truyền, vận động bằng song ngữ trên hệ thống phát thanh, truyền hình, sách, báo, tạp chí còn quá ít ... cũng hạn chế hiệu quả công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

- Đội ngũ cán bộ tâm huyết với công tác xây dựng đời sống cơ sở miền núi nói chung và vùng đồng bào dân tộc Mông không nhiều, không biết nói tiếng Mông, ở cơ sở nghiệp vụ quản lý còn yếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người Mông còn rất hạn chế cả về số lượng và chất lượng nên việc xây dựng và chỉ đạo các hoạt động văn hoá thông tin ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

3. Một vài giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở vùng đồng bào dân tộc Mông

3.1. Giải pháp về nâng cao nhận thức

Xây dựng đời sống văn hoá vùng đồng bào dân tộc Mông là trách nhiệm của toàn xã hội. Tuy nhiên có đôi lúc, đổi mới nhận thức về vai trò của văn hoá đối với phát triển vẫn dừng lại ở nhận thức mà chưa thực sự chuyển biến thành hành động, thành chương trình, nghị quyết cụ thể hoặc hành động và xây dựng chương trình thừa thiết thực, cụ thể, sát với đặc điểm văn hoá của đồng bào Mông nên hiệu quả thực hiện công tác chưa cao. Vì vậy cần tiếp tục tuyên truyền mạnh mẽ về vai trò động lực của văn hoá đối với vùng người Mông. Từ sự chuyển biến về nhận thức, các cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở cần có nghị quyết về vấn đề tăng ngân sách, tăng mức đầu tư cho văn hoá. Vai trò của văn hoá phải được thể hiện ở các chương trình, chiến lược, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với đồng bào dân tộc Mông cần tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để đồng bào nhận thức sâu sắc về giá trị văn hoá của dân tộc mình mà có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy cũng như thấy rõ những âm mưu thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch mà không nghe theo lời dụ dỗ của chúng. Khơi dậy và phát huy tinh thần cách mạng, lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp, ý thức tự lực, tự cường của đồng bào Mông.

- Trong công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho đồng bào cần thực hiện đúng phương châm công tác dân tộc là: kiên trì, thận trọng, chắc chắn. Phương pháp tuyên truyền phải cụ thể, chính xác, thiết thực, dễ nghe, dễ hiểu. Đồng thời phải sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục sinh động, sát với từng đối tượng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, vai trò của văn hoá, văn nghệ, đặc biệt là vai trò của các già làng, trưởng bản trong công tác vận động quần chúng nhân dân.

3.2. Tăng cường đầu tư kinh phí, tăng mức chi cho hoạt động văn hoá vùng đồng bào dân tộc Mông.

Những năm gần đây việc đầu tư kinh phí, tăng mức chi cho hoạt động văn hoá - thông tin- Thể dục thể thao vùng đồng bào dân tộc Mông đã được quan tâm nhưng chưa đúng mức và chưa đồng bộ, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của người dân trong việc xây dựng các thiết chế văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá cộng đồng. Kinh phí đầu tư dàn trải, chủ yếu theo chương trình mục tiêu kế hoạch hàng năm. Một số nhà văn hoá bản Mông được xây dựng nhưng chưa được coi trọng đầu tư đồng bộ, mới dừng lại ở việc có nhà văn hoá và còn đang thiếu các thiết bị trang âm, ánh sáng, loa đài, các phương tiện tối thiểu chuyên dùng. Do đó, nhiều nhà văn hoá không hoạt động được hoặc hoạt động không thường xuyên, không hiệu quả. Vì thế các dự án, chương trình đầu tư về văn hoá cơ sở cần được tiến hành đồng bộ mới hiệu quả.

3.3. Nghiên cứu xây dựng một số cơ chế chính sách văn hoá phù hợp với vùng người Mông

**Chính sách đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất*

- Có chính sách huy động kinh phí nhân dân, kinh phí các doanh nghiệp, kinh phí của cơ quan giúp đỡ các bản đặc biệt khó khăn nhằm mục đích cho các hoạt động văn hoá thông tin, xoá đói giảm nghèo.

- Tăng cường việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc Mông bằng nhiều hình thức khác nhau ngoài nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước như: Tạo cơ chế thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá vùng đồng bào dân tộc Mông bằng chính sách thuế hoặc chính sách ưu đãi về giá.

- Đối với những làng, bản, nếu có các địa điểm du lịch, tham quan hoặc có di tích thì cần xây dựng chính sách trích % từ nguồn thu lệ phí tham quan phục vụ cho xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

**Giải pháp về đào tạo, tập huấn*

Hàng năm đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên trách xây dựng đời sống văn hoá cơ sở đều được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Nâng cao kỹ năng công tác xây dựng đời sống văn hoá ở vùng đồng bào các dân tộc nói chung và vùng dân tộc Mông nói riêng.

Cán bộ chuyên trách văn hoá xã vùng đồng bào Mông thường xuyên biến động, trình độ học vấn còn thấp nên cần xây dựng chế độ đào tạo dài hạn và tập huấn thường xuyên.

Vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ là người Mông cũng hết sức lưu ý. Để xây dựng được đội ngũ cán bộ là người Mông trở thành những chiến sỹ văn hoá có đủ lý luận, bản lĩnh, là cầu nối truyền đạt ý Đảng đến với bà con và nói được tiếng nói của lòng người dân tộc đến với Đảng. Đội ngũ trưởng thôn, trưởng bản, đội trưởng đội văn nghệ các làng, bản hàng năm đều phải được tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Đối tượng đưa đi đào tạo là rất quan trọng. Hiện nay Nhà nước đang áp dụng hình thức “cử tuyển” để đào tạo cán bộ là người dân tộc. Thanh Hoá là địa phương áp dụng hình thức này chưa thực sự hợp lý và chưa nhiều về số lượng con em người dân tộc Mông được đi đào tạo. Do đó, ngoài cách “cử tuyển” như lâu nay cần mở rộng đối tượng để đưa đi đào tạo. Đó là những người đứng đầu các dòng họ, thầy cúng, thầy chỉ đường, vai trò các bà cô trong xã hội người Mông. Đây là những người thông hiểu và nắm được “đường lý”, “đường luật” của xã hội người Mông, vai trò của các bà cô có quyền sửa đổi phong tục tập quán của dân tộc. Với tinh thần đổi mới hiện nay, cần loại bỏ quan niệm “chủ nghĩa lý lịch” trong việc tuyển chọn người để đi đào tạo cũng như sử dụng

**Nhóm chính sách về tôn vinh các nghệ nhân*

Thông kê đầy đủ các nghệ nhân, hạt nhân văn nghệ dân tộc Mông có hiểu biết và có năng khiếu về văn học dân gian dân tộc Mông. Có chính sách động viên, khuyến khích để các nghệ nhân tích cực truyền dạy hát dân ca, dân vũ, múa khèn, gảy đàn môi, thổi thùa, dệt vải lanh cho lớp trẻ; Ngành Văn hoá cần nghiên cứu tham mưu cho Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch ban hành tiêu chuẩn về danh hiệu Nghệ nhân, xây dựng chính sách tôn vinh các nghệ nhân, khen thưởng những người hoạt động văn nghệ quần chúng tiêu biểu trong cộng đồng dân tộc Mông để động viên, khích lệ họ tích cực tham gia phong trào.

**Giải pháp về xã hội hoá các hoạt động văn hoá cơ sở*

Cần phát huy vai trò của các tổ chức tự quản trong nhân dân, kết hợp chặt chẽ với các phong trào, các cuộc vận động khác của các ngành, đoàn thể như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” của MTTQ, phong trào “nông dân làm kinh tế giỏi” của Hội Nông dân...

Chủ trương xã hội hoá cần được thể hiện bằng cơ chế chính sách huy động vốn đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá. Ngoài nguồn đầu tư quan trọng từ ngân sách nhà nước cần đa dạng hoá các nguồn đầu tư, huy động được các nguồn lực và sự đóng góp rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân để xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở vùng đồng bào dân tộc Mông nhằm nâng cao mức hưởng thụ đời sống văn hoá, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, tăng cường sức đề kháng trước sự xâm nhập của quan điểm, các trào lưu văn hoá độc hại, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Vương Anh (2003); *Tiếp cận với văn hóa bản Mông xứ Thanh*; Nxb Văn hóa dân tộc.

[2]. Thông tư số: 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch *Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hoá-khu thể thao thôn*.

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

[3]. Thông tư số: 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/1/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch *Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.*

[4]. Thông tư số: 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch *Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa”, “thôn văn hóa”, “làng văn hóa”, “ấp văn hóa”, “bản văn hóa”, “tổ dân phố văn hóa” và tương đương.*

[5]. Thông tư số: 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch *Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.*

“LỄ HỘI CẨM MƯƠNG CỦA NGƯỜI THÁI Ở HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

TS. Tạ Thị Thủy¹

Tóm tắt: Lễ hội truyền thống là loại hình sinh hoạt văn hóa, sản phẩm tinh thần của người dân luôn giữ vai trò như sợi dây gắn kết cộng đồng được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử. Đối với người xưa sinh hoạt trong cộng đồng làng, bản, lễ hội là tất cả, vô cùng thiêng liêng với niềm tin được các vị thần bảo hộ cho dân làng được “nhân khang vật thịnh”. Do vậy, lễ hội là dịp con người được trở về nguồn cội tự nhiên hay nguồn cội của dân tộc có ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí con người. Lễ hội Cẩm Mương của người Thái ở Bá Thước không chỉ phong phú về diễn trình lễ hội mà còn độc đáo về mặt ý nghĩa.

1. Diễn trình lễ hội

Thời gian và không gian lễ hội: Lễ hội Cẩm Mương được tổ chức từ 20 đến 23 tháng 8 âm lịch hằng năm. Lễ hội thường được tổ chức ở khu vực hang cá và gò đất ở cánh đồng.

Cũng giống như lễ hội nói chung, lễ hội Cẩm Mương bao gồm phần lễ và phần hội.

Phần lễ: Thờ đa thần (Trong ba ngày)

Ngày thứ nhất thờ thần Ông Hoàng Mường người khai phá đất đai khu Mường thờ ở ngoài cánh đồng.

Ngày thứ 2 thờ các thần hang cá và người khai phá đất đai khu mường, và các tướng lĩnh trong phong trào Cần Vương như Hà Văn Nho, Đè Ngự, Tống Duy Tân.

Ngày thứ 3: Thờ ông Lê Lợi ở hai đền thờ Đoàn Ban bo Hạ - Kỳ Tân (Đoàn Ban nơi gắn với sự tích người dân cho Lê Lợi ăn thịt chó và măng Giang) và ở đỉnh núi Bù Đền (tên cũ là Lai Li Lai Láng), thờ thần hoàng làng, hoàng bản

Phần hội: Tổ chức xen kẽ giữa hội và lễ, ngày đầu thờ thần Hoàng Mường thì tổ chức vui chơi tại cánh đồng Văn Nho, có nhiều cuộc thi nhưng quan trọng nhất vẫn là thi Uống rượu cần. Ngày thứ 2, thứ 3 thi kết hợp đi giao lưu giữa các khu vực, giữa các thôn bản và đi thăm cảnh vào hang Ban, hang Rộc, hang Dơi, hang Kia, đi xem dấu chân người khổng lồ... Trai Gái chia nhiều nhóm đi chơi giao lưu, nói chuyện.

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

Ngày thứ nhất: Gốc là thờ Ông Hoàng Mùng, và thờ các thần khai phá ra vùng đất và theo quan niệm của mọi người thì cỏ cây vạn vật đều giống như sinh linh khác đều có thể xác và linh hồn; vào tháng 8 cây lúa đang độ chửa, đây cũng là dịp để kết hợp làm vía cho cây lúa và vạn vật cầu mong sự sinh sôi nảy nở mùa màng bội thu.

Công tác chuẩn bị cho buổi lễ: Đầu tháng 8 tổ chức họp quan lang - người uy tín nhất trong bản Mùng, sau đó mọi người chọn gò đất cao để thờ các vị thần; nhà thần làm bằng vách đan thưa không làm kín (bởi vì người Thái quan niệm làm vách kín là cho con người ở, còn thần ma thì ở vách thưa), trong buổi họp có các quan Lang xã trưởng của nhiều chòm bản trong Mùng về dự họp (Mùng gồm các Pọng, Pọng gồm các chiêng) họ bàn xem năm nay vật tế Mùng là gì? Ai là người sẽ đóng góp, việc sửa nhà thần đến lượt ai? công việc sửa sân bãi, chuẩn bị các lễ vật các trò chơi... giao cho ai?

Vào sáng sớm mọi người từ các nơi trong Mùng tập trung về để chuẩn bị Treo công chiêng, nấu nướng tại chỗ, không bàn ghế, lấy lá cọ trải xuống. Thịt cơm gà, xôi, lấy 1 phần để cúng còn lại cho mọi người ăn. Vừa cúng vừa uống rượu cần.

Địa điểm tổ chức là ở khu Gò đất cao, ở gò có 3 thửa ruộng, 1 thửa ruộng để thi uống rượu cần, 1 thửa ruộng để ăn, trước đó thi vót dứa.

Phần cúng: có 1 thầy cúng (chỉ có 1 dòng họ được cúng, thầy cúng được gọi là mo Mùng)

Thời gian cúng: khoảng 2 giờ, có bài cúng, báo cáo với các vị thần linh, thổ địa cả Mùng, nhờ các thần phù hộ độ trì, đến năm đến kì nhớ đến công lao khai phá, cho dân có cái ăn cái ở, được khỏe mạnh vui chơi lao động sản xuất.

Bài cúng: đầu tiên là cúng thần khai phá đất Mùng, sau đó mời thần thổ địa, núi, nước, sông, thần huyền thoại.

Có 5 phần:

- Mời các thần về (mời từng thần một).
- Mời cơm, khi mời cơm “mời các thần ăn cơm, phù hộ cho con cháu”, vừa ăn vừa mời.
- Mời tắm.
- Chia quà: thổ cẩm, vòng tay, vòng chân, trầu cau...
- Đưa tiễn các thần về nhà.

Trong khi thờ cúng thì xen kẽ tổ chức thi uống rượu cần, có năm thi vật, ném còn, chơi trò chơi dân gian diễn ra cả ngày.

Buổi Trưa: Cả Mùng tổ chức ăn cơm.

Khi ăn mâm cỗ các quan lang là mâm chính cùng với những người cao niên có uy tín trong Mùng đưa về nhà ông trưởng Mùng để ăn (thầy cúng ăn riêng); còn lại, mỗi làng mỗi nhóm, ăn tập thể, chải lá cọ để bày thức ăn, nhóm nào cũng có rượu cần.

Buổi Chiều: Người già, quan lang xã trưởng uống rượu cần, bàn việc Mùng, việc

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

nước. Cuộc họp do ông mục chủ trì (người giúp việc cho ông trưởng Mường) thực hiện những việc mường đặt ra, làm mường, làm đường..., quy ước của bản, của Mường, thường phạt rõ ràng, dân vi phạm thì xử phạt như thế nào, ông tạo (người đứng đầu vi phạm thì xử như thế nào; nhẹ phạt bằng tiền hoặc bằng trâu để khao cả làng, nặng hơn như là đánh người vô cớ, đạo đức không đứng đắn sẽ tước quyền hoặc lấy người khác làm thay ngay nhưng chọn người trong dòng tộc hoặc cùng họ, cao nhất thì đuổi khỏi mường hoặc đuổi khỏi làng), mọi việc được bàn bạc rõ ràng cụ thể.

Những vi phạm đó được sắp xếp thành vắn, thành bài, thành vè cho mọi người đọc có ý nghĩa khuyên răn, không làm việc xấu. Trong khi đang họp thì thanh niên thiếu nữ tổ chức vui chơi ngoài cánh đồng, có các trò chơi như bắn cung, ném còn, vật, cưỡi ngựa...

Ngày thứ 2: Thờ các thần ở Hang cá và các tướng lĩnh trong phong trào Cần Vương ở cấp poọng (nhiều làng) ở chiềng thì thờ ông Hà Công Vụ, ở khu poọng thì thờ Hà Văn Nho.

Đồng thời tổ chức ăn uống tập trung tại các poọng, các chiềng. Trong ngày này thì thanh niên thiếu nữ vẫn tổ chức vui chơi ngoài cánh đồng, có các trò chơi dân gian như bắn cung, ném còn, vật, cưỡi ngựa...

Ngày thứ 3: Thờ ông Lê Lợi ở hai nơi là Bo Hạ - xã Kỳ Tân và Đoan Ban (nơi gắn với sự tích người dân cho Lê Lợi ăn thịt chó và măng Giang), thờ thần Hoàng làng, Hoàng bản, xen kẽ từng đoàn vào thăm hang cá, đi dọc theo bờ suối hát giao duyên, các làng giao lưu với nhau uống rượu cần, người ở xa đến thì trọ lại ở Mường, Trời tạnh ráo thì ăn cơm ngoài bãi, nếu trời mưa thì vào các bản để ăn cơm và có giao lưu với chủ nhà; Thanh niên trai gái thì tìm hiểu nhau hát hò giao duyên, họ đi thăm hang cá (ở xã Kỳ Tân)

2. Giá trị của lễ hội

Lễ hội nào cũng là của cộng đồng và thuộc về một cộng đồng người nhất định. Do vậy, Lễ hội Mường Khoòng của cộng đồng người Thái ở Bá Thước Thanh Hóa góp phần biểu dương sức mạnh của cộng đồng và là chất kết dính tạo nên sự cố kết cộng đồng người Thái nơi đây. Mọi người đến dự hội vừa cảm thấy mình là người chứng kiến, vừa là người tham gia cuộc vui đầy hào hứng. Trong lễ hội, từ sự đồng cảm tâm linh tới sự cộng cảm thông qua các hoạt động của lễ và hội. Tạo nên sự đồng cảm về các hoạt động tâm linh và các sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Nhu cầu trở về cội nguồn là nhu cầu vĩnh hằng của con người ở mọi thời đại. Mọi lễ hội đều mang trong nó bản chất trở về với cội nguồn. Cái cội nguồn ấy chính là “chim tìm tổ, người tìm tông”. Điều đó được thể hiện thông qua các nhân vật được thờ cúng trong lễ hội Mường Khoòng của người Thái.

Trở về với lễ hội cổ truyền con người nói chung và người Thái nói riêng con người

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội, Quản lý văn hóa và Thông tin – Thư viện hiện nay

như được đắm mình trong không gian tín ngưỡng thiêng liêng. Chính tín ngưỡng, các nghi lễ, lễ hội góp phần làm thoả mãn nhu cầu về đời sống tâm linh của con người, đó là “cuộc đời thứ hai”, đó là trạng thái “thăng hoa” từ đời sống trần tục, hiện hữu, con người có thể phô bày tất cả những gì là tinh túy, đẹp đẽ nhất của bản thân qua các cuộc thi tài, qua các hình thức trình diễn nghệ thuật từ đó tận hưởng những giây phút thiêng liêng, cao cả, được sống những giờ phút giao cảm hồ hởi đầy tinh thần cộng đồng.

Lễ hội Mường Khoòng không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hoá dân tộc Thái, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hoá dân tộc ấy. Điều này càng cực kỳ quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá và toàn cầu hoá hiện nay.

Lễ hội trên còn mang ý nghĩa uống nước nhớ nguồn, nhớ công lao của những người chiến đấu hy sinh bảo vệ đất nước và có công với cộng đồng. Đồng thời còn là dịp để giao lưu, giới thiệu về bản Mường, cảnh quan thiên nhiên và các hoạt động văn hóa văn nghệ.

Như vậy, lễ hội Cắm Mường là một sinh hoạt văn hóa, tinh thần bắt nguồn và phát triển từ thực tiễn hoạt động của đời sống xã hội, từ sự giao lưu, tiếp biến văn hóa của cộng đồng. Nó chứa đựng những khát vọng cũng như ước muốn tâm linh thiêng liêng của cộng đồng dân cư trong những hoàn cảnh cụ thể. Lễ hội chứa đựng và phản ánh nhiều mặt của cuộc sống kinh tế - văn hóa - xã hội. Nó là chỗ dựa tinh thần của nhân dân để mỗi người hướng về tổ tông, cội nguồn, dòng họ, về thế giới tâm linh, về thiên nhiên trong một không khí vui vẻ, vừa trang nghiêm, vừa trần tục, vừa linh thiêng. Có thể nói, lễ hội truyền thống là một bộ phận quan trọng của văn hóa dân tộc được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Vương Anh (2001), *Tiếp cận văn hóa bản Thái xứ Thanh*, Sở Văn hóa thông tin Thanh Hóa xuất bản, Thanh Hóa

[2]. Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu Văn hóa và Tộc người*, Nxb VHHT và Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật.

[3]. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Bá Thước (2015), *Địa chí huyện Bá Thước*. Nxb Lao động

[4]. Ngô Đức Thịnh - Cẩm Trọng(1999) *Luật tục của người Thái ở Việt Nam* Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

THUYẾT PHÂN TÂM HỌC VÀ VẬN DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI TRẺ EM VIỆT NAM

ThS. Mai Thúy An¹

Tóm tắt: *Phân tâm học là học thuyết nghiên cứu về thế giới bên trong con người, thông qua các hành vi được biểu hiện ra bên ngoài, từ đó có thể tìm ra giải pháp để điều chỉnh những hành vi “lệch chuẩn” của con người. Bài viết tập trung vào nghiên cứu đối tượng là trẻ em. Mặt trái của những biến động trong cuộc sống hiện đại, đặt trẻ em trước những vấn nạn xã hội: nghiện game online, bạo lực học đường, xâm hại tình dục, sử dụng chất kích thích... Bài viết nhằm cung cấp những nghiên cứu cơ bản dựa trên thuyết Phân tâm học của Sigmund Freud, để vận dụng vào hoạt động công tác xã hội với trẻ em ở Việt Nam.*

1. Đặt vấn đề

Thuyết Phân tâm học ra đời đã cung cấp một ý tưởng khoa học đúng đắn cho sự phát triển của nhân loại nói chung, ngành khoa học, đặc biệt là khoa học nghiên cứu về tâm lý con người nói riêng. Thuyết phân tâm học có sự liên kết giữa y học và triết học, để từ đó hiểu rõ hơn về những suy nghĩ của cá nhân tức là sự nhận thức của cá nhân đối với các giá trị đạo đức và xã hội nói chung. Từ sự hiểu rõ bản chất suy nghĩ của cá nhân, chúng ta có thể tìm ra những giải pháp để kiểm chế những xung đột của cá nhân do có sự nhận thức không đúng đắn về các giá trị đạo đức và xã hội mà xâm hại đến những giá trị sống, đưa cá nhân đó trở lại trạng thái ổn định, phát triển bình thường.

Thuyết phân tâm học đã được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực ở các nước phương Tây. Tuy nhiên, do những ảnh hưởng sâu sắc của các học thuyết tâm lý thuộc trường phái Mác xít nên việc ứng dụng thuyết Phân tâm học ở Việt Nam vẫn còn nhiều tranh luận.

Trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết trong hệ thống học thuyết Phân tâm của S. Freud, tác giả bài viết lựa chọn tập trung nghiên cứu phương pháp trị liệu “*Phân tích giấc mơ*”. Từ đó, đưa ra cách tiếp cận và chỉ ra những khả năng ứng dụng trong tiến trình làm việc với trẻ em của nhân viên công tác xã hội (CTXH). Lý thuyết “*Nhân cách học*” của Freud chỉ ra rằng, khi sự căng thẳng thần kinh xảy ra sẽ dẫn đến tình

¹ Giảng viên Khoa Văn hóa – Thông tin

trạng lo âu hoặc xung đột nội tâm ở con người. Mặc dù, xã hội vẫn tồn tại những định kiến cho rằng trẻ em không có khả năng xung đột dẫn đến căng thẳng thần kinh nhưng trong trường hợp này, trẻ em không phải là trường hợp ngoại lệ. Nguyên nhân là do tình trạng mâu thuẫn giữa yếu tố bản năng và siêu ngã của con người. Bản năng xung đột với sự nỗ lực để làm thoả mãn bản năng và các nhu cầu chính yếu của con người mà cụ thể ở đây là trẻ em. Từ đó, có thể dẫn tới những hành vi không được chấp nhận của cá nhân khi tương tác với xã hội. Công việc của nhân viên CTXH là dùng các kỹ thuật đặc trưng của Thuyết phân tâm nhằm giúp trẻ em có được sức mạnh bản ngã để đạt tới sự cân bằng ở nội tâm bên trong.

2. Giới thiệu khái quát lý thuyết Phân tâm học của Sigmund Freud

Người sáng lập ra Phân tâm học là Sigmund Freud (1856 – 1939), bác sỹ thần kinh và tâm thần người Áo gốc Do Thái. Nội dung cơ bản của Thuyết Phân tâm học của S.Freud là việc xác định cấu trúc của bộ máy tâm thần con người (bản chất của tâm hồn, tâm lý con người). Theo S.Freud quan niệm cấu trúc nhân cách gồm 3 thành tố: “(1) *cái nó* hay chính là *bản năng* (id), (2) *cái tôi* hay *bản ngã* (ego), (3) *cái siêu tôi* hay *siêu bản ngã* (superego) gọi là bộ máy tâm thần” [3].

- *Bản năng* là phần khởi nguyên của nhân cách, là phần con người có chung với loài vật, là nơi của những bản năng tồn tại và hoạt động trên nguyên tắc khoái lạc (hay nguyên tắc thoả mãn). Trong đó, Freud cho rằng, bản năng tình dục giữ vị trí trung tâm, cung cấp nguồn năng lượng, chi phối toàn bộ hoạt động đời sống tâm thần của con người. Các hành động đều tuân theo nguyên lý khoái cảm và có nguồn gốc sâu xa từ sự khoái lạc vô thức.

- *Bản ngã* được thể hiện trong những hoạt động ý thức: tri giác, ngôn ngữ và những thao tác trí tuệ cho phép kiểm soát, kiểm chế hành vi cá nhân trong quan hệ với môi trường ngoại cảnh, vượt khỏi sự thống nhất sinh vật của thân xác để đạt tới một sự thống nhất cao hơn là sự tự chủ. Bản ngã tuân theo nguyên lý thực tế, tượng trưng cho phần ý thức và ý chí của cá nhân. Ví dụ, khi một người đói, người ấy sẽ thoả mãn bằng cách thức đưa ra các hành vi được xã hội chấp nhận (tự kiếm tiền đổi lấy thực phẩm) hoặc bằng cách mà xã hội không chấp nhận như là ăn cắp thực phẩm của người khác. Nếu không có siêu ngã kiểm tra, kiểm soát hành vi của con người thì hành vi ăn cắp sẽ được thực thi.

- *Siêu ngã* là yếu tố hình thành giá trị cá nhân, là nhân tố lương tâm, đạo đức trong nhân cách bao gồm mọi khái niệm xã hội về cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác nó là hiện thân của những lý tưởng và sự cố gắng để đạt tới sự hoàn thiện phẩm chất và nhân cách thay vì sự thoả mãn bản năng đơn thuần. Đó được xem là quá trình cá nhân học hỏi về các giá trị và quy tắc xã hội. Siêu bản ngã phản ánh

phần giá trị văn hóa với chức năng như là lương tâm cá nhân, tuân theo nguyên lý luân lý và đạo đức [3, tr. 59 - 83].

Bản ngã và siêu ngã hình thành theo suốt tiến trình phát triển con người. Bản ngã có những chức năng khác nhau như: chế ngự ham muốn bất hợp lý, chấp nhận sự thất vọng, trì hoãn sự hài lòng, xử lý sự căng thẳng thần kinh, kiểm tra thực tế, đưa ra các quyết định xử lý tình huống. Một nhân cách phát triển đúng đắn có sự hoạt động cân bằng của 3 hệ thống: *bản năng, bản ngã và siêu ngã*. Một nhân cách thực hiện chức năng đầy đủ có nghĩa là đáp ứng đầy đủ các nhu cầu và có khả năng thích nghi với hoàn cảnh. Tuy nhiên, trong hiện thực có những trở ngại đối với việc thực hiện đầy đủ chức năng của nhân cách. S.Freud cho rằng, sự phát triển của nhân cách bao gồm hàng loạt các xung đột giữa một bên là cá nhân luôn mong muốn được thỏa mãn các ham muốn bản năng với một bên là xã hội - cái thường xuyên kìm hãm, hạn chế những mong muốn đó của cá nhân, thông qua hệ thống những quy tắc, quy chuẩn và luật pháp. Trong sự phát triển, cá nhân tìm ra phương thức nhằm vừa thỏa mãn được những mong muốn của bản thân vừa chịu sự kìm hãm của xã hội, chiến lược thích nghi này tạo thành nhân cách của mỗi cá nhân.

Theo S.Freud, tính dục là những cảm xúc khoái lạc có được qua làn da. Ở mỗi giai đoạn phát triển của con người, một vùng da trên cơ thể sẽ có những phản ứng hứng thú khoái cảm cao nhất khi được kích thích. Các giai đoạn phát triển nhân cách từ sơ sinh đến trưởng thành trải qua 5 giai đoạn: Giai đoạn môi miệng (từ 0 - 1 tuổi); Giai đoạn hậu môn (từ 2 - 3 tuổi); Giai đoạn dương vật (từ 3 - 6 tuổi); Giai đoạn ân tàng (từ 6 - 12 tuổi); Giai đoạn sinh dục (sau 12 tuổi - tuổi dậy thì cho đến trưởng thành. Trong 5 giai đoạn về sự phát triển nhân cách, S.Freud khẳng định rằng nhân cách được hình thành vào cuối giai đoạn 3 (lúc gần 5 tuổi), sau đó cá nhân phát triển các chiến lược chủ yếu để bộc lộ bản năng là cái tạo thành hạt nhân của nhân cách cá nhân [4, tr 43 - 64].

3. Vận dụng kỹ thuật Phân tích giấc mơ của Thuyết phân tâm học vào hoạt động công tác xã hội với trẻ em ở Việt Nam

Công tác xã hội với trẻ em là một phần trong các lĩnh vực chuyên biệt của ngành công tác xã hội với mục tiêu đem lại sự hỗ trợ cho trẻ em, giúp bảo vệ trẻ em, góp phần vào nền an sinh cho trẻ em. Theo Beatrice Pompy, nhân viên công tác xã hội có trách nhiệm xác định những rối loạn của trẻ, đánh giá khả năng và hạn chế của trẻ, sau đó, bằng quan sát cá nhân, trực giác, kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp để đưa ra tiến trình hỗ trợ trẻ. Nhân viên CTXH khi can thiệp giúp đỡ trẻ có vấn đề thường mang theo thời thơ ấu, cảm xúc riêng tư của mình bên cạnh những kỹ năng chuyên nghiệp. Vì thế, CTXH nói chung và CTXH với trẻ em nói riêng là một hoạt động vô cùng khó khăn, một công tác đòi hỏi phải luôn được đào tạo trước khi tiếp

xúc với đối tượng và rút kinh nghiệm cho những lần làm việc tiếp theo. Công tác xã hội với trẻ em bao gồm: Các chức năng của CTXH với các nhu cầu đặc biệt của trẻ em: trị liệu, hỗ trợ, phục hồi, bảo vệ liên quan đến trẻ em có nhu cầu đặc biệt; Các lĩnh vực thực hiện CTXH với trẻ em: cộng đồng, trường học, bệnh viện, các cơ sở xã hội.

Theo lý thuyết của S. Freud, khi con người không còn đủ khả năng kiểm soát hữu hiệu một số tình huống của cuộc sống, những cơ chế tự vệ sẽ là chiến lược cho phép bản ngã bù trừ sự bất lực của mình một cách vô thức, bằng cách làm giảm thiểu căng thẳng và sự lo âu kèm theo. Các nhân viên CTXH trong quá trình làm việc với trẻ em cần nhận biết rằng: trẻ em cũng có những giai đoạn “khủng hoảng” do sự thay đổi tâm sinh lý ở các độ tuổi tạo nên những căng thẳng hay những tổn thương do hoàn cảnh sống mang đến. Khi sự căng thẳng thần kinh xảy ra sẽ gây nên những lo âu hoặc xung đột nội tâm ở trẻ. Bản năng xung đột với sự cố gắng để làm thỏa mãn bản năng có thể dẫn tới những hành vi tiêu cực như trẻ em lạm dụng chất kích thích hay trẻ em vi phạm pháp luật. Vai trò của bản ngã ở đây là tạo ra sự cân bằng giữa các mặt đối lập tồn tại bên trong mỗi trẻ em. Lúc này, bản ngã và siêu ngã làm việc với nhau trong sự hợp tác. Nhân viên CTXH dùng các kỹ thuật đặc trưng của phân tâm học nhằm giúp trẻ em đạt được sức mạnh bản ngã để có thể đạt tới sự cân bằng này.

Thuyết Phân tâm học của S.Freud, có một hệ thống lý thuyết và nhiều biện pháp trị liệu được đưa ra. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu kỹ thuật trị liệu *Phân tích giấc mơ* và chỉ ra khả năng ứng dụng trong tiến trình CTXH với trẻ em.

Freud khẳng định rằng tất cả giấc mơ đều có ý nghĩa, chứ không đơn thuần chỉ là một trạng thái có thể xảy ra trong khi ngủ. Cái mà chúng ta nhớ lại từ giấc mơ là nội dung biểu hiện của nó; cái gây ra giấc mơ là nội dung tiềm ẩn, hoặc bị dồn nén vào vô thức của nó.

Những gì trong giấc mơ của chúng ta có liên quan đến sự thực hiện những mong ước, đó là sự biểu diễn lại suy nghĩ, động cơ và những khao khát của vô thức. S.Freud tin rằng bản năng tính dục được đàn áp bởi ý thức xuất hiện trong giấc mơ của chúng ta. Trong cuốn sách của Freud, *Sự giải thích những giấc mơ (The interpretation of Dreams)*, Freud đã chia giấc mơ thành hai thành phần:

+ *Nội dung hiển nhiên (Manifest content)* - Những suy nghĩ thực tế, nội dung và những hình ảnh trong giấc mơ là hiển nhiên và rõ ràng.

+ *Nội dung tiềm ẩn (Latent content)* - Ý nghĩa tâm lý trong giấc mơ kín đáo và được ẩn giấu.

Để hiểu được ý nghĩa đằng sau những giấc mơ, Freud đã tách giấc mơ thành năm phần riêng biệt: *cô đặc (sự ngưng tụ), di chuyển, kịch hóa, tượng trưng hóa, chế biến lần thứ hai (sự xem xét lại)*.

Cô đặc (Condensation): Khi rất nhiều thông tin được nén vào một hình ảnh hay tư tưởng tạo nên những ý nghĩa rất khó để giải mã. “Giấc mơ thường ngắn ngủi, nghèo nàn, vắn tắt, so với sự rộng lớn và phong phú của những ý nghĩ về giấc mơ”. Điều đó có nghĩa là trong giấc mơ biểu hiện một ý tưởng hoặc rất nhiều liên tưởng tự do, những liên tưởng tự do này sẽ dẫn tới những ý tưởng hoàn toàn khác, dù rằng chúng thường đan xen nhau trong nội dung tiềm ẩn.

Dịch chuyển (Displacement): Đây là một quá trình mà cảm xúc được tách khỏi đối tượng chính hoặc tách khỏi hiện thực để chuyển sang một đối tượng khác hay một hoàn cảnh khác. Sự thay thế được xem là một quá trình tâm lý thúc đẩy một số yếu kém về thân thể hoặc tâm trí của cá nhân, sẽ vượt lên ở một cái khác.

Kịch hóa (dramatization): Nếu quan sát tổng quan, hầu hết các giấc mơ của chúng ta nhớ được đều là bằng những hình ảnh thị giác đầy sống động. Nhưng tư duy khái niệm thường không xuất hiện, chỉ có thể kể lại giấc mơ nếu người nằm mơ có diễn đạt nó bằng lời.

Tượng trưng hóa (Symbolization) Khi những ham muốn và khao khát bị dồn nén lại và ẩn dụ qua những giấc mơ. Ví dụ, trong giấc mơ trẻ thường mơ thấy hình ảnh một ngôi sao, một con quái vật, ngọn lửa, hang động... Cũng có thể là một khung cảnh được lặp đi lặp lại như: bị nhốt trong phòng kín, bị rơi từ trên cao xuống. Ý nghĩa sâu xa của giấc mơ được ẩn chứa đằng sau những biểu tượng này.

Sự xem xét lại (Secondary Revision): Là giai đoạn cuối của giấc mơ, nơi các yếu tố rời rạc được tổ chức lại để trở thành một giấc mơ dễ hiểu. Hiểu những cơ chế chế biến của giấc mơ là điều dễ dàng nhất. Đây chỉ là do thiên hướng tự nhiên của người nằm mơ, khi tỉnh dậy, muốn đem lại một ý nghĩa nào đó cho ký ức trong giấc mơ của mình. Phần lớn chúng ta, khi nhớ lại, hay nhất là khi kể lại những giấc mơ của mình, đều hiểu rằng mình buộc phải thực hiện sự xem xét lại ở một mức độ nào đó nhằm có thể diễn đạt được những giấc mơ ấy thành lời, chưa nói tới việc làm cho chúng có sức truyền cảm để có thể thỏa mãn được ý thích của chúng ta về lối kể chuyện, về trật tự và ý nghĩa [6], [7].

Freud khẳng định tất cả các giấc mơ đều là sự thực hiện những ham muốn; phần lớn những giấc mơ của trẻ con là sự thực hiện những ham muốn một cách trực tiếp, hoặc là sự bù đắp những ham muốn bị ngăn chặn, hằng hực, không thực hiện được hay phải để lại sau này mới thực hiện. Thông qua những nghiên cứu của cá nhân, tác giả nhận thấy, sự trải nghiệm trong cuộc sống của mỗi cá nhân ảnh hưởng đến việc diễn đạt lại giấc mơ. Thân chủ (đối tượng của hoạt động CTXH) thường xâu chuỗi giấc mơ thành một câu chuyện sau khi họ tỉnh dậy. Vì thế, nhân viên CTXH trước khi tiến hành *Phân tích giấc mơ*, cần có được những thông tin về hoàn cảnh sống của thân chủ. Trong quá trình làm việc với trẻ em, nhân viên CTXH cần lập kế

hoạch tiếp cận và nói chuyện về giấc mơ. Như đã trình bày ở trên, giấc mơ thường rời rạc và không có kết cấu, nhân viên CTXH cần khơi gợi để các em chỉ tập trung kể lại, miêu tả những hình ảnh xuất hiện trong giấc mơ thay vì tạo nên tâm lý cố gắng hiểu vì sao giấc mơ đó lại xuất hiện, ý nghĩa của giấc mơ là gì. Nhân viên CTXH cần có sự lắng nghe, ghi chép và sử dụng các kỹ năng đặc trưng của nghề để tạo cho trẻ cảm giác an toàn, thoải mái khi kể về giấc mơ. Vì thực tế, trong giấc mơ tồn tại nhiều hành vi không phù hợp với quy chuẩn xã hội. Khi sử dụng các kỹ thuật của Phân tâm học để phân tích cần cẩn trọng, tránh trường hợp phán đoán, suy diễn dựa trên quan điểm cá nhân làm ảnh hưởng đến tiến trình và kết quả hoạt động CTXH với trẻ em.

Đặc trưng của phương pháp tiếp cận phân tâm nói chung và phân tích giấc mơ nói riêng là thực hiện tiến trình công tác xã hội bằng đàm thoại – trò chuyện. Phương pháp tiếp cận phân tâm coi vấn đề của thân chủ phát sinh do những căng thẳng tâm lý giữa những ham muốn vô thức hướng tới những hành động nào đó và những điều ép buộc trong hoàn cảnh sống của cá nhân trong quá khứ dồn nén lại. Freud đã nhiều lần khẳng định rằng người ta mắc bệnh là do những xung đột giữa những yêu cầu của cuộc sống bản năng với sự chống cự xuất hiện bên trong con người chống lại yêu cầu đó. Mục đích của phương pháp tiếp cận phân tâm là giúp con người tìm lại những cội rễ vô thức của các vấn đề của mình nảy sinh những xung đột bị dồn nén, bằng cách là sau khi giải phóng những cảm xúc có liên quan, bản thân con người sẽ cấu trúc lại nhân cách của mình trên những cơ sở mới.

Nhân viên CTXH phải hiểu rõ sự vận hành của các cơ chế này, một mặt để phá vỡ cơ chế phòng vệ với thân chủ (lúc này là trẻ em), mặt khác để cho bản thân không phòng vệ với thân chủ, tạo được mối quan hệ thấu cảm - tiền đề cho quá trình tham vấn hiệu quả diễn ra sau đó. Freud cho rằng dù các cơ chế phòng vệ diễn ra trong hành vi bình thường của con người thì chúng cũng ngăn trở khả năng của con người ứng phó với việc giải quyết các vấn đề vô thức. Vì thế nhân viên CTXH phải biết những cách thức (cụ thể ở đây là bản chất của giấc mơ và quá trình phân tích giấc mơ) giải quyết các cơ chế ngăn trở thân chủ ứng phó trực tiếp với các vấn đề của mình, phá bỏ chúng. Từng bước xây dựng tiến trình CTXH linh hoạt với trẻ, có sự điều chỉnh trong mỗi trường hợp cụ thể nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

4. Kết luận

Nội dung của Thuyết Phân tâm học là đi sâu tìm hiểu về đời sống nội tâm con người, nhằm hiểu rõ những suy nghĩ của con người được hiện thực bằng hành vi, đằng sau hành vi đó thì cái thuộc về bên trong con người sẽ như thế nào. Ở Việt

Nam, đời sống tinh thần là cái được coi trọng, nhu cầu hiểu biết về hoạt động tinh thần của cá nhân và toàn xã hội là tất yếu. Phân tâm học là một hệ thống các lý thuyết trừu tượng và cách thức tiến hành ứng dụng cũng không hề đơn giản, cần đòi hỏi phải có một đội ngũ nhân viên CTXH có khả năng tiếp thu tốt nhất, hấp thu được đầy đủ các kiến thức và kỹ năng của Phân tâm học để ứng dụng thực tiễn, nhưng với điều kiện của Việt Nam hiện nay thì những đòi hỏi đó vẫn chưa thể đáp ứng được, nếu có cũng chỉ ở một mức độ nhỏ, chúng ta vẫn chưa có cách tiếp cận nào tốt nhất để đưa Phân tâm học vào ứng dụng trên các lĩnh vực CTXH.

Thuyết Phân tâm học hoàn toàn có thể được nghiên cứu và ứng dụng vào ngành CTXH, bởi lẽ Phân tâm học với vai trò là phương pháp nghiên cứu có hướng đi gần nhất đến bản chất vấn đề, sẽ là mảnh đất màu mỡ cần được khai thác và phát huy. Thực tế thì Phân tâm học đã được áp dụng vào một số lĩnh vực ở Việt Nam hiện nay như: giảng dạy về tâm lý trong các trường đại học, các viện nghiên cứu được mở ra, trong các bệnh viện có các khoa tâm thần sử dụng biện pháp trị liệu tâm lý, các trung tâm nghiên cứu về tiềm năng con người... Với những gì đã đạt được, Phân tâm học chứng minh thuyết phục với chúng ta về sự tồn tại hợp lý và giá trị của nó, điều đó cho chúng ta thấy rằng, Phân tâm học vẫn sẽ tiếp tục được tiếp nhận và ứng dụng để đạt được nhiều thành tựu hơn nữa trên các lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả hoạt động CTXH nói chung và CTXH với trẻ em ở Việt Nam nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bùi Thị Xuân Mai, Giáo trình nhập môn công tác xã hội (2010), Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội
- [2]. Marian Brandon, Gillian Schofiel, Liz Trinder, Nigel Stone, (2011), Công tác xã hội với trẻ em, Nxb Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh
- [3]. Sigmund Freud, Cái tôi và cái nó (2015), Nxb Tri Thức
- [4]. Sigmund Freud, Sâu xa hơn nguyên tắc không đổi (2015), Nxb Tri Thức
- [5]. Trang <https://congtintuctonghop.com/iframe/tam-ly-tre-em-hieu-theo-phan-tam-hoc-tam-ly-tri-lieu-12726191.html>
- [6]. Trang <https://tamlytrilieu.wordpress.com/2011/07/03/03-khoa-hoc-ve-giac-mo/>

SỬ DỤNG KỸ NĂNG QUAN SÁT TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hồng Anh¹

Tóm tắt: Như chúng ta đã biết trong đời sống hằng ngày mỗi người đều có những cách quan sát và cảm nhận riêng của mình và được thể hiện khác nhau tùy vào từng điều kiện, hoàn cảnh. Nhưng để có một cái nhìn tinh tế mọi vấn đề xoay quanh cuộc sống ta thì đòi hỏi chúng ta phải có kỹ năng quan sát một cách rõ ràng hơn, đặc biệt trong lĩnh vực công tác xã hội.

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng quan sát là một kỹ năng quan trọng trong công tác xã hội. Kỹ năng quan sát giúp nhân viên công tác xã hội hiểu được những tâm tư, tình cảm của thân chủ thông qua những biểu hiện trên gương mặt, cử chỉ, hành động của họ, nhờ thấu hiểu thân chủ. Chúng ta sẽ biết được lúc này thân chủ đang vui hay đang buồn, có tức giận hay không để từ đó mình có cách ứng xử sao cho phù hợp.

2. Nội dung

Trong công tác xã hội ta không chỉ nhìn thân chủ một cách qua loa để đưa ra lời nhận xét với thân chủ mình như thế này mà ta phải sử dụng kỹ năng quan sát một cách chuyên nghiệp hơn, phải biết đặt mình vào vị trí của thân chủ để thấu hiểu được những tâm tư của thân chủ, như vậy ta mới tạo được niềm tin cũng như sự an toàn cho thân chủ khi thân chủ nói ra vấn đề của mình. Khi họ buồn ta tìm cách làm họ vui, khi họ giận ta biết mình không nên nói nữa, khi họ vui ta biết mình nên tiếp tục câu chuyện mà họ muốn nghe, khả năng nhẫn nại giúp ta quan sát được hành động và cử chỉ đối phương một cách chính xác nhất, nếu ta nóng vội thì ta sẽ không thể nào nhận ra vấn đề của thân chủ vì cảm xúc của con người không phải là vật hữu hình, nó vô hình và chỉ khi ta thật sự nhẫn nại và dùng cả trái tim mình thì mới có thể cảm nhận được.

Bên cạnh đó thì khả năng tập trung cũng rất là quan trọng đối với kỹ năng quan sát, ta sẽ không thể nhận ra được điều gì nếu như cứ chỉ nhìn đi một nơi khác không tập trung vào người đối diện với mình, nhiều người lầm tưởng nó để tập trung thì dễ dàng nhưng thực chất không phải ai cũng làm được. Bởi ta không chỉ tập trung

¹Giảng viên khoa Sư phạm mầm non

vào ánh mắt mà còn phải đặt cả tâm trí mình vào đối phương mới có thể hiểu được họ. Kiến thức về cảm xúc con người là mấu chốt quan trọng nhất để thấu hiểu cảm xúc giữa con người với nhau vì nếu như chỉ quan sát được hành động và cử chỉ của đối phương nhưng lại không biết chúng đại diện cho niềm vui hay nỗi buồn thì ta không thể nào mà đạt đến sự thấu hiểu.

Ví dụ như khi ta đang trên đường đi và vô tình gặp một đứa trẻ lang thang ngoài phố không cha không mẹ, không nhà ở, không nơi nương tựa trong lúc đầy đủ chưa giao tiếp với đứa trẻ đó, chưa biết gì về đứa trẻ đó nhưng nếu biết cách quan sát kỹ thì ta hiểu được ánh mắt đứa trẻ đó nói lên điều gì, ánh mắt ấy thể hiện đứa trẻ có cách sống và hoàn cảnh sống ra sao, ánh mắt chính là cửa sổ tâm hồn của con người nên đây là biểu hiện dễ quan sát nhất để ta nhận biết được cảm xúc của đối phương lúc này như thế nào. Cũng như ánh mắt thì nét mặt cũng là nơi biểu lộ nhiều cảm xúc của con người, quan sát kỹ ta biết được đây là nét mặt vui vẻ, nét mặt tức giận, hạnh phúc, thất vọng hay là nét mặt đau khổ,... chúng ta có thể dễ dàng nhận biết nhận biết được điều đó.

Kỹ năng quan sát giúp ích trực tiếp cho khả năng giao tiếp đạt hiệu quả cao hơn giúp ta thấu hiểu được người khác và nhận lại sự tin tưởng và yêu mến, do vậy dù trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng phải giữ cho mình một cái nhìn sâu rộng hơn, đừng luôn cố gắng đặt mình nhìn nhận mọi thứ chỉ theo một chiều để hoàn thành công việc một cách nhanh chóng cho xong nhiệm vụ, đừng đánh mất sự tập trung quan sát vào những điều gì dù là nhỏ nhất bởi từ những cái nhỏ nhất ghép lên mới thành những cái to lớn, sâu rộng được. Chúng ta có thể làm bất cứ điều gì mình thích, miễn sao nó buộc ta phải sống chậm lại và ngắm nhìn thế giới qua một lăng kính khác, với những gì tốt đẹp thì ta phải cố gắng nắm lấy và theo đuổi, còn với những gì xấu xa thì ta phải biết cách gạt bỏ nó đi, cũng giống như chúng ta một tuần, hai tuần hay có thể là một tháng, hai tháng cũng cố gắng chụp cho mình những bức ảnh thú vị để quan sát sự thay đổi trong bức hình đó ra sao, điều này cũng nói lên vô số những điều kỳ thú mà ngay cả bản thân chúng ta có khi còn không nhận ra.

3. Kết luận

Như vậy, trong công tác xã hội thì kỹ năng quan sát là một trong những kỹ năng đóng vai trò quan trọng để nhà công tác xã hội và thân chủ có cái nhìn nhận tốt về nhau, hiểu nhau thì trong quá trình làm việc với nhau mới trở nên dễ dàng, và thái độ quan sát để thấu hiểu thân chủ của người làm công tác xã hội tạo nên một môi trường an toàn để thân chủ gửi gắm và chia sẻ những lo âu của bản thân, một khi thân chủ có niềm tin và cảm giác an toàn trên cơ sở này thì một mối quan hệ hợp tác

hướng tới giải quyết vấn đề giữa hai bên sẽ được thiết lập, vận hành. Có như vậy vấn đề của thân chủ mới giải quyết được một cách thuận lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên) (2015), *Giáo trình Công tác xã hội đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia
- [2]. Bùi Thị Xuân Mai (2010), *Nhập môn công tác xã hội*, Nxb Lao động xã hội.
- [3]. Lê Văn Phú (2004), *Công tác xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia.

TRANG BỊ KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP TRONG THỰC HÀNH, THỰC TẬP

Lê Thùy Dung¹

Tóm tắt: Công tác xã hội là một nghề hỗ trợ, giúp đỡ những người gặp khó khăn trong xã hội. Công tác xã hội nhằm vào các mục tiêu phát hiện những mối quan tâm của con người như việc làm, thu nhập, tâm lý tình cảm; xác định các nhu cầu của con người, xác định các nguồn lực bên trong, nguồn lực bên ngoài để từ đó xây dựng kế hoạch và mục tiêu để đáp ứng được các nhu cầu. Vì là một nghề nghiệp đặc thù nên trong quá trình thực hành nghề cần trang bị tốt các kỹ năng mềm. Bài viết thể hiện tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên ngành công tác xã hội ngay khi còn thực hành, thực tập trên giảng đường đại học.

1. Đặt vấn đề

Thực chất giá trị của nghề công tác xã hội là cung cấp dịch vụ cho người dân, nhân viên xã hội là người phục vụ chứ không phải là người chủ. Đối tượng được chăm sóc, phục vụ đều là những người có hoàn cảnh đặc biệt, cần chăm sóc sức khỏe, được bảo vệ, che chở... Chính vì vậy, ngoài kiến thức cơ bản về nghề, nhân viên công tác xã hội cần có nhiều về kỹ năng mềm.

Ở Việt Nam nghề công tác xã hội mới chỉ ở bước đầu hình thành, chưa thật sự phát triển. Thực tế cho thấy, đa số nhân viên làm công tác xã hội chưa được đào tạo cơ bản về kỹ năng mềm. Đội ngũ nhân viên phát triển có tính tự phát của các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, cán bộ phường, xã và những người dân tự nguyện. Họ làm việc theo kinh nghiệm, chưa được đào tạo kỹ năng khoa học xã hội, kỹ năng mềm cần thiết về công tác xã hội. Do vậy, hiệu quả giải quyết các vấn đề xã hội, vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng dân cư chưa cao, thiếu tính bền vững.

Thực tế cho thấy sinh viên ngành công tác xã hội ra trường có nhiều cơ hội việc làm. Sinh viên tốt nghiệp ngành công tác xã hội có thể làm việc tại các cơ quan của ngành Lao động Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương, hoặc các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng xã hội khác nhau

¹ Giảng viên Khoa Văn hóa - Thông Tin

thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội... Ngoài ra cũng có thể làm việc độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu, hay cán bộ hoạch định chính sách xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội nghề nghiệp, sinh viên ngành công tác xã hội cần phải trang bị kỹ năng mềm để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của nghề. Đơn cử như trong trường hợp một người có tổn thương tâm lý và có ý định tự tử, sinh viên ngành công tác xã hội cần tìm hiểu nguyên nhân, mức độ tổn thương tâm lý và giúp đỡ họ vượt qua khủng hoảng bằng cách tham vấn hoặc trị liệu tâm lý để người đó ổn định lại và không có hành vi làm tổn hại đến bản thân nữa. Điều này đòi hỏi sinh viên ngành xã hội phải có tấm lòng nhân ái, đồng cảm chia sẻ với những người gặp khó khăn. Mặt khác, do đối tượng được chăm sóc, phục vụ là những người đặc biệt nên cũng rất cần sinh viên ngành công tác xã hội có đạo đức nghề nghiệp. Người bị khủng hoảng tâm lý thường không có khả năng tự vệ, nếu nhân viên chăm sóc không có đạo đức nghề nghiệp thì người được chăm sóc lại có thể bị xâm hại.

Với mục tiêu giảm thiểu những rào cản, sự bất công và sự bất bình đẳng trong xã hội và nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ là nghề công tác xã hội đòi hỏi sinh viên ngành công tác xã hội cần nâng cao hơn nữa sự tận tụy, trách nhiệm với nghề; tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, trang bị kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu đề ra trong thời đại mới.

2. Tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên ngành công tác xã hội trong thực hành thực tập

Kiến thức chuyên ngành công tác xã hội mà các trường đại học cung cấp cho sinh viên trong quá trình học tập là yếu tố quyết định giúp các sinh viên có thể lập nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên câu hỏi đặt ra là những kiến thức chuyên ngành đó đã đủ để giúp sinh viên ngành công tác xã hội có thể vượt qua những khó khăn và thử thách trong một tương lai mà không ai có thể nói trước được điều gì trong một thế giới đang thay đổi từng ngày. Chính vì thế các trường đại học phải chuẩn bị cho sinh viên của mình những hành trang, kỹ năng mềm ngoài trong quá trình thực hành, thực tập.

Câu hỏi đặt ra là những sự hiểu biết và kỹ năng mềm dành cho sinh viên ngành công tác xã hội được nhắc đến là gì?

Các bạn sinh viên ngành công tác xã hội, những người sẽ là lực lượng nhân viên công tác xã hội trong tương lai phải ý thức được rằng họ sẽ làm việc trong một môi trường toàn cầu hóa và liên tục phát triển, đổi mới công nghệ. Lực lượng nhân viên công tác xã hội sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nhu cầu của các hệ thống kinh tế và công nghệ mới. Những đổi mới sẽ đòi hỏi các bạn sinh viên kết hợp được những kiến

thức chuyên ngành công tác xã hội đã học và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đưa ra quyết định... cộng với sự linh hoạt và khả năng thích ứng khi thay đổi công việc, môi trường hay trong các bối cảnh khác nhau. Những sự hiểu biết và kỹ năng này rất cần thiết được giới thiệu đến các sinh viên ngành công tác xã hội từ khi họ đang còn ngồi trong ghế nhà trường hơn là sau khi họ tốt nghiệp.

Do áp lực cạnh tranh toàn cầu ngày càng cao và tại Mỹ nói riêng, trong tương lai các sinh viên ngành công tác xã hội phải có khả năng tiếp thu và thích ứng nhanh. Một vài hiểu biết và *kỹ năng mềm cơ bản* mà sinh viên cần ngành công tác xã hội nắm được rèn luyện trong quá trình thực hành, thực tập đó là:

- Kỹ năng quan sát
- Kỹ năng lắng nghe
- Kỹ năng thấu hiểu
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng đặt câu hỏi
- Áp dụng các kỹ năng trong các bối cảnh khác nhau
- Luôn trau dồi kiến thức
- Khả năng nắm bắt những cơ hội mới
- Sự hiểu biết nói chung

Sự hiểu biết ở đây là sự kết hợp của việc bạn trau dồi những kiến thức lý thuyết ngành công tác cùng với sự quan sát và những trải nghiệm trong quá trình thực hành, thực tập. Nếu mục đích của các trường đại học là giúp sinh viên có kiến thức chuyên ngành công tác xã hội thì sự hiểu biết ở đây có mục đích là giúp sinh viên phát triển tầm nhìn, giúp họ có những sự lựa chọn đúng đắn và các lợi thế trong khi tìm việc làm. Các trường đại học nên đưa ra những hoạt động thực hành, thực tập xen kẽ với các chương trình học của mình nhằm giúp sinh viên ngành công tác xã hội tiếp cận với nhiều khía cạnh của những vấn đề thực tiễn, điều này sẽ giúp sinh viên phát triển sự hiểu biết. Bản thân sinh viên cũng cần luôn luôn tìm tòi trong thực tế và cuộc sống để có thêm những hiểu biết. Đây sẽ là yếu tố quan trọng giúp bạn có được lời mời từ các nhà tuyển dụng tiềm năng trong ngành công tác xã hội.

3. Kết luận

Trong xã hội hiện đại, Kỹ năng mềm ngày càng được đánh giá cao. Rất nhiều nhà tuyển dụng xem trọng những kỹ năng thiên về tính cách này và xem đây là một trong những yêu cầu tuyển dụng quan trọng. Tại các trường học, gần chục năm trở lại đây, kỹ năng mềm đã được đưa vào giảng dạy nhiều hơn trong các hoạt động ngoài giờ của học sinh trường Trung học Phổ thông. Hoạt động này càng mạnh hơn ở giảng đường Đại học. Điều đó cho thấy việc nhận thức tầm quan trọng của Kỹ năng mềm của ngành giáo dục nước ta. Đối với nghề công tác xã hội, một nghề nghiệp đặc thù

thì tầm quan trọng của việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên càng sâu sắc hơn nữa. Hy vọng trong thời gian sắp tới, trong quá trình thực hành, thực tập, sinh viên ngành công tác xã hội trên địa bàn cả nước sẽ không ngừng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp để trở thành những nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Hồi Loan – Nguyễn Thị Kim Hoa (2015), *Giáo trình công tác xã hội đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Trần Đình Tuấn (2010), *Công tác xã hội- Lý thuyết và thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Duy Nhiên (2013), *Công tác xã hội đại cương*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Thị Mai Hương (2015), *Thực hành công tác xã hội*, NXB Đại học Sư Phạm Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Hồi Loan (2015), *Giáo trình xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Thanh Bình (2014), *Công tác xã hội – Lý thuyết và thực hành*, NXB Đại học Sư phạm HN.
- [7]. Trần Đình Tuấn (2010), *Xã hội học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia HN.
- [8]. Nguyễn Thị Kim Hoa (2015), *Giáo trình Xã hội học đại cương*, NXB Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.

LẠM DỤNG TRẺ EM QUA MẠNG - NHẬN BIẾT VÀ PHÒNG TRÁNH

ThS. Trần Minh Thanh Hà¹

Tóm tắt: *Lạm dụng trẻ em trực tuyến là một dạng lạm dụng trẻ em độc đáo do bản chất ảo và khó nhận biết của nó. Lạm dụng như vậy có thể không xảy ra trực tiếp, cũng không nhất thiết phải có mối liên hệ với trẻ. Tuy nhiên, lạm dụng trực tuyến có thể dẫn đến*

¹Giảng viên Khoa Văn hóa - Thông Tin

hậu quả tiêu cực như cưỡng hiếp, cưỡng bức, hành hung tình dục, quấy rối và hơn thế nữa. Lạm dụng trẻ em trực tuyến được công nhận là hình thức lạm dụng trẻ em của Hiệp hội quốc gia về phòng chống bạo lực đối với trẻ em.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ thông tin và truyền thông đã trở thành một phần không thể thiếu của cuộc sống hiện đại và đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển giáo dục và xã hội của trẻ em. Tuy nhiên, đó cũng là con dao hai lưỡi khiến trẻ em ngày càng dễ bị tổn thương bởi các hình thức khai thác tình dục mới và phát triển thông qua công nghệ thông tin và truyền thông như Facebook, Snapchat, Twitter, Instagram,...

Mỗi ngày có đến 720.000 hình ảnh liên quan lạm dụng trẻ em trên thế giới được đưa lên internet (theo số liệu thống kê của UNICEF năm), còn theo số liệu của Bộ Công an, trong 5 năm, từ 2012 - 2016, cả nước phát hiện trên 8.200 vụ xâm hại tình dục trẻ em với gần 10.000 nạn nhân. Riêng trong năm 2016 xảy ra 1.248 vụ xâm hại tình dục và có 1.211 trẻ bị xâm hại. Tuy nhiên, con số này chỉ là những vụ việc được báo cáo, còn rất nhiều vụ nạn nhân bị kẻ xâm hại dọa dẫm hoặc vì lý do nào đó mà không được thống kê.

Việc xác định và điều tra kẻ phạm tội là khó khăn, vì thông qua mạng Internet, những kẻ phạm tội thường ẩn danh, dùng những thông tin giả và rất khó để phát hiện khi dùng công nghệ sử dụng để lạm dụng tình dục và bóc lột, và tránh bị phát hiện. Hơn thế nữa, Internet không bị giới hạn bởi ranh giới lãnh thổ, hầu những vụ khai thác tình dục trẻ em trực tuyến là đa thẩm quyền. Điều này làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn.

Những kẻ lạm dụng trẻ em qua mạng Internet được gọi là "kẻ săn mồi". Chúng sẽ làm quen và hình thành tình bạn với trẻ em để tạo sự tin cậy bằng cách bày tỏ sự quan tâm, yêu mến, "kẻ săn mồi" thường tỏ ra rất tử tế, có học thức, chu đáo, từng trải, cảm thông với trẻ. Sau đó, hình thành mối quan hệ bạn thân duy nhất với trẻ em bằng cách nắm bắt được những điểm yếu của trẻ, với sự trải đời của mình, kẻ lừa đảo sẽ khiến trẻ trở nên tin tin tưởng, phụ thuộc vào mình, coi mình là người bạn tâm giao để chia sẻ những điều thầm kín nhất trong cuộc sống. Bước tiếp theo, chúng sẽ thu thập thông tin cá nhân riêng tư của trẻ em để có thể dễ dàng tiếp cận, nắm bắt được tâm lý, điểm yếu của trẻ và hướng cuộc nói chuyện trên mạng về chủ đề tình dục, ví dụ như giới thiệu cho trẻ những trang web đen, những hình ảnh có tính chất khiêu dâm hoặc gợi nên sự tò mò ở trẻ về những vấn đề liên quan đến tình dục. Cho trẻ em xem những hình ảnh trẻ em bị xâm hại tình dục để các em coi điều đó là bình thường rồi dụ dỗ trẻ em tham gia vào một số hoạt động tình dục qua mạng ví dụ như

chat sex. Và bước cuối cùng là dụ dỗ trẻ em gặp mặt trực tiếp để xâm hại tình dục: đây là tình huống rất dễ bắt gặp trong thực tế và thường là mục đích cuối cùng của kẻ xâm hại tình dục qua mạng. Với cách này, tội phạm không cần lộ diện, không tốn nhiều công sức mà vẫn đạt được mục đích.

2. Các hình thức lạm dụng trẻ em qua mạng

Qua nghiên cứu thực tiễn công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm sử dụng công nghệ cao, chúng tôi rút ra một số phương thức, thủ đoạn phổ biến của loại tội phạm này trong thời gian gần đây như sau:

2.1. Bắt nạt trực tuyến hoặc đe dọa trực tuyến

Bắt nạt trên mạng là một dạng hành vi bắt nạt ngày càng phổ biến xảy ra trên các mạng xã hội, trò chơi và điện thoại di động. Bắt nạt trên mạng có thể bao gồm việc truyền bá tin đồn về một người nào đó hoặc đăng các tin nhắn, hình ảnh hoặc video có tính bạo lực hoặc mang xu hướng tình dục.

- Bắt nạt trên mạng bao gồm những hành vi như sau:
- Gửi tin nhắn văn bản đe dọa hoặc lạm dụng.
- Tạo và chia sẻ hình ảnh hoặc video đáng xấu hổ.
- Gửi tin nhắn đe dọa hoặc làm xáo trộn trên mạng xã hội, phòng trò chuyện hoặc trò chơi trực tuyến.
- Thiết lập trang web hoặc nhóm thù địch về một đứa trẻ cụ thể.
- Khuyến khích những nhóm trẻ tự gây chuyện với nhau.
- Tạo tài khoản giả mạo, cướp hoặc lấy cắp danh tính trực tuyến để làm xấu hổ hoặc gây rắc rối khi sử dụng tên của đứa trẻ ấy.
- Gửi tin nhắn cho trẻ nói về vấn đề tình dục.
- Gây áp lực cho trẻ em khi gửi hình ảnh tình dục hoặc tham gia vào các cuộc trò chuyện tình dục.

2.2. Kết thân với trẻ nhằm lạm dụng tình dục

Đây là chiến thuật xây dựng lòng tin với một đứa trẻ – và những người lớn xung quanh đứa bé – một cách từ từ và có hệ thống để có thể tăng cường tiếp cận và có được thời gian riêng với nạn nhân trong tương lai.

Những ứng dụng nhắn tin tức bao gồm các ứng dụng hẹn hò tuổi teen hoặc nền tảng trò chơi trực tuyến để kết nối với một người trẻ tuổi hoặc trẻ em. “Những kẻ săn mồi” dành thời gian tìm hiểu về sở thích của một người trẻ tuổi từ hồ sơ trực tuyến của các em và sau đó sử dụng kiến thức này để giúp họ xây dựng mối quan hệ. Chúng không phải lúc nào cũng nhắm vào một đứa trẻ cụ thể, đôi khi họ sẽ gửi tin nhắn cho hàng trăm bạn trẻ và chờ xem ai trả lời. Và cách làm của những kẻ săn mồi này là không còn cần phải gặp trẻ em trong cuộc sống thực để lạm dụng chúng mà người thuyết phục các trẻ tham gia vào hoạt động tình dục trực tuyến.

Những hành vi kẻ xấu mỗi sử dụng đến bao gồm:

- Dành nhiều lời khen cho trẻ (ví dụ: “Anh chưa bao giờ gặp ai đẹp như em”, hoặc “Anh chưa bao giờ yêu ai nhiều như anh yêu em vậy.”.....)
- Dành rất nhiều sự chú ý và tình cảm đến trẻ.
- Sử dụng nhiều lòng tốt
- Cho trẻ những món quà mà chúng đang mong muốn
- Sử dụng tiền bạc

2.3. *Lạm dụng tình dục trẻ em thông qua mạng internet*

Khi khai thác tình dục xảy ra trực tuyến, những người trẻ tuổi có thể bị thuyết phục hoặc bị ép buộc phải:

- Gửi hoặc đăng hình ảnh khiêu dâm của chính trẻ.
- Bắt buộc tham gia vào các hoạt động tình dục qua webcam hoặc điện thoại thông minh.
- Trò chuyện tình dục bằng tin nhắn hoặc trực tuyến.
- Khuyến khích bạn làm những việc tình dục khiến bạn khó chịu
- Gửi cho trẻ những bức ảnh khóa thân không mong muốn
- Đặt câu hỏi tình dục hoặc đưa ra nhận xét tình dục không phù hợp
- Cho trẻ thấy nội dung khiêu dâm mà không có sự đồng ý của trẻ

Nếu như trẻ không đồng ý với những yêu cầu của những kẻ lạm dụng này đưa ra, chúng có thể đe dọa gửi hình ảnh, video hoặc bản sao các cuộc trò chuyện tới bạn bè và gia đình của trẻ. Những hình ảnh hoặc video có thể tiếp tục được chia sẻ lâu sau khi lạm dụng tình dục đã dừng lại.

3. Phòng tránh lạm dụng trẻ em thông qua mạng

Dưới đây là một số hướng dẫn để phòng tránh bị xâm hại trẻ em qua mạng internet. Đây cũng là những lưu ý trong quá trình sử dụng Internet an toàn nói chung:

Không tiết lộ thông tin cá nhân trên mạng, không làm những gì người khai thác thông tin muốn, bất kể mối đe dọa dai dẳng hoặc đáng sợ có thể xảy ra như thế nào. Ví dụ như địa chỉ ở thực tế, số điện thoại, trường học,...

Không đăng những hình ảnh gợi cảm, không phù hợp: đặc biệt với những thanh thiếu niên thế hệ 10x, không nên đăng những hình ảnh gợi cảm như ảnh chụp khi mặc quần áo tắm, trong nhà tắm...

Dừng tất cả các hình thức giao tiếp: không trả lời các tin nhắn, email hoặc bài đăng trên phương tiện truyền thông xã hội khi nhận thấy người nói chuyện đang có xu hướng dẫn dắt câu chuyện theo hướng xâm phạm đời tư. Chặn cuộc gọi, nick chat khỏi tất cả các tài khoản của bạn.

Hoặc hủy kích hoạt tất cả tài khoản được sử dụng để liên lạc với người đó: hủy kích hoạt tất cả phương tiện truyền thông xã hội, diễn đàn, email và các tài khoản khác

được sử dụng để tương tác với người đó. Nếu bạn có các tài khoản khác không được sử dụng để tương tác với người đó, hãy xem xét tăng cài đặt bảo mật của bạn.

Không gặp gỡ bạn bè vừa quen trên mạng ngoài đời mà không được sự đồng ý của bố mẹ hoặc người lớn chịu trách nhiệm về bạn: ví dụ như trào lưu off của một số diễn đàn game online, gặp mặt fanpage,...

Nếu bạn muốn gặp ai đó mà bạn mới quen trên mạng, hãy đi cùng bố mẹ hoặc một người lớn đáng tin cậy. Luôn gặp gỡ ở nơi công cộng, vào ban ngày, nên tránh các địa điểm nhạy cảm vào ban đêm như vũ trường, quán bia, rượu...

Nói chuyện với một người lớn tìm kiếm sự an toàn: bạn có thể nói với một cố vấn, giáo viên, phụ huynh / người chăm sóc hoặc thành viên gia đình hoặc liên hệ khi đang gặp rắc rối.

Nếu gặp nguy hiểm hoặc có dấu hiệu trở thành đối tượng bị dụ dỗ, cần liên lạc với công an bằng cách gọi số 113, hoặc gọi đến Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em qua số 111 (miễn phí). Họ có thể không giữ bí mật thông tin của bạn, nhưng họ sẽ làm mọi thứ có thể để bảo vệ bạn

Bên cạnh đó, cũng cần có những cuộc thi tìm hiểu về cách thức sử dụng an toàn Internet để nâng cao nhận thức nói chung của cộng đồng.

4. Kết luận

Mặc dù mang những hành vi này mang bản chất “ảo” nhưng là đằng sau màn hình là những đứa trẻ thực sự đang gặp nguy cơ cao về sự lạm dụng. Lạm dụng trẻ em hiện là vấn nạn trên toàn thế giới và có nguy cơ tiếp tục lan ra nếu không có biện pháp phòng ngừa kịp thời. Gia đình, nhà trường và xã hội cần có những biện pháp kết hợp với nhau trong việc giáo dục trẻ. Ngoài những kiến thức trẻ được học trên trường, nhà trường cần giáo dục thêm cho trẻ những kiến thức công nghệ thông tin, bên cạnh đó chính cha mẹ của trẻ cũng cần cần giáo dục cho trẻ thêm kỹ năng sống để trẻ chủ động nhận biết nguy cơ. Cha mẹ, thầy cô thường xuyên trò chuyện, chia sẻ, tâm sự với trẻ, giúp trẻ tự hiểu được ai có thể làm quen, không được nói chuyện, tiếp xúc với người lạ trên mạng. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hơn những chính sách của các đơn vị cung cấp dịch vụ, thông tin mạng với trách nhiệm báo cáo trực tuyến những trang thông tin độc hại... cho người sử dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. *Janis Wolak, David Finkelhor, Kimberly J. Mitchell, Michele L. Ybarra (tháng 2 - tháng 3 năm 2008). Trục tuyến "Predators" và nạn nhân của họ (PDF) (Vol 63 ed.). Hiệp hội tâm lý Mỹ. trang 111–128 . Truy cập ngày 2 tháng 3 năm 2018 .*

- [2]. "Lam dung và bỏ bê trẻ em". NSPCC .
- [3]. "Lam dung trực tuyến". NSPCC . Hiệp hội quốc gia phòng chống tàn ác cho trẻ em.
- [4]. "Báo cáo mới cho thấy tầm với của quấy rối trực tuyến, lam dung kỹ thuật số, và quấy rối qua mạng". *Dữ liệu & Xã hội* . Truy xuất ngày 28 tháng 2 năm 2018 .
- [5]. "ICAC TASK FORCE CHƯƠNG TRÌNH". *iCAC* . Truy cập ngày 6 tháng 3 năm 2017 .
- [6]. Rafferty, RS (2011). *Động lực đằng sau sự bắt nạt trên mạng và xâm phạm trực tuyến: Xử phạt trên mạng, thống trị, và trực tuyến trolling* (luận án tiến sĩ, đại học Ohio).
- [7]. "Nhân trợ giúp ngay bây giờ". *stopbullying.gov* . Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Hoa Kỳ . Truy xuất ngày 28 tháng 2 năm 2018 .
- [8]. <http://www.xaluan.com/modules.php?name=News&file=article&sid=355531#ixz z1pAij0z00>
- [9]. http://www.tin247.com/lam_quen_tren_mang%2C_hai_chau_gai_bi_xam_hai_tinh_nh_duc-6-21368765.html

TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG BỆNH VIỆN Ở VIỆT NAM

ThS. Trần Thanh Hà¹

Tóm tắt: Công tác xã hội trong bệnh viện là các hoạt động hỗ trợ người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh. Mục đích là hỗ trợ các nhóm đối tượng khắc phục những khó khăn về xã hội để đạt được hiệu quả chăm sóc sức khỏe tốt nhất. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện là cầu nối để giải quyết các mâu thuẫn giữa bệnh nhân và nhân viên y tế, giữa bệnh nhân và bệnh nhân, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, ... Do đó, công tác xã hội trong bệnh viện thực sự có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội trong bệnh viện là các hoạt động hỗ trợ người bệnh, người

¹ Giảng viên khoa Văn hóa – Thông tin

nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh. Mục đích là hỗ trợ các nhóm đối tượng khắc phục những khó khăn về xã hội để đạt được hiệu quả chăm sóc sức khỏe tốt nhất. Nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện là cầu nối để giải quyết các mâu thuẫn giữa bệnh nhân và nhân viên y tế, giữa bệnh nhân và bệnh nhân, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân,... Do đó, công tác xã hội trong bệnh viện thực sự có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tại các nước phát triển, hầu hết các bệnh viện đều có phòng CTXH và đây là một trong những điều kiện được công nhận là hội viên của Hội các bệnh viện. Sự hỗ trợ của nhân viên CTXH đã làm tăng thêm sự hài lòng của người bệnh và gia đình người bệnh khi đến điều trị tại bệnh viện.

Thực tế cho thấy, một số bệnh viện đã triển khai hoạt động xã hội để giúp đỡ người bệnh. Hầu hết các bệnh viện trong cả nước, nhất là các bệnh viện tuyến trên thường xuyên trong tình trạng quá tải. Nhân viên y tế không có đủ thời gian và khả năng để giải quyết nhiều nhu cầu bức xúc của bệnh nhân như hướng dẫn giải thích về qui trình khám chữa bệnh, tư vấn về phác đồ điều trị, cách phòng ngừa bệnh tật cho đến hỗ trợ về tâm lý, tinh thần cho người bệnh, khai thác thông tin về đặc điểm nhân khẩu xã hội của người bệnh, cung cấp thông tin về giá cả, chất lượng, địa điểm của các loại dịch vụ... thực trạng này đang dẫn đến không ít những phiền hà cho người bệnh tại các bệnh viện như: Sự thiếu hụt thông tin khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ khám chữa bệnh, sự không hài lòng của bệnh nhân đối với các cơ sở y tế, sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa người bệnh và thầy thuốc... Hoạt động CTXH ở bệnh viện sẽ giúp cho mối quan hệ giữa nhân viên y tế và người bệnh, thân nhân người bệnh tốt hơn. Đây là một bước phát triển mới trong công tác chăm sóc và phục vụ người bệnh.

2. Nội dung

Những văn bản pháp lý là cơ sở cho sự hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong ngành y tế.

Ngày 25/3/2010 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg phê duyệt "*Đề án phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam, giai đoạn 2010-2020*". Đây là dấu mốc quan trọng và được đánh giá là mốc thời gian khởi điểm cho sự phát triển nghề công tác xã hội ở nước ta. Kể từ thời gian này, hàng loạt những văn bản pháp lý đã được xây dựng và ban hành bởi nhiều Bộ khác nhau nhằm đưa nghề công tác xã hội thực sự đi vào đời sống xã hội. Dưới đây là thống kê những văn bản pháp lý là nền tảng cho sự hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế:

Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ban hành ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*Đề án phát triển nghề CTXH ở Việt Nam, giai đoạn 2010-2020*".

*Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội,
Quản lý văn hóa và Thông tin học hiện nay*

Thông tư số 08/2010/TT-BNV ban hành ngày 25/8/2010 của Bộ Nội vụ ban hành chức danh, mã số các ngạch viên chức công tác xã hội.

Thông tư số 34/2010/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 8/11/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội.

Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT/BTC-BLĐTBXH ban hành ngày 26/01/2011 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Đề án phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020*”.

Quyết định số 2514/QĐ-BYT ban hành ngày 15/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “*Phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020*”.

Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BV ban hành ngày 19/08/2015 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành CTXH.

Thông tư số 43/2015/TT-BYT ban hành ngày 26/11/2015 của Bộ Y tế quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội trong bệnh viện.

Trong 07 văn bản pháp quy được liệt kê ở trên, có 03 văn bản đóng vai trò quyết định cho sự hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế. Đó là Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010–2020 (gọi tắt là Đề án 32) như là một điểm nhấn quan trọng cho sự phát triển ngành Công tác xã hội tại Việt Nam. Mục tiêu của Đề án phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 là: “*Phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến*”. Đây là một đề án hoàn toàn nhằm mục đích xây dựng nguồn nhân lực công tác xã hội chuyên nghiệp tại nước ta.

Đề án 32 đã xác định rõ mục tiêu, nội dung hoạt động nhằm phát triển công tác xã hội trở thành một nghề ở Việt Nam bao hàm hệ thống các chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ, các ngạch viên chức và nhân viên công tác xã hội, đồng thời đưa ra phương pháp, nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực nhân viên công tác xã hội từ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ trong các lĩnh vực khác nhau. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung cũng như trong lĩnh vực y tế ở nước ta.

Trong ngành y tế, những năm gần đây, tại một số bệnh viện tuyến trung ương cũng đã triển khai hoạt động công tác xã hội với sự tham gia của đội ngũ nhân viên y tế kiêm nhiệm và tình nguyện viên nhằm hỗ trợ thầy thuốc trong phân loại bệnh nhân, tư vấn, giới thiệu dịch vụ chuyển tiếp, hỗ trợ chăm sóc người bệnh,... góp phần làm giảm bớt khó khăn trong quá trình tiếp cận và sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh. Một số mô hình tổ chức hoạt động công tác xã hội trong bệnh viện và tại cộng đồng cũng đã được hình thành trong thực tiễn như: phòng Công tác xã hội, phòng Chăm sóc khách hàng, tổ Từ thiện xã hội,... thuộc bệnh viện hay nhóm công tác xã hội tham gia hỗ trợ người có HIV/AIDS, bệnh nhân tâm thần, giúp phục hồi chức năng tại xã/phường,... Tuy nhiên, hoạt động công tác xã hội trong Ngành hiện mới chỉ mang tính tự phát, chưa được điều chỉnh bởi các văn bản mang tính pháp lý. Đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động chủ yếu mới chỉ có nhiệt huyết và kinh nghiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng nên thường thiếu tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động chưa được như mong đợi. Nhằm cụ thể hóa Quyết định số 32 của Thủ tướng Chính phủ vào thực tiễn của ngành Y tế góp phần giải quyết những nhu cầu bức thiết trong chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như làm gia tăng sự hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ Y tế, *Đề án phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020* đã được Bộ trưởng Bộ Y tế ký quyết định ban hành vào ngày 15/07/2011 theo Quyết định số 2514/QĐ-BYT (Bộ Y tế, 2011). Đây được xem như là mốc lịch sử quan trọng trong việc chính thức hóa đưa công tác xã hội vào trong bệnh viện ở Việt Nam.

Từ mục tiêu chung là hình thành và phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế, góp phần tăng cường chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân *Đề án phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành Y tế* đã đưa ra 5 mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Nâng cao nhận thức và cam kết thực hiện của các cấp lãnh đạo, các cơ sở Y tế, công chức, viên chức Y tế trong toàn ngành y tế về vị trí, vai trò và việc hình thành, phát triển nghề CTXH trong CSSK.

Mục tiêu 2: Xây dựng thời điểm và nhân rộng mô hình tổ chức của hoạt động CTXH trong một số bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh.

Mục tiêu 3: Ban hành văn bản hướng dẫn, hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm duy trì và phát triển nghề CTXH trong ngành Y tế.

Mục tiêu 4: Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, tài liệu tham khảo nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và nội dung CTXH trong CSSK cho các nhóm đối tượng có liên quan trong toàn ngành.

Mục tiêu 5: Đào tạo và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng CTXH cho đội ngũ công chức, viên chức và nhân viên y tế, dân số ở các cấp.

Mặc dù *Đề án phát triển nghề Công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020* đã được ra đời cách đây 4 năm với những mục tiêu và hoạt động khá cụ thể nhưng, trên thực tế, hầu hết các bệnh viện vẫn chưa triển khai được Đề án này. Do đó, phải đến ngày 26/11/2015, khi Bộ Y tế ban hành Thông tư số 43/2015/TT-BYT quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội trong bệnh viện thì mới có nhiều bệnh viện triển khai hoạt động này. Ưu điểm của Thông tư 43 là đã chỉ ra được 7 nhóm nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện (Điều 2) và Hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện (Điều 3); Cơ cấu tổ chức của phòng Công tác xã hội (Điều 4); và Mọi quan hệ phối hợp trong thực hiện công tác xã hội của bệnh viện (Điều 5).

Điều 2. Nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện (1). Hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh và người nhà người bệnh trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh; (2). Thông tin, truyền thông và phổ biến, giáo dục pháp luật; (3). Vận động tiếp nhận tài trợ; (4). Hỗ trợ nhân viên y tế; (5). Đào tạo, bồi dưỡng; (6). Tổ chức đội ngũ công tác viên làm công tác xã hội của bệnh viện; (7). Tổ chức các hoạt động từ thiện, công tác xã hội của bệnh viện tại cộng đồng (nêucó).

Điều 3. Hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện: (1). Phòng Công tác xã hội thuộc bệnh viện; (2). Tổ Công tác xã hội thuộc Khoa khám bệnh hoặc Phòng điều dưỡng hoặc Phòng kế hoạch tổng hợp của bệnh viện.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Phòng Công tác xã hội: (1). Phòng Công tác xã hội là đơn vị thuộc bệnh viện, có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và các nhân viên; (2). Phòng Công tác xã hội có Tổ hỗ trợ người bệnh (do Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách) đặt ở khoa Khám bệnh của bệnh viện. Ngoài Tổ Hỗ trợ người bệnh, phòng Công tác xã hội còn có các bộ phận nghiệp vụ cần thiết khác; (3). Nhân lực của phòng Công tác xã hội bao gồm các viên chức, nhân viên chuyên ngành công tác xã hội; chuyên ngành truyền thông, y tế hoặc ngành khoa học xã hội khác được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công tác xã hội.

Điều 5. Mọi quan hệ phối hợp trong thực hiện công tác xã hội của bệnh viện: (1). Phòng, Tổ Công tác xã hội có trách nhiệm phối hợp với các khoa, phòng, đơn vị trong bệnh viện thực hiện nhiệm vụ được giao; (2). Mỗi khoa, phòng của bệnh viện phân công một nhân viên y tế tham gia làm công tác viên công tác xã hội trong bệnh viện; (3). Các khoa, phòng, đơn vị khác có trách nhiệm giới thiệu người bệnh đến phòng Công tác xã hội hoặc đề nghị phòng Công tác xã hội cử nhân viên đến để trợ giúp, tư vấn cho người bệnh, đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời về sức khỏe của người bệnh để Phòng, Tổ công tác xã hội hỗ trợ, tư vấn cho người bệnh.

Ngoài ra còn có: Quy định về cơ sở vật chất (Điều 6), Hiệu lực thi hành (Điều 7), Trách nhiệm thi hành (Điều 8), trong đó quy định rõ trách nhiệm của Giám đốc

bệnh viện trong việc thực hiện Thông tư.

3. Giải pháp phát triển ngành công tác xã hội trong bệnh viện ở Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, các bệnh viện căn cứ vào Thông tư và dựa trên tình hình thực tế của bệnh viện để thành lập phòng công tác xã hội trực thuộc bệnh viện hoặc tổ công tác xã hội trực thuộc phòng điều dưỡng hoặc phòng kế hoạch tổng hợp. Việc phát triển nghề công tác xã hội trong bệnh viện sẽ góp phần đổi mới toàn diện phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân. Ngoài ra, việc thành lập các phòng, tổ công tác xã hội trong bệnh viện phải bao gồm nhiệm vụ hỗ trợ, tư vấn giải quyết các vấn đề về công tác xã hội cho người bệnh và người nhà người bệnh trong quá trình khám bệnh, chữa bệnh; thông tin, truyền thông và phổ biến, giáo dục pháp luật; vận động tiếp nhận tài trợ; hỗ trợ nhân viên y tế; tổ chức các hoạt động từ thiện,...

Thứ hai, các trường đại học trong ngành y tế và một số trường cần tham gia đào tạo ngành công tác xã hội để đảm bảo nguồn nhân lực có đủ năng lực, đáp ứng nhu cầu đặc thù của ngành và xã hội. Cho đến nay mặc dù đã có nhiều trường đại học tham gia đào tạo cử nhân công tác xã hội (như Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc Gia Hà Nội), Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Lao động và Xã hội,...). Nhưng hiện nay mới có duy nhất trường Y tế công cộng đào tạo nhân viên công tác xã hội định hướng chuyên biệt lĩnh vực y tế.

Thứ ba, chương trình đào tạo của các trường cần được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác xã hội và chăm sóc sức khỏe. Chương trình đào tạo này sẽ cung cấp nguồn nhân lực ở trình độ đại học có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, dịch tễ học; có kỹ năng nghề công tác xã hội định hướng về hỗ trợ, tư vấn, chăm sóc sức khỏe đặc biệt cho nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương như: người cao tuổi, người khuyết tật; có kỹ năng phục hồi chức năng cơ bản tại cộng đồng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó trọng tâm vào nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương với những nhu cầu chăm sóc đặc thù. Sinh viên sẽ được trang bị các cách tiếp cận khác nhau để làm việc tốt trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng từ các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu đến các bệnh viện và các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe ngoại trú cũng như phục hồi chức năng tại cộng đồng.

Thứ tư, đào tạo nâng cao trình độ của nhân viên làm công tác xã hội để có đủ năng lực thực hiện và hội nhập với quốc tế. Hiện nay, trình độ của nhân viên làm

công tác xã hội còn thiếu và chưa có đủ trình độ theo yêu cầu. Do đó, cần phải đào tạo nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp có trình độ từ trung cấp đến đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và xây dựng chương trình đào tạo cho từng cấp học tương ứng. Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ năm, cần kiện toàn đội ngũ nhân viên, mạng lưới cung cấp dịch vụ công tác xã hội ở tất cả các cấp, từ trung ương đến các địa phương, cơ sở.

4. Kết luận

Công tác xã hội trong bệnh viện có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. công tác xã hội không đơn thuần chỉ là công tác từ thiện trong bệnh viện như các bữa ăn, nồi cháo từ thiện cho bệnh nhân nghèo, tặng quà cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn mà công tác xã hội trong bệnh viện là một nội dung hoạt động rất quan trọng trong quá trình chuyên nghiệp hóa lĩnh vực công tác xã hội, góp phần không nhỏ vào công cuộc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người dân. Để phát triển ngành công tác xã hội trong bệnh viện ở Việt Nam trong thời gian tới, chúng ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên một cách hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1].Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ban hành ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Đề án phát triển nghề CTXH ở Việt Nam, giai đoạn 2010-2020*”.

[2].Thông tư số 08/2010/TT-BNV ban hành ngày 25/8/2010 của Bộ Nội vụ ban hành chức danh, mã số các ngạch viên chức công tác xã hội.

[3].Thông tư số 34/2010/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 8/11/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức công tác xã hội.

[4].Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT/BTC-BLĐTBXH ban hành ngày 26/01/2011 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Đề án phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020*”.

[5].Quyết định số 2514/QĐ-BYT ban hành ngày 15/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “*Phát triển nghề công tác xã hội trong ngành Y tế giai đoạn 2011-2020*”.

[6]. Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐT BXH BV ban hành ngày 19/08/2015 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội và Bộ Nội vụ về việc quy định mã số tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành CTXH.

[7]. Thông tư số 43/2015/TT-BYT ban hành ngày 26/11/2015 của Bộ Y tế quy định nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội trong bệnh viện.

THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

ThS. Hoàng Thị Thu Hoa¹

Tóm tắt: Thực hành trong công tác xã hội đóng một vai trò quan trọng và rất cần thiết trong suốt quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên. Việc áp dụng các mô hình thực hành vào quá trình học tập có ý nghĩa lớn trong thực hiện mục tiêu đào tạo một đội ngũ nhân viên xã hội có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn. Trước yêu cầu của xã hội, Trường Đại học Văn hóa và Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đã và đang triển khai mô hình thực hành cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội với mục tiêu trọng tâm là trang bị những kỹ năng nghề cần thiết nhất để khi ra trường các em đáp ứng tốt công việc của mình. Cũng giống như các cơ sở đào tạo công tác xã hội khác tại Việt Nam, mô hình thực hành này còn tồn tại những khó khăn cần khắc phục trên con đường chuyên nghiệp hóa nghề công tác xã hội ở nước ta hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Theo đề án “Phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam” do Bộ lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, nhu cầu đến năm 2020 cần trên 20.000 nhân viên có trình độ cao đẳng, đại học về công tác xã hội. Muốn đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội, để nâng cao tay nghề cho sinh viên sau khi ra trường, việc hình thành kỹ năng nghề cho sinh viên nói chung, đặc biệt là sinh viên ngành công tác xã hội nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng và cũng là mục tiêu đào tạo của nhà trường. Vì vậy, mà vấn đề thực hành thực tập luôn luôn được nhà trường ưu tiên hàng đầu.

2. Thực trạng thực hành nghề công tác xã hội tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Rèn luyện kỹ năng thực hành công tác xã hội cho sinh viên bao gồm việc ứng dụng các kiến thức, giá trị, nguyên tắc, kỹ thuật của công tác xã hội; để giúp các cá nhân, nhóm và cộng đồng tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, biện hộ pháp lý,... Tất cả những điều này được tích hợp trong các phương pháp chính của công tác xã hội là công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm và phát triển cộng đồng.

¹ Giảng viên khoa Văn hóa – Thông tin

Lượng kiến thức thực hành nghề được thiết kế tổng 15 tín chỉ thực hành bao gồm: Thực hành công tác xã hội với sinh viên năm hai; Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm; Phát triển cộng đồng với sinh viên năm ba. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa hiện nay đã đào tạo được 4 khóa đại học chính quy công tác xã hội tại trường. Bên cạnh đào tạo chính quy trong trường. Nhà trường còn đào tạo cả hệ liên thông chính quy trong và ngoài tỉnh như Hòa Bình và Quảng Trị. Được các cơ sở thực hành đánh giá có kỹ năng thực hành nghề.

Thực hành công tác xã hội

Để rèn luyện cho sinh viên ngành công tác xã hội môi trường thực hành nghề kỳ hai năm thứ hai sinh viên sẽ được đi thực hành công tác xã hội. Khởi đầu cho lần đầu tiên thực hành nghề. Ở đây các bạn sẽ được vận dụng các phương pháp công tác xã hội đã được học trong học phần các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội vào thực hành. Địa điểm thực hành sẽ ở các trung tâm bảo trợ xã hội; hội người mù và dưới cộng đồng.

Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm

Để rèn luyện kỹ năng thực hành công tác xã hội cho sinh viên, vận dụng phương pháp công tác xã hội cá nhân và nhóm, đợt thực tập sẽ được diễn ra vào đầu năm thứ 3 được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo sinh viên công tác xã hội của nhà trường. Mục đích của đợt thực tập là giúp sinh viên vận dụng những lý thuyết, kỹ năng trong công tác xã hội cá nhân, nhóm đã học vào quá trình tìm hiểu, phân tích thực trạng và giải quyết vấn đề của thân chủ. Đồng thời củng cố, rèn luyện những kỹ năng chuyên môn về phương pháp thực hành công tác xã hội.

Trong đợt thực tập này sinh viên công tác xã hội sẽ được chia thành các nhóm nhỏ xuống một địa bàn thực tập cụ thể. Địa bàn thực tập công tác xã hội cá nhân và nhóm sẽ là những trung tâm bảo trợ xã hội, cơ quan hay tổ chức hỗ trợ người yếu thế. Trong thời gian thực tập sinh viên sẽ tiến hành các hoạt động tìm hiểu cơ sở thực tập, lựa chọn đối tượng, nhóm đối tượng trợ giúp. Đồng thời thiết lập được mối quan hệ tin cậy với cơ sở thực tập, thân chủ sẽ thực hành. Các sinh viên tiến hành chọn lựa một đối tượng hay nhóm đối tượng cụ thể (có thể là nhóm có sẵn hoặc thành lập một nhóm mới) đang có cùng vấn đề và nhu cầu cần được hỗ trợ bằng phương pháp thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm. Sinh viên thực hiện thu thập thông tin, xác định điểm mạnh, điểm yếu của thân chủ, vấn đề gặp phải, nhu cầu của đối tượng; Lập sơ đồ phá hệ, sơ đồ sinh thái, sơ đồ tương tác nhóm... Vận dụng tiến trình công tác xã hội cá nhân, nhóm để xây dựng kế hoạch can thiệp cụ thể. Thực hành các bước trong tiến trình hỗ trợ đối tượng và lượng giá kết quả. Yêu cầu

sản phẩm của sinh viên sau khi thực hành công tác xã hội cá nhân, nhóm là một báo cáo thực hành mô tả lại toàn bộ các hoạt động thực hành của sinh viên tại cơ sở, lượng giá những kết quả đạt được và những đề xuất, kiến nghị theo mẫu quy định của khoa. Điểm đánh giá kết quả thực tập của sinh viên sẽ là điểm trung bình của kết quả đánh giá về ý thức tổ chức kỷ luật, thực tập chuyên môn do kiểm huấn viên đánh giá và điểm báo cáo thực tập và điểm nhật ký do giảng viên công tác xã hội đánh giá.

Thực hành phát triển cộng đồng

Thực hành phát triển cộng đồng là một trong 3 phương pháp trợ giúp chính của công tác xã hội được tiến hành vào đợt thực tập kỳ hai dành cho đối tượng sinh viên năm ba. Đối tượng trợ giúp của phương pháp thực hành này có quy mô lớn hơn phương pháp thực hành với cá nhân và nhóm. Địa điểm thực tập là cộng đồng cụ thể tại xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng trong học phần Tổ chức và phát triển cộng đồng để thực hiện. Trong đó sinh viên vận dụng các kỹ năng phát triển cộng đồng để xây dựng được các hoạt động nhằm giải quyết vấn đề của cộng đồng như: Ô nhiễm môi trường, xây dựng lối sống văn minh đô thị, trang bị kỹ năng sống cho trẻ em đường phố, vệ sinh an toàn thực phẩm, bạo lực gia đình..... thông qua các dự án cụ thể.

Trong đợt thực hành nhóm sinh viên tiến hành khảo sát, đánh giá, phát hiện vấn đề của cộng đồng trên các phương diện: kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường...; phát hiện nhu cầu cộng đồng; Xây dựng dự án phát triển cộng đồng; Mô tả văn tắt các hoạt động của sinh viên tại cộng đồng nhằm triển khai thực hiện dự án phát triển cộng đồng; Lý giải việc vận dụng các phương pháp tiếp cận cộng đồng.

Để triển khai tốt công tác thực hành phát triển cộng đồng tại cơ sở, các giảng viên chuyên ngành công tác xã hội của bộ môn luôn chú trọng việc trang bị kiến thức đi cùng với rèn luyện kỹ năng thực hành cho sinh viên. Sinh viên được trang bị hệ thống kiến thức lý thuyết về phát triển cộng đồng trong học phần tổ chức và phát triển cộng đồng. Sinh viên còn được thực hành trên lớp các phương pháp làm việc với cộng đồng, công cụ thực hành.. Bộ môn cũng chú trọng công tác chuẩn bị cho đợt thực hành như: Công tác liên hệ thực tập, tiền trạm được thực hiện trước khi đợt thực tập diễn ra một tháng; Phân công giảng viên trực tiếp phụ trách các nhóm thực tập làm việc cùng với sinh viên tại cơ sở; tập huấn về nội dung và phương pháp thực tập cho sinh viên; chuẩn bị văn bản, nội dung cho đợt thực tập.

3. Những khó khăn đặt ra trong quá trình triển khai thực hành công tác xã hội tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác rèn luyện nghiệp vụ thực hành công tác xã hội cho sinh viên vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục nhằm đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

Hệ thống các cơ sở thực hành, thực tập cho sinh viên trong tỉnh còn thiếu đặc biệt những cơ sở cung cấp các dịch vụ có tính chuyên nghiệp. Mặt khác không phải cơ sở nào cũng chấp nhận cho sinh viên thực hành.

Sinh viên ngành công tác xã hội còn rụt rè trong nhiều hoạt động nhóm do thiếu kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức, kỹ năng kết nối nguồn lực, kỹ năng lãnh đạo nhóm, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn nhóm.

Nhiều nhân viên tại các cơ sở xã hội đóng vai trò là kiểm huấn cho sinh viên nhưng phần lớn trong số họ chưa quan tâm đào tạo về công tác xã hội cũng như đào tạo về kiểm huấn nên những người được gọi kiểm huấn viên chỉ có thể thực hiện vai trò giám sát hoặc tượng trưng trong quá trình hỗ trợ sinh viên tại cơ sở.

Thiếu kinh phí chi trả cho đội ngũ kiểm huấn viên, điều này khiến cho công việc của các giảng viên thực hành khó khăn hơn vì quá trình triển khai thực hành cho sinh viên, các giảng viên cần công tác tác thường xuyên với cán bộ của các cơ sở này, tuy nhiên sự hỗ trợ của các kiểm huấn viên tại cơ sở hời hợt. Trong điều kiện đó, sinh viên rất khó khăn để học hỏi hay thực hành công tác xã hội đúng nghĩa.

4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành

Hiện nay công tác đào tạo công tác xã hội của Việt Nam đang trên lộ trình hoàn thiện. Để nâng cao chất lượng thực hành cho sinh viên chuyên ngành công tác xã hội tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, Tôi xin đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau:

Để giúp cho sinh viên thêm tự tin khi xuống cơ sở thực hành, khắc phục được những hạn chế khi thiếu hụt kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn; trong quá trình học tập tại trường đặc biệt là các môn học chuyên ngành giảng viên cần chú trọng thiết kế nội dung thực hành đa dạng và tạo điều kiện tối đa giúp sinh viên rèn luyện thành thạo các kỹ năng khi làm việc với nhóm, tổ chức.

Trong thời gian sinh viên xuống các cơ sở thực tập, cần tăng cường sự kết hợp giám sát, kiểm tra giữa kiểm huấn viên cơ sở và kiểm huấn viên tại trường. Công việc này cần thực hiện thường xuyên theo từng tuần.

Phía Bộ môn, Khoa cần có sự phân công nhóm thực hành, chuyên trách chủ động liên hệ, mở rộng mạng lưới các cơ sở thực hành trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi. Xây dựng cam kết hợp tác trong đào tạo giữa cơ sở xã hội và trường đại

học bằng văn bản có tính pháp lý trên cơ sở tính toán thù lao hợp lý cho đội ngũ kiểm huấn viên tại cơ sở. Số lượng các cơ sở thực hành liên tục được đánh giá mỗi năm, cơ sở nào chưa đáp ứng đủ yêu cầu hay còn nhiều khó khăn có thể chuyển tới các địa điểm thực hành khác. Các cơ sở này được đưa vào danh sách cụ thể, có điều chỉnh theo các năm. Sinh viên có thể tự liên hệ hoặc giáo viên liên hệ giúp nhưng trước khi thực tập đều phải thực hiện công tác tiền trạm kỹ lưỡng. Thực hiện giảm tải số lượng sinh viên tại một cơ sở thực hành, mở rộng và phát triển mạng lưới thực hành không chỉ bó hẹp tại địa bàn Thanh Hóa.

Nhà trường cần thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập của sinh viên trong mỗi đợt và trong cả năm học. Trên cơ sở đó tổng hợp những thuận lợi, khó khăn điều chỉnh quy trình thực hành cho phù hợp với nhu cầu thực tế, xây dựng khung đánh giá sinh viên khoa học, chất lượng; kinh phí tổ chức thực tập đảm bảo cho cán bộ phụ trách, kiểm huấn viên tại cơ sở. Ngoài ra cần tham khảo và học tập mô hình thực hành từ các trường bạn bằng cách tổ chức các hội thảo về nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên công tác xã hội thông qua hoạt động thực hành hoặc tích cực tham gia hội thảo tại các trường học trong nước và quốc tế có đào tạo về công tác xã hội.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên hướng dẫn thực hành công tác xã hội, cần tổ chức nhiều hội thảo, tập huấn trong hệ thống các trường đào tạo trên cả nước giúp họ học tập và rèn luyện các kỹ năng thực hành, chia sẻ kinh nghiệm cũng như tìm ra những giải pháp khắc phục khó khăn còn tồn tại trong quá trình đào tạo nhân viên công tác xã hội

5. Kết luận

Công tác xã hội là một nghề chuyên nghiệp, do vậy đòi hỏi nhân viên công tác xã hội cần phải có kiến thức nền tảng và kỹ năng nghề nghiệp dựa trên những quy tắc đạo đức chuyên nghiệp. Đây là một nhiệm vụ hết sức to lớn và cũng là một thách thức đối với ngành công tác xã hội ở Việt Nam. Chính vì vậy nhiệm vụ đào tạo đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp là nhiệm vụ to lớn không chỉ của cả nước nói chung mà còn có cả trường Đại học Văn hóa, Thể thao và du lịch Thanh Hóa nói riêng. Vì vậy mà công tác đào tạo ngành công tác xã hội của trường luôn luôn chú trọng đến việc thực hành cho sinh viên để sinh viên vận dụng cả 3 phương pháp công tác xã hội cá nhân và nhóm, phát triển cộng đồng tốt cho quá trình đi thực tập và quá trình làm việc sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Trung Hải (2016), *Phát triển cộng đồng*, NXB Dân Trí
- [2]. Nguyễn Thị Kim Liên (2008), *Phát triển cộng đồng*, NXB LĐXH
- [3]. Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (chủ biên) (2015), *Giáo trình Công tác xã hội đại cương*, NXB. ĐHQGHN.
- [4]. Bùi Thị Xuân Mai (2010), *Nhập môn công tác xã hội*, NXB LĐXH

VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG NGHIỆN GAME ONLINE CỦA GIỚI TRẺ HIỆN NAY

Đinh Thị Thúy Kiều¹

Lê Thị Hương²

Tóm tắt: Game online là một trò chơi giải trí lành mạnh giúp cho đầu óc con người thư giãn và thoải mái sau những giờ lao động, làm việc căng thẳng. Tuy nhiên hiện nay, giới trẻ đã sử dụng game online không đúng thời lượng cho phép và mục đích gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, sa sút việc học tập, dẫn đến suy đồi đạo đức. Vấn đề nghiện game online đang khiến cho phụ huynh và rất nhiều người khác nhức nhối vì chưa tìm ra phương thức giải quyết triệt để. Bài viết nhằm đưa ra hiện tượng, nguyên nhân và một số giải pháp của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu tình trạng nghiện game online của giới trẻ hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay tình trạng nghiện game đang diễn ra rất nhiều, đặc biệt ở học sinh, sinh viên, vì đây là lứa tuổi dễ bị sa vào những trò chơi vô bổ, chưa phải lo nghĩ nhiều đến tương lai, hoặc bị bạn bè dụ dỗ, lôi kéo cùng chơi. Game online nếu chơi không khoa học sẽ bị nghiện, gây ảnh hưởng đến chất lượng học tập và cuộc sống.

Tại Việt Nam, hiện trạng học sinh nghiện game vô cùng phổ biến. Ta có thể bắt gặp những quán net đầy những thanh thiếu niên còn đang mặc bộ đồng phục trắng ngồi trong các quán net chơi hàng giờ liền, có nhiều người chơi qua ngày. Hay có thể thấy những clip trên mạng quay lại cảnh những quán net đầy những học sinh, hay cảnh bố mẹ cầm roi, quát mắng mà vẫn cố chơi cho nốt. Những quán điện tử xuất hiện tần số nhiều hơn, được trang bị nhiều máy tính công nghệ cao hơn, phục vụ cho “nhu cầu” của học sinh.

Hiện tượng nghiện game ngày càng phổ biến bởi nhiều lý do. Game ngày càng được sáng tạo đầy phong phú. Theo thị hiếu của người chơi, những người tạo ra nó không ngừng sáng tạo những trò điện tử đầy màu sắc, đầy hấp dẫn. Trò chơi đa dạng nhiều thể loại : trí tuệ, hành động,... Tính đa dạng, mới mẻ của game thu hút, hấp dẫn với lứa tuổi học sinh thích tìm hiểu điều mới. Học sinh ý thức còn kém trong

¹ Sinh viên lớp đại học CTXH K3, Khoa Văn hóa - Thông tin

² Sinh viên lớp đại học LTCTXH K4, Khoa Văn hóa - Thông tin

việc quản lý thời gian chơi của mình, không thể ngừng chơi, không thể làm chủ bản thân mình. Học sinh cũng còn thiếu nhận thức về tính nguy hại của các trò điện tử. Hơn thế cha mẹ quản lý lỏng lẻo, buông thả con cái. Nhiều bậc phụ huynh mãi mê với công việc mà quên mất quan tâm đến con khiến nhiều học sinh vì cô đơn mà tìm đến trò chơi điện tử.

Nghiện game giống như nghiện các loại ma túy vậy, nó có rất nhiều tác hại khôn lường. Trước hết ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều vấn đề của sức khỏe, tâm lý học sinh. Học sinh dễ bị cận thị, loạn thị vì sử dụng máy tính tần số cao. Nghiện game cũng gây ảnh hưởng tới xương cột sống, đến não bộ,... Hơn vậy, nhiều học sinh vì nghiện game mà mắc các bệnh tâm lý như trầm cảm,... Nghiện game còn tốn tiền bạc, thời gian. Chơi game tốn rất nhiều thời gian, và như thế học sinh lấy đâu thời gian để học và tham gia các hoạt động khác. Học sinh chưa thể kiếm ra tiền, số tiền bố mẹ cho tiêu vặt hàng tháng cũng không thể đủ cho ham mê trò chơi được, điều này dẫn đến nói dối, lấy cắp tiền,... sinh ra rất nhiều thói hư tật xấu mà một người học sinh không thể có. Đối với học sinh, nghiện game là con đường ngắn nhất dẫn tới học hành sa sút, điểm số kém dần, lượng kiến thức thiếu hụt bởi đầu óc tâm trí để vào các trò chơi điện tử.

Từ những hậu quả khôn lường của việc nghiện game online của giới trẻ hiện nay, những nhân viên công tác xã hội cần xác định trách nhiệm trong việc đưa ra các giải pháp giảm thiểu tình trạng nghiện game online của giới trẻ hiện nay.

2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giảm thiểu tình trạng nghiện game online.

Nhân viên công tác xã hội nên tổ chức về các hoạt động giáo dục, các trò chơi lành mạnh mà hấp dẫn, bổ ích cho học sinh trong các giờ học. Tổ chức ngoại khóa tìm hiểu về cách khai thác thông tin hiệu quả từ internet để phục vụ cho học tập, cách sử dụng game online hợp lý và tác hại của việc nghiện game. Trong một dịp thích hợp có thể mời một số người từng nghiện game đến trường nói chuyện với các bạn học sinh về tác hại của việc nghiện game online.

Hàng tuần hoặc hàng tháng nhân viên công tác xã hội có thể kết hợp với nhà trường tổ chức các em về các hoạt động thi đấu các trò chơi thể thao trong phạm vi trường học, giới thiệu các trò chơi mang tính giáo dục và khuyến khích học sinh tham gia trò chơi, từ từ giúp học sinh nhận thức được tác hại của việc chơi game quá nhiều, nhất là chơi các trò chơi mang tính bạo lực. và đặc biệt hơn nữa, nếu nhân viên công tác xã hội phát hiện ra trong trường có một số em có biểu hiện về nghiện game.

Nhân viên công tác xã hội phải thật sự quan tâm, chú ý tới việc học tập và phối hợp với gia đình và bạn bè xung quanh để quản lý trẻ tốt hơn. Bên xã hội với một bộ phận chơi game do thiếu kỹ năng trong cuộc sống.

Nhân viên công tác xã hội nên kết hợp với các cơ quan trên địa bàn tổ chức cho các giới trẻ về các lớp kỹ năng sống để giới trẻ tự tin với cuộc sống thật của mình và dần rời xa game online.

Bên cạnh đó nhân viên công tác xã hội cùng với các cơ quan chính quyền cùng cần làm việc hiệu quả hơn trong quản lý nội dung các game online và các quán internet. Và điều quan trọng hơn nữa là nhân viên công tác xã hội cùng đưa ra ý kiến của mình cho những nhà sản xuất game online, phải làm sao chúng ta có thể cung cấp game online một cách lành mạnh và tính giáo dục, phù hợp với học sinh,....

Nhân viên công tác xã hội cần kết hợp với những nguồn lực trong quá trình giảm thiểu tình trạng nghiện game online của giới trẻ: bản thân học sinh, gia đình, nhà trường, xã hội.

Về phía học sinh để không sa chân vào con đường nghiện game cần có ý thức trong việc học hành, tích cực rèn luyện đạo đức, coi học là nhiệm vụ chính, chơi game chỉ để giải trí, giải tỏa áp lực và có thời gian chơi phù hợp.

Bên cạnh đó phụ huynh cần quan tâm hơn đến thời gian sinh hoạt của con cái. Bên nhà trường cũng cần phối hợp với gia đình khi thấy học sinh có những biểu hiện bất thường như thường xuyên mệt mỏi, thiếu ngủ.

Các cơ quan chính quyền nên có những biện pháp cụ thể để quản lý thời gian hoạt động của các quán game, tổ chức nhiều sân chơi bổ ích, thú vị cho học sinh tham gia.

3. Kết luận

Hiện tượng game online của giới trẻ là một hiện tượng cần được đẩy lùi để các em học sinh, sinh viên có được một sức khỏe thể chất dẻo dai, tinh thần minh mẫn phục vụ cho việc học tập, rèn luyện. Mỗi người trong chúng ta, đặc biệt là những nhân viên công tác xã hội sẽ đóng một vai trò rất lớn trong việc giảm thiểu tình trạng nghiện game online để các em học sinh, sinh viên sống trong sáng, lành mạnh, sáng tạo và trách nhiệm với cuộc sống của các em hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Thu Thủy, *Công tác xã hội cá nhân trong hỗ trợ sinh viên cai nghiện game online*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. <http://www.luanvan.co/luan-van/cong-tac-xa-hoi-voi-vi-thanh-nien-nghien-game-online-46337>

[3]. <https://xemtailieu.com/tai-lieu/cong-tac-xa-hoi-nhom-doi-voi-nam-hoc-sinh-nghien-game-online-tai-truong-trung-hoc-co-so-gia-hoa-huyen-gia-vien-tinh-ninh-binh-1728072.html>

QUY TRÌNH TỔ CHỨC VÀ HƯỚNG DẪN THỰC TẬP CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

TS. Đoàn Văn Trường¹

Tóm tắt: CTXH (CTXH) là một ngành khoa học thực hành. Do vậy, thực hành được xem là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xây dựng các chương trình đào tạo cho sinh viên ngành CTXH tại các cơ sở đào tạo. Bài viết này nhằm giới thiệu về quy trình tổ chức và hướng dẫn thực tập dành cho sinh viên ngành CTXH.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới, nghề CTXH đã có từ lâu, được xã hội rất coi trọng. Còn ở Việt Nam thì đây là một lĩnh vực hoạt động mới xuất hiện. Từ năm 2010, thông qua Đề án 32 của Chính phủ thì CTXH cũng mới chính thức được công nhận là một nghề cụ thể. Tuy vậy, hiểu biết và nhận thức của xã hội về nghề này vẫn còn chưa được quan tâm đúng mức (Nguyễn Ngọc Minh, 2015). Điều đó đòi hỏi chúng ta cần phải tiếp tục nâng cao hiểu biết của cộng đồng xã hội về ngành nghề này.

Nghề CTXH là một nghề hướng đến việc trợ giúp cho các cá nhân, gia đình, cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng xã hội “yếu thế” giúp họ phát triển khả năng của bản thân, gia đình cùng với cộng đồng và sự trợ giúp của nhà nước, để họ tự vươn lên hòa nhập đời sống cộng đồng. Mục tiêu chung của Đề án là “Phát triển CTXH trở thành một nghề ở Việt Nam. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề CTXH; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên CTXH đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ CTXH tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến” (Nguyễn Đức Nam, 2015).

Ngay sau khi Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010 - 2020 được ban hành, các Bộ, Ngành chức năng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức CTXH, chức danh, mã số các ngạch viên chức CTXH, Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg. Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm cung cấp dịch vụ CTXH công lập. Như vậy có thể khẳng định rằng Quyết định 32 đã tạo ra một hành lang pháp lý để từng bước phát triển nghề CTXH chuyên nghiệp. Đồng thời cũng tạo ra sự chuyển biến tích cực

¹ Phó Trưởng khoa Văn hóa - Thông tin.

trong nhận thức của các cấp bộ Đảng, chính quyền và xã hội về nghề CTXH (Quyết định, 2010).

2. Nội dung

2.1. Mục tiêu và tầm quan trọng của thực tập CTXH

Thực tập là tập làm trong thực tế để vận dụng và củng cố kiến thức lý thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ, chuyên môn, viết báo cáo. Thực tập là cách tốt nhất để sinh viên, áp dụng những lý thuyết, kỹ năng và giá trị đạo đức đã học được từ nhà trường và học hỏi kinh nghiệm trong môi trường thực tế liên quan đến ngành học. Về cơ bản, quá trình thực tập cũng gần giống như quá trình đào tạo cho một nhân viên mới. Sinh viên thực tập sẽ làm việc chung với nhân viên khác để học hỏi và chuẩn bị cho công việc sau khi tốt nghiệp (Nguyễn Đức Nam, 2015).

Thực tập CTXH công nhận tính đa dạng của con người như là yếu tố hàng đầu. Thực tập CTXH dựa trên các giá trị nghề nghiệp, mối quan hệ chuyên nghiệp và sự thể hiện vai trò tương tác.

Mục tiêu phổ quát của thực tập CTXH

Mục tiêu 1: Ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học tại lớp vào hệ thống thân chủ hiện tại và các cố gắng thay đổi của bản thân sinh viên.

Mục tiêu 2: Tìm hiểu thế giới của thân chủ và hệ thống thân chủ, nơi mà thân chủ tương tác với những người xung quanh.

Mục tiêu 3: Áp dụng tiến trình giải quyết vấn đề và lý thuyết hệ thống là những khung cho việc thực hành tổng quát.

Mục tiêu 4: Phát triển sự nhận thức và đánh giá các giá trị, những đóng góp của các nhóm khác nhau và cung cấp các dịch vụ theo cung cách và khả năng phù hợp.

Mục tiêu 5: Thiết lập mối quan hệ nghề nghiệp qua đó thân chủ là trọng tâm để đáp ứng các nhu cầu của thân chủ.

Mục tiêu 6: Thể hiện những vai trò khác nhau của nhân viên xã hội trong việc cung cấp dịch vụ CTXH.

Mục tiêu 7: Phát triển kỹ năng truyền thông, bằng lời và viết theo cung cách phù hợp với cơ sở thực tập, với chính sách, thủ tục của cơ sở và những mong đợi của việc thực hành nghề nghiệp.

Mục tiêu 8: Hoạt động có hiệu quả trong khuôn khổ các dịch vụ xã hội của cơ sở và trong bối cảnh của hệ thống cung cấp dịch vụ rộng lớn của xã hội.

Mục tiêu 9: Xem xét các giá trị cá nhân và nghề nghiệp và tác động của

nó vào tiến trình giúp đỡ.

Mục tiêu 10: Phát triển tinh thần học hỏi bằng cách nhận diện những gì chưa biết và đưa ra những câu hỏi về những vấn đề cần được khám phá (Nguyễn Thị Kim Anh, 2016).

2.2. Tầm quan trọng của việc thực tập

Thực tập là quá trình giúp sinh viên thu thập thêm kiến thức, kinh nghiệm thực tế và áp dụng kỹ năng về lĩnh vực ngành đang học mà còn đem lại nhiều ích lợi như sau:

Tìm hiểu về môi trường, văn hóa tổ chức nơi sinh viên đến thực tập và mức độ phù hợp của công việc với mong muốn của họ. Thực tập cũng cho những cơ hội để sinh viên quan sát, thực hành công việc hàng ngày liên quan đến ngành nghề mà họ định hướng và phát triển sau khi ra trường.

Mở rộng các mối quan hệ trong thời gian thực tập: trong thời gian thực tập, sinh viên làm quen, học hỏi kinh nghiệm và xây dựng mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, ban quản lý, và nhân viên nơi thực tập rất cần thiết cho sinh viên tìm được việc làm từ chính những mối quan hệ này.

Có kinh nghiệm làm việc sau khi tốt nghiệp: Thực tập cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành kỹ năng, lý thuyết và học hỏi kinh nghiệm làm việc mà đó là điều nhà tuyển dụng quan tâm hàng đầu.

Được nhận xét, đánh giá và giới thiệu: Người trực tiếp hướng dẫn sinh viên thực tập sẽ góp ý và nhận xét về năng lực của sinh viên sau khi kết thúc thực tập và họ có thể là người sinh viên xin phép được đưa vào hồ sơ xin việc với tư cách là “người tham khảo” (Nguyễn Thị Kim Anh, 2016).

Cơ hội làm việc: những biểu hiện tốt về năng lực, kỹ năng, đạo đức, tác phong, trong quá trình thực tập có thể giúp sinh viên được giữ lại làm nhân viên chính thức sau khi tốt nghiệp trong công việc thực tập hay vị trí khác đang cần tuyển dụng.

2.3. Quy trình tổ chức và hướng dẫn sinh viên thực tập

2.3.1. Quy trình tổ chức

Ban thực tập: là giảng viên hay điều phối viên phụ trách thực tập tại trường, tốt nhất là người tốt nghiệp chuyên ngành sinh viên đang thực tập. Họ là người liên hệ tìm cơ sở thực tập, phối hợp với kiểm huấn viên tại cơ sở, theo dõi thực tập và lượng giá sinh viên. Công việc của ban thực tập gồm:

Họp với sinh viên buổi đầu tiên: bố trí ngày giờ, địa điểm để họp với

sinh viên trong buổi đầu tiên làm quen nhau, để biết sinh viên đang có ý niệm gì về thực tập, thuận đạt được mục tiêu và yêu cầu của đợt thực tập... Kiểm huấn viên xác định ngày, giờ, địa điểm họp kiểm huấn, thống nhất với sinh viên và cùng sinh viên ôn lại những lý thuyết cơ bản của ngành học cần ứng dụng trong đợt thực tập.

Ngoài ra, trong buổi họp này kiểm huấn viên nhắc lại kế hoạch thực tập cụ thể và hướng dẫn sinh viên phải làm gì cụ thể.

Bài thu hoạch của sinh viên Bài tự lượng giá của sinh viên.

Cuốn sổ thực tập này sẽ là cơ sở để sinh viên trình với kiểm huấn viên trong các buổi họp kiểm huấn sẽ được tổ chức hàng tuần hoặc 2 tuần/1 lần. Sinh viên phải nộp trước ngày họp kiểm huấn ít nhất 2 ngày để kiểm huấn viên đọc.

2.3.2. Hướng dẫn cách viết sổ nhật ký thực tập cho sinh viên

Trong sổ nhật ký, trong phần viết nhật ký hàng ngày, sinh viên ghi từng ngày đi thực tập:

Mô tả ngắn gọn hoạt động/kinh nghiệm học được trong ngày.

Sinh viên đã làm gì trong ngày thực tập này? Sinh viên đã trải qua kinh nghiệm gì? Sinh viên làm việc đó ở đâu? Với ai? Sinh viên suy nghĩ, cảm thấy và phản ứng thế nào đối với những hoạt động/ kinh nghiệm này?

Trong việc này, sinh viên đã sử dụng lý thuyết, kỹ năng, giá trị, quy tắc đạo đức nào được học ở trường? sinh viên học được gì từ hoạt động, kinh nghiệm trong ngày thực tập? (Nguyễn Thị Kim Anh, 2016).

2.3.3. Họp kiểm huấn định kỳ

Thông thường kiểm huấn viên nên kiểm huấn nhóm là tốt nhất, để các sinh viên trong nhóm cùng nghe, cùng chia sẻ những điều học hỏi được và rút kinh nghiệm, điều chỉnh những trở ngại, khiếm khuyết để việc thực tập đạt kết quả tốt hơn. Kiểm huấn viên giải đáp thắc mắc của sinh viên, nhận xét, góp ý, chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết những khó khăn, hòa giải những bất đồng giữa nhóm thực tập hay với cơ sở thực tập.

Kiểm huấn viên chú ý ghi nhận sự tiến bộ của Sinh viên thực tập tinh thần tham gia, phát triển những tiềm năng và phát hiện những yếu kém về chuyên môn, giao tiếp, thái độ, tác phong chuyên nghiệp để kịp thời điều chỉnh, hướng dẫn.

Kiểm huấn viên ấn định lịch họp kiểm huấn lần kế tiếp dựa vào tình

hình thực tế, thuận tiện cho sinh viên và kiểm huấn viên nhưng không được cách quãng quá xa (không quá 2 tuần).

Sinh viên nộp bài thu hoạch và bài tự lượng giá thực tập về cho kiểm huấn viên. Sinh viên thực tập sẽ phải làm các bài thu hoạch và bài tự lượng giá thực tập và nộp cho kiểm huấn viên. Kiểm huấn viên đọc và nhận xét kết quả của từng người. kiểm huấn viên còn dựa vào nhận xét kết quả của từng người. Kiểm huấn viên kết hợp quá trình làm việc với sinh viên nhất là qua các lần họp kiểm huấn định kỳ để có nhận định tổng quát về từng sinh viên. Kiểm huấn viên còn dựa vào nhận xét của cơ sở thực tập (nếu kiểm huấn viên không có ở cơ sở thực tập).

Kiểm huấn viên góp ý nhận xét từng sinh viên về những gì họ đã làm được và chưa được. Biểu dương những thành quả của sinh viên thực hiện, khuyến khích những sinh viên còn yếu cần hoàn thiện những mặt nào để trở thành nhân viên chuyên nghiệp (Nguyễn Thị Kim Anh, 2016).

Kiểm huấn viên có thể có nhiều cách để lượng giá như:

Cho sinh viên báo cáo bài tự nhận xét, tự cho điểm và kiểm huấn viên cho điểm theo cách đánh giá riêng của mình.

Cho sinh viên đánh giá lẫn nhau trong nhóm sinh viên thực hiện

Kiểm huấn viên đặt câu hỏi riêng không dựa vào những gợi ý có sẵn trong bài thu hoạch hay bài tự lượng giá để tìm hiểu những gì sinh viên thực hiện chưa phản ánh hết trong bài.

Kiểm huấn viên cho điểm và gửi bảng điểm về bộ môn. Kiểm huấn viên có thể chia bảng điểm thành 2 cột; cột điểm sinh viên thực tập và cột điểm kiểm huấn viên đánh giá; như vậy có thể so sánh được sự đánh giá của hai phía.

2.3.4. Hướng dẫn sinh viên viết bài thu hoạch cuối đợt thực tập

Trước khi kết thúc đợt thực tập, sinh viên bắt buộc viết bài thu hoạch, từ 5-10 trang đánh vi tính trên khổ giấy A4 và nộp cho kiểm huấn viên. Nội dung bài thu hoạch trả lời các câu hỏi sau đây:

Bạn bắt đầu thực tập ở đâu? Những thử thách, lo âu, thắc mắc, những vấn đề cá nhân khi bắt đầu đi thực tập là gì?

Nêu tổng quát kinh nghiệm thực tập vừa qua và những khó khăn mà bạn đã trải qua và đã học được gì để hành nghề sau khi tốt nghiệp.

Nêu những người nào và hoàn cảnh nào là tài nguyên hoặc trở ngại cho

tiến trình học tập trong thời gian thực tập.

Sinh viên tâm đắc nhất những gì đã thu hoạch được qua thời gian thực tập?

Điều gì làm sinh viên không hài lòng trong thời gian thực tập? (thời gian quá ngắn, kiểm huấn viên không quan tâm, cơ sở không tạo cơ hội học hỏi ...).

Sinh viên tự nhận thức còn những mặt tồn tại, yếu kém nào cần khắc phục?

Sinh viên cảm thấy thế nào với kết quả thực tập?

Nếu được phép làm nhiều hơn so với yêu cầu của đợt thực tập, sinh viên sẽ có ý định làm gì?

Sinh viên phát hiện điều gì mới về bản thân trong thời gian thực tập. Ví dụ: về phát triển tiềm năng cá nhân, động lực, ước vọng, yêu nghề ...

Lý thuyết và thực hành có giúp gì cho sinh viên trong việc phát triển kiến thức, nhân cách, giá trị đạo đức và kỹ năng để hành nghề chuyên nghiệp của sinh viên?

Những đề nghị của sinh viên để hoàn thiện việc thực tập (về thời gian, cơ sở thực tập, chương trình thực tập, kiểm huấn viên v.v.).

3. Kết luận

Tóm lại, thực tập là cách tốt nhất để sinh viên, áp dụng những lý thuyết, kỹ năng và giá trị đạo đức đã học được từ nhà trường và học hỏi kinh nghiệm trong môi trường thực tế liên quan đến ngành học. Về cơ bản, quá trình thực tập cũng gần giống như quá trình đào tạo cho một nhân viên mới. Sinh viên thực tập sẽ làm việc chung với nhân viên khác để học hỏi và chuẩn bị cho công việc sau khi tốt nghiệp.

Trên đây là quy trình thực tập áp dụng trong ngành CTXH ở một số trường đại học, cao đẳng và có thể sử dụng quy trình này như một tư liệu tham khảo làm cơ sở vận dụng vào việc thực tập của sinh viên sao cho phù hợp với ngành học và điều kiện thực tế, để mang lại hiệu quả tốt nhất cho sinh viên, giúp cho đầu ra của sinh viên có chất lượng và dễ tìm việc làm sau khi ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Thị Kim Anh (2016), Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Xây dựng chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội”, Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Nguyễn Đức Nam (2015), *Phát triển nghề CTXH chuyên nghiệp là một hướng đi đúng*, Diễn đàn mạng CTXH Việt Nam, truy cập từ trang: <http://congtacxahoi.net>, ngày truy cập 20 tháng 9 năm 2018.

[3]. Nguyễn Ngọc Minh (2015), *Phát triển nghề CTXH chuyên nghiệp: Giải pháp quan trọng thực hiện Hiến pháp về chính sách an sinh xã hội*, Trung tâm cung cấp dịch vụ CTXH Hà Nội.

[4]. Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg, ngày 25/3/2010, “*Phê duyệt đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020*”, Hà Nội.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TRA CỨU THÔNG TIN GIÚP SINH VIÊN LÀO NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP TIẾNG VIỆT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

ThS. Lê Thị Dương¹

Phouthasone Khambounpha²

Tóm tắt: Trong quá trình học tập của sinh viên Lào tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, tra cứu thông tin là việc làm rất hữu ích bởi mất ít thời gian nhưng mang lại hiệu quả cao. Vậy làm thế nào để phát huy vai trò của việc tra cứu thông tin thì các em sinh viên cần phải trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng tra cứu thông tin nhất định. Bài viết đưa ra một số phương pháp tra cứu thông tin ở nhiều nguồn tin khác nhau, với mong muốn sẽ mang lại hiệu quả cao giúp sinh viên Lào học tốt Tiếng Việt, xóa bỏ được rào cản bất đồng ngôn ngữ, góp phần nâng cao chất lượng học tập.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, tổng số sinh viên Lào đang học tập tại Nhà trường là gần 200, bao gồm cả sinh viên chính quy, sinh viên liên thông chính quy, một số ít học viên cao học và cán bộ Lào sang học tiếng Việt. Trước khi được phân bổ ở những ngành học khác nhau thì các em phải trải qua một năm học tiếng Việt. Như vậy, việc học tiếng Việt là bước ngoặt đầu tiên đóng vai trò quan trọng, học tiếng Việt tốt sẽ giúp ích cho các bạn hoàn thành tốt chương trình học tập tại Nhà trường.

Một trong những phương pháp học tập tích cực của sinh viên là phương pháp tự học. Khi đó, sinh viên cần trang bị cho mình những kiến thức và kỹ năng cơ bản để khai thác các thông tin có giá trị phục vụ cho hoạt động học tập. Tra cứu thông tin là kỹ năng cần thiết, tiết kiệm được thời gian và công sức nhưng thu được kết quả cao. Nếu như thực hiện tốt các kỹ năng tra cứu thông tin thì sẽ giúp ích cho các bạn rất nhiều khi học tiếng Việt trong thời gian học tập ban đầu và suốt quãng thời gian các bạn học tập tại Nhà trường.

2. Một số phương pháp tra cứu thông tin nhằm giúp sinh viên Lào nâng cao hiệu quả học tiếng Việt

¹ Giảng viên Khoa Văn hóa - Thông tin

² Sinh viên lớp TTHK5, Khoa Văn hóa - Thông tin

Tra cứu thông tin là quá trình xảy ra giữa con người và mạng tin thông qua các phương tiện, công cụ/ hình thức lưu trữ thông tin cần thiết khác nhau. Để thực hiện tra cứu thông tin cần có các yếu tố như lệnh tìm tin, mẫu tìm, mảng tìm, người tìm. Trong đó, lệnh tìm là nội dung yêu cầu thông tin được diễn đạt bằng những thuật ngữ của ngôn ngữ tìm tin, được thể hiện bằng các từ khóa cần tìm; mẫu tìm là nội dung, ý nghĩa của tài liệu được diễn đạt bằng ngôn ngữ tìm tin; mảng tìm là những hình thức lưu trữ thông tin; người tìm là những người tiến hành tra cứu thông tin cần thiết.

Trong trường hợp nghiên cứu của bài viết này, người tìm tin chính là sinh viên Lào, họ cần tra cứu những thông tin cần thiết phục vụ cho học tập. Vậy, bằng cách nào để các bạn tra cứu thông tin mang lại hiệu quả nhất thì sau đây chúng tôi sẽ giới thiệu một số phương pháp tra cứu thông tin trong các tài liệu tra cứu và tra cứu thông tin trên mạng internet.

2.1. Phương pháp tra cứu thông tin trong các tài liệu tra cứu

Tài liệu tra cứu là những công cụ đầu tiên của việc tìm tài liệu. Các tài liệu này cho ta những chỉ dẫn hay chỉ rõ nguồn thông tin được cung cấp, hoặc xác định nội dung và giới hạn của vấn đề đặt ra. Có nhiều loại tài liệu tra cứu tương ứng với các yêu cầu tin khác nhau.

Một trong những vấn đề mà sinh viên Lào quan tâm nhất đó là các từ mới tiếng Việt, sau đó là ngữ pháp tiếng Việt, rồi đi sâu vào những đặc điểm về đất nước và con người Việt Nam. Các tài liệu tra cứu khác nhau sẽ giúp ích cho các bạn khi giải quyết các câu hỏi về những vấn đề mà mình quan tâm.

- Tìm các thông tin về ý nghĩa của từ tiếng Việt, cách phát âm, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, cách sử dụng từ.

Nguồn tìm:

+ Từ điển tiếng Việt

+ Từ điển ngôn ngữ: Từ điển Lào - Việt ; Từ điển Việt - Lào

- Tìm thông tin về tài liệu của các nhà kinh điển, các nhà khoa học, các nhà hoạt động chính trị - xã hội, văn học, nghệ thuật có tên tuổi ở Việt Nam.

Nguồn tìm:

+ Toàn tập, tuyển tập, văn tập chuyên đề Hồ Chí Minh

+ Hợp tuyển, tuyển tập văn xuôi, thơ ca...

Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội,
Quản lý văn hóa và Thông tin học hiện nay

- *Tìm thông tin về tài liệu của Đảng và Nhà nước như: Cương lĩnh, điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, báo cáo...; Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị.*

Nguồn tìm:

+ Ấn phẩm định kỳ (Báo nhân dân; tạp chí cộng sản,...)

+ Văn kiện chuyên đề; Văn tập chuyên đề;...

- *Tìm thông tin về khái niệm, kiến thức, hiểu biết*

+ Bách khoa thư tổng quát, bách khoa thư chuyên ngành

+ Từ điển địa danh

- *Tìm thông tin về địa danh: lãnh thổ, vùng, miền, tỉnh, thành phố*

+ Bản đồ

+ Tập bản đồ

+ Sách tra cứu địa lý

- *Tìm thông tin về sự kiện và con số*

Nguồn tìm:

+ Bách khoa toàn thư tổng hợp, bách khoa toàn thư chuyên ngành lịch sử.

+ Từ điển Bách khoa Việt Nam

+ Từ điển lịch sử Việt Nam

+ Biên niên sử Việt Nam

+ Niên giám thống kê

+ Almanach

Sau khi xác định được nguồn tìm tin thì người dùng tin sẽ tiến hành tìm tin. Để giúp các bạn tiến hành tìm tin một cách thuận lợi, dưới đây chúng tôi sẽ hướng dẫn cách sử dụng Bộ máy hỗ trợ của các tài liệu tra cứu nói chung.

Thông thường một tài liệu tra cứu hoàn chỉnh về nội dung và hình thức bao gồm các thành phần sau:

+ *Lời nói đầu hay lời tựa* cho biết nội dung chính cũng như nhiệm vụ đề ra cho cuốn tài liệu, giúp người dùng tin nắm rõ bố cục chung của cuốn tài liệu và phương pháp trình bày thông qua các yếu tố này.

+ *Mục lục*: liệt kê đầy đủ nội dung của cuốn tài liệu muốn đề cập đến, giúp người dùng tin biết được đối tượng nghiên cứu của lĩnh vực mình quan tâm

+ *Các bảng tra bổ trợ*: Bảng tra chủ đề, bảng tra tên riêng, bảng tra tên địa danh,... giúp người dùng tin tìm kiếm thông tin về vấn đề mình tra cứu theo trật tự chữ cái kèm theo số trang chỉ dẫn trong mục lục.

Trên đây, chúng tôi đã hướng dẫn các bạn trả lời được các câu hỏi tìm thông tin gì? ở tài liệu nào? Vậy để biết các thông tin này ở đâu và để có các thông tin này các bạn phải làm gì? Chúng ta thực hiện như sau:

- *Mượn tài liệu tra cứu ở các Thư viện*: Thư viện trường Đại học, Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Thư viện tỉnh Thanh Hóa; Thư Viện Quốc gia Việt Nam; Thư viện Quốc gia Lào;... Khi mượn các tài liệu này các bạn phải tuân thủ các nội quy sử dụng tài liệu của từng Thư viện.

- *Mua tài liệu từ các nhà xuất bản, nhà sách* bằng hình thức mua online hoặc mua trực tiếp. Một số nhà xuất bản có uy tín ở Việt Nam như: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật; nhà xuất bản Giáo dục; nhà xuất bản thông tin và Truyền Thông, nhà xuất bản lao động, nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội, nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội Thành phố Hồ Chí Minh,...

Tra cứu thông tin trong các tài liệu tra cứu là phương pháp tìm tin cơ bản rất được nhiều người sử dụng, bởi lẽ phương pháp tìm tin này có tính chủ động, mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, phương pháp tìm tin này lại mất nhiều thời gian, tốn nhiều kinh phí. Chúng ta có thể lựa chọn hoặc kết hợp nhiều phương pháp tra cứu tin để đạt được kết quả tìm tin tối ưu nhất.

2.2. Phương pháp tra cứu thông tin trên mạng Internet

Internet là công cụ giúp người dùng tin truy cập được đến các thư viện ảo, mục lục thư viện trực tuyến, cơ sở dữ liệu trực tuyến, tạp chí điện tử.

Trong bài viết, chúng tôi sẽ giới thiệu cho các sinh viên một số cách thức tìm tin trên mạng internet, trang bị cho sinh viên các kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng internet nhanh chóng, chính xác.

Đầu tiên, các bạn phải xác định được các bước tra cứu thông tin trên mạng Internet như sau:

Bước 1: Xác định mục đích sử dụng thông tin

Xác định thông tin tra cứu để làm gì là việc làm quan trọng tránh được tình trạng phân tán thông tin. Lựa chọn được thông tin tìm kiếm mang tính chiều sâu, sát với chủ đề người tìm tin mong muốn.

Bước 2: Chuẩn bị các từ khóa cần tìm

Từ khóa là một từ hoặc cụm từ được rút trong tên chủ đề hoặc chính văn tài liệu, nó phản ánh một phần nội dung hoặc toàn bộ nội dung của chủ đề hoặc tài liệu đó. Sau khi gõ từ khóa vào và tìm kiếm thì một loạt kết quả sẽ hiển thị. Mỗi kết quả là một đường link đến trang web có chứa từ khóa hoặc chủ đề mà các bạn đang muốn tìm.

Khi thu được kết quả tìm kiếm thì người tra cứu cần xem xét kết quả mà chức năng tìm kiếm đưa ra:

- + Nếu có quá nhiều kết quả, quay lại và gõ thêm từ vào ô tìm kiếm.
- + Nếu có quá ít kết quả, thu hẹp/ xóa bớt một số từ trong ô tìm kiếm hoặc tìm từ khác thay thế.
- + Quay lại xem kết quả tìm kiếm ban đầu. Nếu những trang đó chưa hữu ích lắm, thử quay lại và dùng từ tìm kiếm khác.

Bước 3: Sử dụng mục tìm kiếm nâng cao của chức năng tìm kiếm

Thu hẹp kết quả tìm cho các tìm kiếm phức tạp bằng cách sử dụng trang Tìm kiếm nâng cao.

- + Truy cập vào trang Tìm kiếm nâng cao (tìm kiếm nâng cao đối với trang web hoặc tìm kiếm nâng cao đối với hình ảnh).
- + Nhập cụm từ tìm kiếm vào phần "Tìm trang có".
- + Chọn bộ lọc các bạn muốn sử dụng trong phần "Sau đó, thu hẹp kết quả của bạn bằng". Các bạn có thể sử dụng một hoặc nhiều bộ lọc. Khi tìm kiếm nâng cao với các trang web, yếu tố thường sử dụng trong bộ lọc là ngôn ngữ, thời gian, loại tệp mà các bạn cần tìm kiếm

- + Nhấp vào Tìm kiếm nâng cao.

Bước 4: Theo dõi quá trình tìm kiếm bằng cách:

- + Liệt kê những trang các em đã xem qua, thời gian xem
- + Xem các trang web, đặc biệt là địa điểm và ngày các em tìm thấy.

Bước 5: Lưu thông tin sau khi đã tìm được

- + Nếu lưu văn bản (file text, htm) : vào File - Save as (chọn các kiểu lưu văn bản).
- + Nếu lưu file (.doc, .pdf, .exe) : Nhấp chuột vào file cần tải, sau đó chọn Save.

Sau khi biết cách thực hiện các bước tìm kiếm thông tin, chúng ta cần trả lời câu hỏi Tìm kiếm thông tin ở đâu trên mạng Internet:

*** Dùng trang web thuộc lĩnh vực mà các bạn đang quan tâm**

Những trang Web mà sinh viên Lào cần đến trong học tiếng Việt đó là:

- Các trang Web học tiếng Việt

<http://vietlao.classbook.vn/>

Đây là trang Web của bộ từ điển được các chuyên gia Lào, Việt của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Giáo dục Lào hiệu đính, biên tập trong thời gian 2015-2016 trên cơ sở bộ từ điển đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào hợp tác biên soạn từ năm 2005 đến 2011.

<https://vi.glosbe.com/>

Đây là trang web của từ điển trực tuyến đa ngôn ngữ, trong đó có phần dịch tiếng Lào - Việt và Việt - Lào.

<https://translate.google.com>

Google Dịch (tên tiếng Anh là Google Translate) là một công cụ dịch thuật trực tuyến được Google cung cấp. Nó dùng để dịch tự động một đoạn ngắn, hoặc nguyên một trang web sang ngôn ngữ khác, đối với tài liệu có kích thước lớn người dùng cần tải lên cả tài liệu để dịch.

- Các trang Web của các thư viện

Thư viện quốc gia Việt Nam (<https://nlv.gov.vn>)

Thư viện quốc gia Lào (<http://nationallibraryoflaos.net>)

Thư viện tỉnh Thanh Hóa (<https://thuvientinhthanhhoa.vn>)

- Các trang Web của các nhà xuất bản nổi tiếng ;

Nhà xuất bản chính trị quốc gia (<http://www.nxbctqg.org.vn>)

Nhà xuất bản giáo dục (<http://www.nxbgd.vn>)

Nhà xuất bản thông tin và truyền thông (<http://nxbthongtintruyenthong.vn>)

Nhà xuất bản lao động (<http://www.nxblaodong.com.vn>)

Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội (<http://www.vnu.edu.vn>)

Nhà xuất bản đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
(<https://nxbdhqghcm.edu.vn>)

-Các trang web mua sách, tải sách, tải tài liệu, tải ebook

<https://www.vinabook.com>

Nhasachphuongnam.com

<https://www.fahasa.com>

*** Dùng website công cụ dò tìm (Máy tìm tin) có ở Việt Nam**

Máy tìm tin là một công cụ cho phép người dùng tìm kiếm thông tin trong các cơ sở dữ liệu (online, offline). Máy tìm tương tác với người dùng thông qua giao diện web, có nhiệm vụ tiếp nhận và trả về những tài liệu thoả mãn điều kiện tìm.

Sự ra đời của các máy tìm rất hữu ích cho người dùng Internet. Để sử dụng được máy tìm tin, người sử dụng phải biết đến địa chỉ URL của máy và để truy cập trang Web đó bằng trình duyệt Web.

Chúng ta có thể sử dụng một số máy tìm tin cơ bản như sau:

<http://www.google.com.vn/>

<http://vn.yahoo.com/>

<http://xalo.vn/>

<http://panvietnam.com>

Như vậy, từ những bước tìm tin cơ bản ở trên các bạn đã có thể tìm kiếm thông tin trên internet một cách dễ dàng. Thông tin trên mạng internet thường có nhiều ưu điểm như có mật độ thông tin cao, thông tin luôn kịp thời, dễ cho người dùng tin có thể tiếp cận với tác giả thông qua kênh thông tin phản hồi. Tuy nhiên, loại thông tin này có tính ổn định không cao, độ bền vững không đồng nhất, dễ bị vi phạm bản quyền. Do đó, khi thực hiện tra cứu thông tin trên mạng internet các bạn phải là người dùng tin thông thái nhất.

3. Kết luận

Trong thời đại “bùng nổ thông tin”, khối lượng tài liệu gia tăng nhanh chóng, phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang mở ra những thời cơ và thách thức mới trong việc tra cứu thông tin. Bài viết trên đây đã đưa ra những phương pháp tra cứu thông tin một cách khoa học và logic, hy vọng qua bài viết này các bạn sinh viên Lào sẽ có những kiến thức và kỹ năng nhất định về tra cứu thông tin nhằm khai thác, sử dụng một cách triệt để và có hiệu quả các nguồn tin khác nhau. Từ đó giúp các bạn nâng cao chất lượng học tiếng Việt nói riêng và đạt kết quả cao trong học tập nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Trần Bích Hồng, Cao Minh Kiểm (2004), *Tra cứu thông tin trong hoạt động thư viện thông tin*, Đại học Văn hóa Hà Nội.

*Những vấn đề mới trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy các ngành Công tác xã hội,
Quản lý văn hóa và Thông tin học hiện nay*

[2].Nguyễn Văn Khoa, Lê Quốc Toàn, Nguyễn Dương Thanh (2008), *8000 địa chỉ Internet Việt Nam và quốc tế*, Nhà xuất bản Thông kê, Hà Nội.

[3].Nguyễn Thị Lan Thanh, Nguyễn Tiến Hiên (2004), *Hướng dẫn sử dụng thư viện - thông tin*, Đại học Văn hóa Hà Nội.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY TIẾNG VIỆT CHO CÁC LƯU HỌC SINH LÀO

Hoàng Anh Công¹

***Tóm tắt:** Công nghệ thông tin có vai trò quan trọng đối với các giảng viên trong thiết kế bài giảng, đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức quá trình dạy học ở tất cả các môn học. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy - học đối với Lưu sinh viên Lào sẽ giúp sinh viên từng bước phát triển năng lực tư duy, rèn luyện phương pháp và kỹ năng logic, kêu gọi và tập dượt khả năng quan sát phỏng đoán, tìm tòi của sinh viên. Bài viết đưa ra các cơ sở lý luận và thực tiễn khẳng định được vai trò và tính thiết thực khi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào.*

1. Cơ sở lý luận

Công nghệ thông tin (CNTT) là một lĩnh vực đột phá có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Nâng cao chất lượng trong cuộc sống đảm bảo an ninh quốc phòng và khả năng đi trước đón đầu để thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Những năm gần đây, Công nghệ thông tin có bước phát triển mạnh mẽ, nó tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội bằng những ứng dụng rộng rãi của mình, nó có mặt ở mọi ngành, trong đó có ngành Giáo dục và đào tạo. Mặt khác, ngành Giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho Công nghệ thông tin. Công nghệ thông tin là phương tiện để giúp chúng ta hòa nhập toàn thế giới trong mọi lĩnh vực. Đối với giáo dục đào tạo công nghệ thông tin có tác dụng mạnh mẽ làm thay đổi phương pháp, phương thức dạy học nó phù hợp với yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Công nghệ thông tin không chỉ có vai trò quan trọng trong công tác quản lý của trường học mà còn hỗ trợ giảng viên thực hiện việc thiết kế bài giảng, đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức quá trình dạy học ở tất cả các môn học. Đối với lưu học sinh Lào đang học tập tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, việc sử

¹*Giảng viên Khoa Văn hóa - Thông tin*

dụng đồ dùng hiện đại là một phương tiện có tác dụng trợ giúp cho các em tiếp thu kiến thức, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, tự học không ngừng nâng cao.

Là những sinh viên năm đầu học tập Tiếng Việt tại Trường. Qua việc được học tập và sử dụng đồ dùng bằng công nghệ thông tin, giúp sinh viên từng bước phát triển năng lực tư duy, rèn luyện phương pháp và kỹ năng logic, khéo gọi và tập dượt khả năng quan sát phỏng đoán, tìm tòi. Giờ học của các em phải diễn ra một cách nhẹ nhàng, sinh động, cụ thể nhằm tích cực hoá các hoạt động nhận thức của sinh viên. Nhờ đó, sinh viên có một công cụ, một chiếc chìa khoá vàng để mở cửa chân trời tri thức cho những năm học chuyên ngành tiếp theo. Đó là phương tiện mang theo trong suốt cuộc đời sinh viên và trong cả thực tế cuộc sống.

Xã hội hiện nay, sinh viên rất phát triển cả về thể lực và trí óc. Các em luôn muốn khám phá, tìm tòi những cái mới. Chính vì thế, các phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng phải luôn đổi mới để các em hứng thú hơn trong học tập.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm học vừa qua cũng là năm học tiếp tục thực hiện phong trào “tăng cường ứng dụng CNTT và Tin học trong dạy học”. Nhưng việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy đang còn nhiều hạn chế. Do công việc này đòi hỏi phải có trình độ về CNTT, lại mất nhiều thời gian và công sức tìm tòi, khai thác thông tin, hình ảnh, nội dung phù hợp với từng môn học, bài học.

Nên nhiều giảng viên cho rằng dạy học Tiếng Việt cho lưu học Lào tại Trường, đặc biệt là dạy học học vẫn ở lớp không cần thiết phải tốn công sức để ứng dụng CNTT, chỉ cần dạy “chạy”, làm sao cho học sinh đọc được và nắm được nội dung bài học là được. Hơn nữa một số giảng viên chưa nhận thức đúng việc ứng dụng CNTT vào dạy học vì cho rằng đây là việc làm chưa thật cần thiết, dẫn đến việc nhiều giảng viên ngại ứng dụng CNTT để soạn giáo án trình chiếu

Nhận thức rõ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của sự nghiệp phát triển giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập hoá quốc tế.

3. Kết luận

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy học phần Tiếng Việt, em nghĩ rằng nó sẽ mang lại hiệu quả dạy và học rất to lớn. Nó sẽ góp phần thúc đẩy đổi mới việc dạy và học hiện nay. Giảng viên tránh được việc truyền thụ một chiều, sinh viên không còn tiếp thu thụ động. Đây là một phương tiện dạy và học phù hợp với xu thế hiện đại mà mỗi giảng viên cần phải nhanh chóng tiếp cận.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP BẰNG MICROSOFT POWERPOINT

Syvanhxay Xong¹
Lương Quốc Hoàng

Tóm tắt: Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 khi mà công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi ở các lĩnh vực trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong hoạt động học tập của các sinh viên - chủ nhân tương lai của đất nước thì vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin càng được coi trọng. Trong đó, việc sử dụng tốt Microsoft PowerPoint trong chuẩn bị báo cáo tốt nghiệp sẽ mang lại kết quả cao, giúp ích cho các em sinh viên có một bài báo cáo không những hoàn chỉnh về nội dung mà còn đẹp về hình thức. Bài viết đưa ra một số kinh nghiệm khi chuẩn bị báo cáo kết quả học tập bằng Microsoft PowerPoint, mong muốn sẽ có thêm những kiến thức, kỹ năng bổ ích cho các bạn sinh viên trong hoạt động học tập của mình.

Hiện nay việc sử dụng PowerPoint để giảng dạy và học tập ở các trường đại học đang đạt được những bước tiến ngày càng tốt đẹp. Là một sinh viên ngành Thông tin - Thư viện, được tiếp cận nhiều với công nghệ thông tin và được nhiều lần trình bày các báo cáo về nội dung của các bài kết thúc học phần, sau đây em xin trình bày một số kinh nghiệm trong việc chuẩn bị bài báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, mong rằng bài viết này sẽ là một trong những tài liệu tham khảo để các bạn sinh viên khác trong khoa cũng như trong toàn trường nghiên cứu.

1. Một số kinh nghiệm về font, size, chọn nội dung, trình bày tiêu đề, số lượng dòng trên một slide

Font, size, lựa chọn nội dung, trình bày tiêu đề, số lượng dòng trên một slide, màu chữ, màu nền trong báo cáo liên quan chặt chẽ đến nhau và tùy thuộc vào độ sáng của giảng đường. Một tiêu chí có ý nghĩa quan trọng trong hiệu quả báo cáo kết quả học tập là phải đảm bảo người đánh giá phải đọc được màn hình khi trình chiếu.

Báo cáo nên trình bày bằng loại chữ chân phương, dễ đọc, nghiêm túc. Khoảng cách giữa các dòng (Line spacing) không nên dày quá, không nên thưa quá. Một số kinh nghiệm cho thấy nên để Line spacing là 0,9; khoảng cách đoạn văn là

¹Sinh viên lớp TTHK4, Khoa Văn hóa – Thông tin.

0,2. Với một phòng báo cáo, thường tại phòng học trên giảng đường, với số lượng chỗ ngồi từ 60 SV trở xuống, bài báo cáo có thể dùng Font Size 24. Với lớp lớn trên, dưới 180 SV nên dùng Font Size 28. Thực tế cho thấy, với lớp 200 SV, Font Size 28, các SV ngồi xa đều đọc tốt (với một màn chiếu thích hợp). Cỡ chữ trong một giáo án cần thống nhất, không nên chỗ chữ to, chỗ chữ nhỏ. Khi trình bày các bảng (Table), đồ thị (Chart), biểu đồ tổ chức (Organization Chart) cũng tránh thu cỡ chữ nhỏ lại. Có thể chọn cỡ chữ lớn hơn với tiêu đề của bài báo cáo.

2. Lựa chọn nội dung cho các trang báo cáo

Kiến thức phải tinh. Trong nội dung kiến thức học tập có những nội dung nên biết, cần biết, phải biết. Cái nên biết đã có trong sách giáo khoa. Bài báo cáo nên tập trung vào cái cần biết, nhất là cái phải biết và liên hệ thực tế.

Câu phải gọn. Ngôn ngữ và văn phong của sách giáo khoa khác với ngôn ngữ diễn giải trên lớp. Các cấp tiêu đề nên sắp xếp chúng vào phần khung giữ chỗ phía trên mỗi Slide, sẽ thuận lợi cho việc trình bày báo cáo và thể hiện được cho người đánh giá thấy rõ nội dung cũng như khi cần thiết lập mục lục tiêu đề (Summary Slide), giới thiệu khái quát khi bắt đầu một chương của bài báo cáo.

3. Về số lượng các dòng để lại trên màn hình khi trình chiếu.

Nhiều dòng trên một Slide khi trình chiếu sẽ khó đọc hơn so với ít dòng. Nói chung không nên để nhiều dòng trên một Slide. Tùy theo kịch bản, khi trình bày xong một số ý, có thể cho thoát khỏi màn hình trình chiếu, hoặc di chuyển đoạn nội dung nằm phía dưới thấp màn hình lên trên.

Theo kinh nghiệm của em, không nên thiết kế bài báo cáo với hiệu ứng tự động (Animation Schemes). Cần thực hiện các thao tác hiệu ứng theo mục đích phù hợp với nội dung bài báo cáo và tình hình của phòng báo cáo.

4. Một số kinh nghiệm về sử dụng màu nền, màu chữ

Sử dụng “màu nền” (Fill Color) trong các Slide và “màu chữ” (Font Color) cũng có tác động nhất định tới hiệu quả dạy học.

Thực tế cho thấy nếu các máy Projector có độ sáng dưới 1500 Lumen, độ phân giải thấp, các phòng học sử dụng ánh sáng trời, khi trình chiếu, chữ sử dụng các màu hiện trên màn hình đều rất mờ nhạt. Ngay cả khi các máy chiếu có độ sáng cao hơn 2000 Lumen, nếu sử dụng màu sắc không hợp lý, các chữ cũng mờ, ngồi xa khó đọc được.

Sử dụng màu sắc nên lưu ý: Tác động với cảm xúc và nhận thức do màu sắc mang tính khách quan. Có tác giả đã nêu: màu đen gây cảm xúc tiêu cực, màu đỏ là

màu của sức mạnh, màu nâu làm giảm sức sống. màu xanh dương gây cảm xúc bình tĩnh v.v.

Màu nền ảnh hưởng đến độ khó, dễ khi đọc thông tin khi ta trình chiếu. Một nền mang tông màu sáng khi ta đưa thông tin đặt lên chúng sẽ bị chìm đi, chói mắt, khó nhìn. Một nền nhiều loại hoa văn làm mờ nội dung thiết kế ở trên. Một màu nền nghiêng về tông màu dịu, chưa đến mức tối, khi đưa thông tin với các chữ tông màu sáng sẽ dễ đọc hơn.

Không nên sử dụng nền màu sáng, nền có tông màu nhạt. Nên sử dụng những nền đậm nghiêng về trung tính tức là các tông màu pha của tam giác 3 màu: màu đỏ (Red), xanh (Blue), vàng (Yellow). Các tông màu này tạo điều kiện cho thiết kế nội dung nổi trội, phù hợp với điều kiện giảng dạy. Thử lựa chọn trong các mẫu nền thiết kế sẵn (Design Templates), chọn mẫu nền Curtain Call, tiêu đề màu xanh lá cây tươi (Bright Green), nội dung dùng chữ màu trắng; Không nên sử dụng nhiều màu chữ trong một Slide vì nó tạo cảm giác lộn xộn. Tuy nhiên phần tiêu đề nên để một màu nào đó để dễ phân biệt với nội dung.

5. Một số kinh nghiệm trong sơ đồ hoá nội dung

Khi thực hiện tạo bài báo cáo thì cần sơ đồ hóa các nội dung, tạo các hình khối để thực hiện đưa các thông tin nội dung của bài báo cáo, nhằm cho người xem dễ dàng nhìn nhận được các nội dung chính, không bị rối mắt trong các slide báo cáo.

Sử dụng hợp lý hình ảnh, âm thanh, các đoạn video, lập sơ đồ, bảng biểu trong các Slide báo cáo. Có thể thấy, các Slide chỉ thực sự phát huy được ưu thế của nó so với bảng phân khi khai thác được các yếu tố đặc thù như hình ảnh, video hoặc các sơ đồ, bảng biểu gắn với nội dung bài báo cáo. Các tư liệu này hiện nay chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm trên Internet, các đĩa CD, DVD hoặc sao chụp từ sách, báo... Tuy nhiên, một điều lưu ý là hình ảnh và âm thanh đưa vào báo cáo nhất thiết phù hợp với mục tiêu hướng đến trọng tâm kiến thức của bài báo cáo. Việc lạm dụng hoặc sự thiếu chọn lọc hình ảnh, âm thanh trong khi biên soạn sẽ gây nhiều cho quá trình lĩnh hội kiến thức của học viên. Chúng ta cũng nên lưu trữ và tổ chức hệ thống tư liệu nói trên một cách khoa học để có thể sử dụng chúng lâu dài cho các bài báo cáo khác.

Những nội dung báo cáo chúng ta nên sơ đồ hóa hoặc thể hiện dưới dạng bảng biểu. Điều này qua thực nghiệm đã chứng minh có khả năng hiệu quả ghi nhớ cho người xem.

6. Kinh nghiệm trong tạo hiệu ứng hoạt hình theo kịch bản.

Lưu ý khi áp dụng hiệu ứng theo kịch bản cá nhân:

Đối tượng được lựa chọn phải xuất hiện hoặc ra khỏi màn hình tuần tự theo kịch bản.

Nếu muốn từng đoạn, dòng văn bản hay mỗi hình xuất hiện riêng lẻ thì ta chọn riêng chúng, sau đó chọn hiệu ứng. Nếu muốn các dòng, các đoạn các đối tượng cùng xuất hiện một lần thì ta chọn chúng một lượt.

Đối với các đối tượng là Rectangle, Line, Arrow, các hình vẽ v.v. để chúng liên kết cùng biểu hiện một nội dung mà khi di chuyển chúng cùng di chuyển một lần, cùng xuất hiện một lần trong trình chiếu, ta có thể sử dụng kỹ thuật nhóm (Group) các đối tượng.

Các đoạn văn bản nằm trên cùng một lớp nền của một Slide, do vậy ta có thể chọn một số dòng, đoạn văn bản. Nhưng khi có các Rectangle, Line, Arrow, các hình vẽ v.v., thì chúng nằm ở lớp nền đằng sau, dễ bị che lấp, cần xử lý theo từng lớp một.

7. Kết luận

Xây dựng bài báo cáo bằng phần mềm Microsoft PowerPoint đã và đang thu hút được sự tham gia tích cực của nhiều bạn sinh viên. Tuy nhiên nó đòi hỏi phải dày công nghiên cứu sáng tạo và tu chỉnh. Với một số suy nghĩ, kinh nghiệm bước đầu trình bày trên, em hy vọng sẽ góp thêm ý kiến thảo luận về vấn đề này. Rất mong sự chỉ bảo của các thầy, cô và những người quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đỗ Trọng Danh, Nguyễn Vũ Ngọc Tùng(2018), *Giáo trình Tin học dành cho người tự học: Tự học Microsoft PowerPoint 2010*, Hà nội.

[2]. Microsoft (2017), *Giáo trình hướng dẫn sử dụng PowerPoint 2010*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

ThS. Hà Đình Hùng¹

***Tóm tắt:** Song song với hoạt động dạy học, hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ quan trọng của giảng viên trường đại học. Nghiên cứu khoa học tại trường đại học góp phần tích cực nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ giảng viên trong nhà trường, để trao đổi các thông tin, kiểm nghiệm các kết quả nghiên cứu, học hỏi các phát hiện mới trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Việc nâng cao hơn nữa chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa lĩnh vực xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa là việc làm cần thiết và cần có những giải pháp thiết thực để ứng dụng vào thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.*

1. Đặt vấn đề

Một trong những nhiệm vụ cơ bản mang tính chiến lược của trường đại học là đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH). Đây là hai nhiệm vụ chính, có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó hoạt động NCKH là một trong những biện pháp quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng khắt khe của xã hội đối với giáo dục.

Người giảng viên tham gia NCKH một mặt vừa củng cố lại kiến thức chuyên môn của mình, mặt khác vừa có điều kiện mở rộng kiến thức từ các chuyên ngành khác; quá trình tham gia NCKH sẽ góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức và các phương pháp nhận thức khoa học của giảng viên.

Thực tiễn và lý luận đều chứng minh rõ ràng là, NCKH tạo cơ sở, tiền đề nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy trên lớp. Đồng thời, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động NCKH. Với ý nghĩa thiết thực mà hoạt động NCKH mang lại, đòi hỏi phải có một diễn đàn cho các giảng viên công bố, trao đổi kết quả nghiên cứu, là thước đo uy tín khoa học của nhà trường.

¹ Phòng Quản lý khoa học

Uy tín, thương hiệu của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được tạo dựng không chỉ từ chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất đồng bộ mà còn từ các công trình, kết quả nghiên cứu của giảng viên nhà trường trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước, các tạp chí quốc tế.

2. Thực trạng hoạt động NCKH tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Hoạt động NCKH lâu nay luôn được trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa đề cao, chú trọng, đặt ra như một nhiệm vụ bắt buộc, thường xuyên và là một tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu để đánh giá khả năng toàn diện của giảng viên. Mặc dù vậy, trong thời gian qua, tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa hoạt động NCKH lĩnh vực xã hội và nhân văn của đội ngũ giảng viên chưa thực sự phát triển ngang tầm với nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên. Thực tế cho thấy hoạt động NCKH trong giảng viên Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa những năm vừa qua vẫn còn những bất cập, hạn chế như:

Thứ nhất, giảng viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH, do vậy, hầu hết giảng viên đều chưa thực sự chủ động đưa ra các đề tài, các bài viết để nghiên cứu. Tính mới trong các bài viết tạp chí, đề tài khoa học còn chưa thật sự rõ nét.

Thứ hai, các bài viết của giảng viên lựa chọn mang tính chất khái quát, tổng quan nhiều, chưa sâu, chưa đi vào những vấn đề cụ thể, bỏ ngỏ nhiều vấn đề thiết thực. Chủ yếu giảng viên mới đi vào các công trình có nhiều tài liệu để tham khảo, giảng viên còn ngần ngại và “ngán” khi phải lựa chọn những công trình cần sưu tầm nhiều tài liệu, cần phải có điều tra xã hội học, thống kê, chạy mô hình,... Mặt khác, trong quá trình NCKH, giảng viên còn e ngại đưa ra quan điểm cá nhân của riêng mình, chưa khai thác kỹ tài liệu tham khảo, chưa tìm hiểu kỹ vấn đề.

Thứ ba, kinh phí phục vụ cho những đề tài NCKH không nhiều. Đây cũng là điểm bất cập, gây khó khăn cho công tác phát triển NCKH trong giảng viên. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học chưa đồng đều, thiếu chuyên gia đầu ngành trong nhiều lĩnh vực và chưa đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu có tầm cỡ khu vực và quốc tế.

Thứ tư, sau khi nghiệm thu, các đề tài này thường không được tiếp tục triển khai, cập nhật số liệu nên các nội dung nghiên cứu chưa phát huy được hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn. Kinh phí triển khai kết quả đề tài nghiên cứu vào thực tế còn hạn chế khiến cho việc nhân rộng kết quả đề tài nghiên cứu chưa được như mong muốn.

Nhận thức rõ những hạn chế đó, nhà trường cần có những giải pháp đổi mới hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH-NV, góp phần tạo luận cứ khoa học xác đáng giúp ban giám hiệu nhà trường vận dụng trong chỉ đạo, điều hành, quản lý và

giải quyết các vấn đề xã hội, phục vụ phát triển văn hóa - thể thao - du lịch của tỉnh nhà.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng NCKH cho giảng viên trường Đại học Văn Hóa, Thể Thao và Du lịch Thanh Hóa lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, người viết mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả NCKH lĩnh vực KHXH-NV cho giảng viên như sau:

Trước hết, nhà trường cần xác định được vị trí, vai trò quan trọng của việc nghiên cứu khoa học trong mục tiêu phát triển của nhà trường và của địa phương.

Bên cạnh đó, cần đổi mới quản lý hoạt động NCKH của nhà trường và xây dựng kế hoạch NCKH trong giảng viên từng năm học; nâng kinh phí cho các đề tài NCKH của giảng viên. Ngoài nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, nhà trường nên chủ động hợp tác với các sở, ban, ngành, doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh, tổ chức quốc tế vừa thu hút nguồn kinh phí tài trợ cho hoạt động NCKH của giảng viên, vừa giúp các đề tài có tính ứng dụng cao hơn.

Cần tạo môi trường hỗ trợ thúc đẩy phát triển khoa học, khuyến khích tính chủ động, hạn chế và tiến tới loại bỏ sự bị động trong nghiên cứu khoa học; tạo cơ chế khuyến khích đam mê và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nhiệt huyết cho giảng viên có trình độ, khả năng; có hình thức khen thưởng phù hợp. Công tác tuyển chọn đề tài cần được tiến hành nghiêm túc, hiệu quả. Chú trọng hơn đến yêu cầu phát triển của tỉnh nhà trong bối cảnh hiện nay để làm căn cứ trong công tác tuyển chọn, xét chọn đề tài nghiên cứu khoa học. Gia tăng số lượng các đề tài để giải quyết những vấn đề nghiên cứu khoa học mang tính toàn diện, triệt để, có đóng góp lớn hơn về chất lượng đầu ra của sản phẩm khoa học.

Thứ hai, để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường thì chính giảng viên - chủ thể của hoạt động này phải thay đổi cách thức nghiên cứu khoa học theo hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra, các vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết qua quá trình giảng dạy, nghiên cứu để tạo ra sản phẩm có tính ứng dụng và khả thi. Đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam có nhiều vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có những nghiên cứu trên tất cả các lĩnh vực, từ xã hội nhân văn đến các ngành khoa học kỹ thuật. Khi những nghiên cứu đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn thì sẽ không thể để trong ngăn kéo, mà cung cấp luận cứ khoa học trở thành lý luận soi đường cho công cuộc đổi mới, trở thành những sản phẩm có tính ứng dụng cao. Qua nghiên cứu, đội

ngũ cán bộ giảng dạy luôn có cơ hội cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, góp phần làm cho bài giảng phù hợp với thực tế.

Yêu cầu các đề tài NCKH của giảng viên phải đảm bảo xác định đúng mục tiêu, đối tượng nghiên cứu cho phù hợp với nội dung chương trình đào tạo. Kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn giúp giảng viên củng cố kiến thức, đi vào từng lĩnh vực cụ thể; phạm vi địa bàn nghiên cứu không quá rộng. Từ đó, tác giả đề tài khoa học cần có sự định hướng chủ đề rõ ràng, các chủ đề phải bám sát thực tiễn, những biến đổi của bối cảnh lịch sử chính trị trong và ngoài nước. Có như vậy, các nghiên cứu mới tập trung giải quyết các vấn đề mới nảy sinh, các vấn đề của thực tiễn cuộc sống, thể hiện tính sáng tạo và đóng góp cho thực tiễn. Nếu làm được như vậy, NCKH của nhà trường sẽ vừa đảm bảo tính học thuật vừa mang “hơi thở của cuộc sống”, gần gũi với đời sống của các nhà nghiên cứu và các độc giả sinh viên hơn.

Thứ ba, cần tăng cường các đề tài là kết quả của việc điền dã, khảo sát từ thực tế để đưa ra những giải pháp hữu hiệu, có khả năng áp dụng thực tiễn cao. Tăng cường những đề tài tuyển chọn, đặc biệt là những đề tài có tầm quan trọng, khả năng tác động mạnh mẽ đến kinh tế - xã hội của địa phương. Cần tiếp cận được các phương pháp hiện đại, kết hợp hài hòa giữa công tác khảo cứu các nguồn tư liệu lưu trữ và khảo sát thực tế để so sánh đối chiếu, tái hiện và tìm ra những giá trị văn hóa chân thật, để đảm bảo tính khoa học, cập nhật. Đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua sách báo, tranh ảnh và trực tiếp giảng dạy trong nhà trường, các buổi sinh hoạt ngoại khóa...

Thứ tư, tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo và các hình thức sinh hoạt khoa học phong phú khác. Đây là giải pháp phong phú hoá hình thức sinh hoạt khoa học, tạo ra môi trường khoa học sinh động, mở ra nhiều kênh trao đổi thông tin, tạo điều kiện cho CBGV học tập lẫn nhau để CBGV tham gia NCKH học tốt hơn. Các nội dung công việc cần thực hiện trong giải pháp này là: Đối với các hội nghị, hội thảo quan trọng cần chú trọng khâu chuẩn bị nội dung thật kỹ, có chiều sâu. Tiểu ban phụ trách nội dung có thể đặt hàng cho một số chuyên gia viết bài và đóng góp các ý kiến chủ chốt. Vấn đề đặt ra trong các hội thảo nên có tính chất mở để sau khi hội thảo kết thúc mọi người vẫn tiếp tục quan tâm thảo luận, giải quyết vấn đề. Hàng năm, nhà trường cần tổ chức một hội nghị khoa học sau khi hoàn thành việc thẩm định, nghiệm thu các đề tài với sự tham gia của tất cả CBGV và người có liên quan công tác NCKH. Nội dung chính của hội nghị gồm: Tổng kết công tác NCKH trong năm học, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu mới, thảo luận những vấn đề mới đặt ra trong hoạt động NCKH, từ đó đưa ra định hướng hoạt động cho năm học mới, chú trọng giải quyết những vướng mắc của những người tham gia NCKH, nhất

là các ý kiến có tính cải tiến, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của NCKH. Bên cạnh đó các khoa, bộ môn cần tăng cường tổ chức các câu lạc bộ, tập san khoa học nội bộ, tổ chức các cuộc thi về sáng tạo, NCKH... Cử giảng viên tham gia các hội thảo khoa học, đi học tập, giao lưu với các đơn vị bạn và các trường, các cơ sở đào tạo khác, quản lý tốt công tác tự học tập bồi dưỡng hàng năm của CBGV, gắn công tác này với nhiệm vụ NCKH của họ. Khuyến khích hoạt động hội nghị, hội thảo, seminar, sinh hoạt chuyên môn tại các khoa, bộ môn để tổ chức các hoạt động học thuật sôi nổi thông qua việc dành một phần kinh phí NCKH hàng năm hợp lý cho các đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo.

Thứ năm, thực hiện hiệu quả và có định hướng công tác nghiệm thu, sau đó cần có những hoạt động phổ biến thông tin và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế. Đây mạnh công tác phổ biến thông tin về sản phẩm nghiên cứu khoa học sâu rộng, tiết kiệm, hiệu quả; giao cho chủ nhiệm đề tài một phần trách nhiệm ứng dụng, triển khai kết quả đề tài sau nghiệm thu và báo cáo kết quả phù hợp. Đề cao tính phản biện trong các đề tài nghiên cứu. Phản biện trong các đề tài nghiên cứu khoa học là rất cần thiết. Từ những lập luận, lý lẽ, bằng chứng ngược lại sẽ giúp cho các đề tài thêm minh bạch, tránh được tình trạng các đề tài đạt khá, tốt nhưng lại khó đưa vào thực tiễn. Đề tài nghiên cứu phải mang tính khả thi cao. Đây chính là điều kiện thực tế để hoàn thành đề tài nghiên cứu. Đề tài nghiên cứu có thể được hoàn thành theo mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đã xác định khi hội tụ đủ điều kiện khách quan và chủ quan. Để một đề tài nghiên cứu khoa học thực sự có giá trị đòi hỏi những người làm công tác nghiên cứu phải thực sự nhận thức đúng về ý nghĩa của hoạt động này, phải thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng cũng như tính ứng dụng của đề tài. Có như vậy thì hoạt động nghiên cứu khoa học mới thực sự có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn.

4. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang là xu hướng phổ biến như hiện nay, với vai trò quan trọng của tri thức khoa học, việc đẩy mạnh hoạt động NCKH lĩnh vực KHXH-NV trong trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa lại càng có ý nghĩa thiết thực. Đây sẽ là môi trường, tạo điều kiện để các nhà khoa học công bố kết quả nghiên cứu đến với công chúng góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh nhà nói riêng và xã hội nói chung. Đây cũng là cơ sở cần thiết để tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, hướng đến đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao,

tạo tiền đề vững chắc để nhà trường phát triển cao hơn trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Quy chế về Nghiên cứu khoa học của giảng viên trong các trường đại học và cao đẳng*, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (2007), Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành “*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Trần Mai Ước (2011), *Giáo dục Việt nam trong xu thế hội nhập*, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM*, Số 67.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN LÀO TẠI KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN

ThS. Hoàng Thị Thu Hằng¹

Luu Ngọc Nhất Cường²

***Tóm Tắt:** Nghiên cứu khoa học không những củng cố, nâng cao vốn hiểu biết về kiến thức lý luận, kiến thức xã hội mà còn góp phần rèn luyện những kỹ năng mềm quan trọng dành cho sinh viên như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy độc lập hay kỹ năng thuyết trình... Do vậy, bản thân mỗi sinh viên luôn phải đề cao tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học, tích cực thực hiện các biện pháp để không ngừng nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Việc tìm ra các bước cần có để xây dựng nên một đề tài nghiên cứu khoa học cũng như chỉ ra hướng đi đúng đắn góp phần nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học của sinh viên Lào đang học tập và sinh sống tại Việt Nam.*

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) đã trở thành một hình thức học tập hiệu quả thu hút sự tham gia của khá nhiều sinh viên. Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học được tổ chức hàng năm là một hoạt động mang lại nhiều ích lợi thiết thực cho sinh viên. NCKH giúp sinh viên củng cố, tổng hợp và phát triển các kiến thức đã học đồng thời rèn luyện phương pháp tư duy, phương pháp thuyết trình và bước đầu xây dựng kỹ năng làm việc, NCKH độc lập, song để bắt tay vào thực hiện một đề tài nghiên cứu thì hầu hết các bạn sinh viên đều cảm thấy khó khăn, nhất là đối với sinh viên Lào theo học Việt Nam. Thực ra NCKH không khó, nếu chúng ta biết vượt qua tâm lý lo lắng ban đầu và quyết tâm thực hiện đến cùng thì chắc chắn các bạn sẽ làm được. Sau đây là một số chia sẻ lộ trình NCKH của sinh viên Lào đang học tập tại khoa Văn hóa - Thông tin.

1. Tìm ý tưởng

Nghiên cứu là quá trình khảo sát, nỗ lực tìm kiếm hay khám phá những sự kiện hay thông tin, kiến thức mới bằng các biện pháp có hệ thống và khoa học về một lĩnh vực nào đó, với mục đích mở rộng hay đào sâu hơn kiến thức về một chủ đề trong lĩnh vực đã chọn. Vì vậy, trước tiên bạn cần phải có ý tưởng. Có thể lâu nay

¹ Giảng viên khoa Văn hóa - Thông tin

² Sinh viên lớp TTHK3 - Khoa Văn hóa - Thông tin

trong đầu bạn đã nung nấu thật nhiều ý tưởng, vậy bạn hãy cố hình dung và nhớ lại xem. Còn nếu bạn chưa có ý tưởng thì tốt nhất bạn nên dành một ít thời gian để đi thư viện, nghe đài, xem tivi hoặc truy cập Internet. Những ý tưởng về đề tài phải gắn liền với chuyên môn, chuyên ngành bạn được đào tạo. Khi bạn phát hiện ra vấn đề, hãy chọn cho mình một hướng nghiên cứu phù hợp, cũng có thể ý tưởng của bạn đã được nghiên cứu nhưng quan trọng là bạn biết chọn những hướng mới hoặc phát triển ý tưởng đó.

Bước tiếp theo sau khi đã tìm ra ý tưởng là các bạn hãy tìm đọc nhiều tài liệu về vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn như về "Thực trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa", bạn hãy tìm đọc tất cả các loại sách báo viết về chủ đề này. Bạn có thể sử dụng công cụ Google hoặc tham khảo một số đề tài nghiên cứu về vấn đề này. Sau khi đã có trong tay nhiều tài liệu bạn hãy đặt cho mình tên của đề tài. Lưu ý, tên đề tài phải ngắn gọn và phải thể hiện được vấn đề bạn đang định nghiên cứu. Tên đề tài phải thể hiện đầy đủ đối tượng, phạm vi, chủ thể, khách thể, thời gian, không gian nghiên cứu.

2. Phác thảo đề cương

Sau khi đã chọn ý tưởng bạn nên cụ thể nó bằng cách lập đề cương. Bạn có thể lập đề cương theo nhiều cách khác nhau miễn là nó khoa học và làm nổi bật ý tưởng của bạn. Tuy nhiên, dù bất cứ lĩnh vực nào, đề cương của bạn phải đáp ứng được bố cục ba phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Phần mở đầu đảm bảo được các thông tin về lý do chọn đề tài, lịch sử vấn đề, mục đích nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu (phạm vi về không gian, thời gian, đối tượng nghiên cứu), phương pháp nghiên cứu. Phần nội dung (kết cấu đề tài) triển khai được các ý, các tiêu mục thể hiện các vấn đề cần nghiên cứu dưới dạng các chương. Phần kết luận là tóm gọn nội dung nghiên cứu một cách ngắn gọn, làm rõ tầm quan trọng của nội dung nghiên cứu.

3. Tìm người hướng dẫn

"Không có người hướng dẫn chỉ huy thì ngay cả địa ngục bạn cũng không vào được". Tùy theo lĩnh vực mà bạn chọn giảng viên hướng dẫn phù hợp đúng bộ môn. Nếu chưa thể gặp trực tiếp bạn có thể liên lạc với thầy cô qua số điện thoại mà bạn biết. Trước khi gặp trực tiếp bạn nên chuẩn bị kỹ những câu hỏi, những vấn đề mà bạn cần tư vấn. Bạn cũng cần có số điện thoại nhà và email để tiện liên lạc khi giảng viên đi công tác.

4. Làm việc nhóm

Trong thời đại ngày nay, khi khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển thì yêu cầu làm việc theo nhóm là cần thiết hơn bao giờ hết, đặc biệt cần thiết trong học tập và nghiên cứu khoa học. Đơn giản vì không ai là hoàn hảo, làm việc theo nhóm sẽ

tập trung những mặt mạnh của từng người và bổ sung cho nhau. Hơn nữa, chẳng ai có thể cáng đáng hết mọi việc. Không khí làm việc khá căng thẳng đôi khi mâu thuẫn với nhau gay gắt lại là cơ hội để một nhóm phát huy trí tuệ của các thành viên, giải quyết được nhiều vấn đề của đề tài.

Tuy nhiên để thành công trong quá trình làm việc nhóm, cần phải đặt ra và tuân thủ những nguyên tắc như:

- Hãy đúng giờ, điều đó giúp cho các thành viên khác trong nhóm làm việc không phải mất thêm thời gian nhắc lại những gì đã thảo luận cho bạn.

- Luôn đặt mục tiêu của cuộc thảo luận lên hàng đầu, tránh nói chuyện về những chủ đề không liên quan, gây loãng chủ đề, thiếu tập trung.

- Hãy nghĩ mình là một phần của nhóm chứ không phải một cá nhân riêng lẻ. Thảo luận với cả nhóm chứ không phải chỉ với người ngồi cạnh bạn. Hãy rõ ràng và ngắn gọn. Luôn ý thức rằng bạn đang sử dụng thời gian của tất cả mọi người.

- Đừng ngắt lời người khác. Hãy lắng nghe và cố hiểu họ. Cũng đừng nghĩ về ý kiến sắp trình bày của mình, hãy chú ý những gì người khác nói. Nếu có gì chưa rõ, bạn hãy hỏi lại khi họ kết thúc.

- Hãy đoàn kết để đạt đến mục tiêu chung. Không ai có đầy đủ kiến thức về bất cứ một vấn đề nào, chỉ có là họ đóng góp được nhiều hay ít mà thôi. Hãy thuyết phục mọi người bằng lý lẽ và dẫn chứng, không phải bằng cảm xúc.

- Đừng chỉ trích. Đừng phản đối ngay ý kiến của người khác dù bạn có thấy nó thiếu thực tế đến đâu. Cũng đừng gắn mỗi cá nhân với ý kiến của họ, chỉ thảo luận về ý kiến thôi, đừng chỉ trích riêng ai cả.

- Hãy luôn tâm niệm rằng, kết quả cuối cùng thu nhận được phải là sự đồng lòng của cả nhóm, kể cả những cá nhân có ý kiến bị bác bỏ. Việc này không thể nhanh chóng đạt được mà phải cần có thời gian.

- Hãy cố gắng tôn trọng những thành viên khác và hướng tới mục tiêu chung.

Đặt biệt, nếu bạn là nhóm trưởng thì cần phát huy vai trò của mình, đánh giá và lập ra mục tiêu của nhóm ở mức độ phù hợp (theo tuần và tháng) để truyền cảm hứng động viên liên tục, đảm bảo được mọi thành viên của nhóm ý thức được trách nhiệm của họ và luôn mang tính ý thức công việc cao, giám sát công việc của nhóm để đảm bảo rằng các cá nhân làm việc hướng đến mục tiêu chung.

Khi nhóm bắt đầu thực hiện đề tài, trưởng nhóm sẽ đem ra cho các thành viên trong nhóm thảo luận chung, tìm ý tưởng hay, phát biểu và đóng góp ý kiến. Nhóm sẽ phân công, thảo luận công việc cho phù hợp khả năng từng người dựa trên chuyên môn của họ, từ đó đề ra kế hoạch cụ thể, thời gian dự tính sẽ hoàn thành.

5. Hoàn thành bài nghiên cứu khoa học

Sau khi khung - xương của một công trình đã được dựng, làm việc nhóm thảo tóm các ý kiến, phân công triển khai từng bạn trong nhóm, khâu cuối cùng là tổng hợp lại thành một bài viết hoàn chỉnh có chỉnh sửa để hoàn thiện đề tài nghiên cứu. Về bản chất, đây là phần “đắp” vỏ ngôn ngữ để diễn giải bản chất thuộc đối tượng nghiên cứu mà mình cần chứng minh để thuyết phục người đọc. Viết báo cáo tổng kết đề tài phải tiến hành nhiều lần:

- Viết bản nháp theo đề cương chi tiết trên cơ sở tổng hợp các tài liệu, tư liệu, số liệu thu được và đã được xử lý.

- Sửa chữa bản thảo theo sự góp ý của giảng viên hướng dẫn và các thầy cô trong bộ môn.

6. Bảo vệ đề tài

Đối với lần bảo vệ đề tài bạn cần chuẩn bị kỹ nội dung powerpoint và nên tập luyện kỹ nội dung cần trình bày, chuẩn bị những nội dung để sẵn sàng trả lời các câu hỏi của Hội đồng nghiệm thu. Bạn chỉ có thời gian tối đa là 15 phút nên bạn chỉ cần nói sơ qua phần lý thuyết chú ý đề cập vào thực trạng và giải pháp. Một Powerpoint được thiết kế hợp lý sẽ tác động rất lớn đến người theo dõi, vì vậy bạn nên sử dụng nhiều hình ảnh minh họa, biểu đồ, các bảng biểu, quy trình... Có thể bạn hơi lo lắng nhưng nếu bạn thực hành nhiều, chuẩn bị thực sự chu đáo, nghỉ ngơi đầy đủ nhằm bảo đảm sức khỏe và tỉnh táo, có mặt sớm nơi trình bày để kiểm tra các thiết bị nghe nhìn và làm quen với môi trường thì nhất định bạn sẽ rất tự tin.

Từ kinh nghiệm NCKH của các bạn sinh viên Lào sẽ góp phần cung cấp thêm kỹ năng và sự tự tin như là một hành trang để các bạn sinh viên quốc tế làm nghiên cứu khoa học đúng hướng, giúp cho các bạn sinh viên hiểu rõ được vấn đề mình cần nghiên cứu cũng như các bước thực hiện một đề tài sao cho hiệu quả nhất. Đồng thời chuẩn bị những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tạo ra một đề tài mới hay phát triển từ bài NCKH thành một luận văn tốt nghiệp. Các bạn sẽ chủ động hơn trong học tập, những phương pháp học tập và tư duy mới sẽ hình thành, cách thức phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, trình bày vấn đề sao cho logic và hợp lý nhất. Nghiên cứu khoa học còn là môi trường rất tốt để các bạn trau dồi các kỹ năng như giao tiếp, cách làm việc nhóm (teams word), kỹ năng thuyết trình - thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian, quản lý dự án, kỹ năng giải quyết xung đột... Từ đó kích thích sự ham muốn tìm tòi chiếm lĩnh tri thức, ham học hỏi hơn và gây hứng thú hơn trong học tập, giúp cho các bạn sinh viên trưởng thành nhanh hơn rất nhiều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. *Trần Đình Bình (2001), Những kỹ năng cần thiết cho sinh viên năm cuối*, Nxb VH -TT, Hà Nội

[2]. *Đào Hoàng Nam (2000), Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. *Tập san Thông tin Khảo học* , Trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa

[4]. *Trần Mai Ước (2011), Giáo dục Việt nam trong xu thế hội nhập*, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM, Số 67.

BÀN THÊM VỀ VIỆC HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

Lã Thị Hà¹

***Tóm tắt:** Hệ thống giáo dục được tạo ra để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Xã hội công nghiệp cần công nhân để xây dựng sản phẩm dựa trên nguyên lý "sản xuất theo dây chuyền lắp ráp". Đó là lý do tại sao sinh viên được dạy mọi thứ họ cần để làm việc trong xưởng máy và văn phòng doanh nghiệp tương ứng với những quy tắc và nguyên lý nào đó. Sinh viên hiện nay hầu hết đều hiểu được tầm quan trọng của việc học tập nhưng lại chưa có được phương pháp học tập đúng đắn, hiệu quả. Bài viết nhằm luận bàn về phương pháp học của sinh viên hiện nay.*

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sinh viên đã và đang được học tập trong một môi trường đổi mới, sáng tạo, hiệu quả. Tuy nhiên, còn quá nhiều rào cản và thách thức trong việc tìm ra phương pháp học tập tích cực. Bài viết đưa ra cách nhìn nhận đúng đắn về phương pháp học tập: Thái độ học tập cả đời.

2. Như thế nào là học tập suốt đời

Ngày nay công nghệ thay đổi nhanh hơn khả năng của mọi người kiểm soát chúng, trừ phi họ biết về chúng và chuẩn bị cho thay đổi. Mọi người sẽ không biết về công nghệ mới trừ phi họ bao giờ cũng học, đọc, và đi theo xu hướng trong công nghệ. Peter Drucker, một tác giả đã viết về thế kỉ 21: "Những người thành công nhất trong 10 tới 20 năm tới có thể không phải là người thông minh nhất ngày hôm nay, hay biết cái đúng nhất bây giờ. Công nghệ họ biết bây giờ sẽ lạc hậu vào lúc đó. Thành công trong thời đại thông tin sẽ được xác định bởi khả năng học và học liên tục. Vì tri thức sẽ trở nên lạc hậu nhanh chóng tới mức chỉ những người thành công sẽ là người học cả đời." Tại sao Ấn Độ thành công thế? Câu trả lời có thể được tìm thấy trong thái độ của họ đối với đào tạo. Các công ty phần mềm Ấn Độ đầu tư nhiều vào đào tạo kỹ năng và chương trình giáo dục tiếp tục để bắt kịp với phát triển công nghệ. Một số công ty chi khoảng 8% thu nhập hàng năm của họ cho đào tạo. (Các công ty Nhật Bản và châu Âu chỉ 4% cho giáo dục nhân viên của họ, trong khi Mỹ chỉ chi khoảng 2%). Vì công nghệ thông tin là một trong những kinh doanh sinh lời nhanh nhất, nhiều nước đang phát triển cũng đang chuyển vào công nghệ thông tin xem như xuất khẩu then chốt nhưng phần lớn trong số họ ước lượng thấp khía cạnh đào tạo và học tập. Khi nhìn vào ngân sách đào tạo của công ty hay ngân quỹ đào tạo

¹ Sinh viên lớp đại học LT QLVHK6A, Khoa Văn hóa - Thông tin

của một quốc gia, người ta có thể dự báo liệu công ti đó hay quốc gia đó có thành công hay không. Về cơ bản, nếu họ không đầu tư vào giáo dục và đào tạo, họ không thể mong đợi thành công trong thế kỉ 21 này.

Trên thế giới thay đổi xảy ra nhanh chóng, kĩ năng cốt yếu mà mọi người phải có là khả năng học liên tục. Đây không phải là kĩ năng mà sinh viên được dạy trong hệ thống giáo dục truyền thống mà là kĩ năng mọi người phải thu nhận bởi vì nó là kĩ năng sống còn. Tất nhiên, trách nhiệm về học tập bắt đầu từ cá nhân. Tất cả họ dường như ngạc nhiên nhưng nhiều người có quay lại và lấy đào tạo thêm sau vài năm làm việc trong công nghiệp. Đây là những người làm việc tốt và sẽ “sống sót” qua thay đổi bởi vì người học cả đời không dừng việc giáo dục của họ khi họ tốt nghiệp khỏi đại học.

Là một sinh viên, chúng ta thường nhìn sinh viên trong lớp để xác định ai sẽ thành công và ai sẽ không thành công dựa trên thái độ của họ với học tập. Sinh viên giỏi thường không phải là người thông minh nhất trong lớp nhưng họ bao giờ cũng muốn học. Họ là những người thường hay hỏi các câu hỏi bởi vì họ muốn biết thêm. Sinh viên thông minh thường không hỏi vì họ nghĩ họ có thể hình dung ra về sau. Sinh viên không đặt câu hỏi, người đó làm mất cơ hội học tập. Sinh viên giỏi thường hỏi tại sao, hay cái gì, hay thế nào bởi vì họ năng nổ học thêm.

3. Học cả đời là một thái độ cần được phát huy của sinh viên

Trong thế giới thay đổi nhanh chóng này, mọi người đều cần có kĩ năng học cả đời. Tuy nhiên kĩ năng này yêu cầu kỉ luật tự giác, động cơ, kiên trì vì từng người đều phải nhận trách nhiệm cho việc học riêng của họ. Nhưng phần lớn trong tất cả, đó là thái độ hướng tới học tập:

Có những người tin rằng việc học là quan trọng để giữ cho họ tích cực trong cuộc sống. Cũng như tập thể dục làm cho cơ bắp của họ mạnh mẽ, việc học liên tục làm cho trí não họ trở nên tích cực hơn. Với họ học cả đời là quá trình trưởng thành, thay đổi và thích nghi và thậm chí ở tuổi rất già, trí não họ vẫn còn tỉnh táo. Tương phản lại, có những người tin rằng việc học dừng lại sau khi họ rời khỏi trường. Những người này né tránh học tập vì sợ nó sẽ chỉ ra giới hạn học tập của họ. Họ không thích thay đổi nhưng ưa thích đi theo thói quen làm cùng một điều mà không suy nghĩ nhiều. Khi nào họ teo đi theo thời gian, ngay ở tuổi trung niên, họ đã có triệu chứng quên lãng hay dấu hiệu sớm của bệnh Alzheimer. Có những người có tính tò mò mạnh với ham muốn tìm ra mọi thứ. Họ không chấp nhận điều họ được nói cho mà nghiên cứu mọi thứ cho tới khi họ hiểu đầy đủ. Họ tin rằng việc học từ người khác là hơi hợt nhưng đi tới hiểu biết riêng của họ là tốt hơn. Họ tích cực theo cách riêng của họ để học nhiều hơn cho tới khi họ hiểu mọi thứ. Họ muốn thấy cách

mọi thứ khớp với nhau. Họ muốn biết về kết nối giữa điều họ học và điều họ đã biết. Họ cố tìm ra nghĩa của mọi thứ dưới dạng kinh nghiệm riêng của họ. Họ hỏi các câu hỏi giúp cho họ đưa tri thức mới vào hoàn cảnh lớn hơn. Họ muốn phát triển các quy tắc và công thức trong tâm trí họ về cách mọi thứ khớp với nhau. Với họ học cả đời là quá trình thám hiểm để thoả mãn cho nhu cầu biết của họ. Mặt khác, có những người có xu hướng chấp nhận bất kì cái gì được bảo mà không có câu hỏi nào. Họ không thích nghĩ nhiều và hiếm khi thăm dò những ý tưởng mới mà chấp nhận mọi thứ. Họ không thích bị bận tâm với những điều phức tạp và thoả mãn với tri thức giới hạn riêng của họ. Cái nhìn của họ vào những mảnh nhỏ mỗi lúc và chưa bao giờ hiểu toàn thể bức tranh. Họ thấy sự kiện và dữ liệu, nhưng chưa bao giờ bận tâm gắn tất cả chúng lại theo cách làm ra ý nghĩa cho họ vì họ không muốn nghĩ quá nhiều. Họ thường phụ thuộc vào người khác giúp họ và dùng vị trí của họ theo nghĩa của họ về “có tầm quan trọng”. Họ thụ động trong học tập và sợ phạm sai lầm cho nên họ có xu hướng làm ít nhất có thể được để giảm thiểu rủi ro.

Có những người thấy mọi sự từ những cảnh quan khác nhau. Họ thích thăm dò những ý tưởng mới và dùng tưởng tượng của họ, hình ảnh trực quan, ảnh, và biểu đồ trong việc học của họ. Họ để cho các ý tưởng sôi lên trong đầu họ trong một thời gian dài trước khi làm quyết định cho nên suy nghĩ của họ bao giờ cũng được nghĩ một cách cẩn thận như tư duy 6 chủ định, hệ thống. Họ giỏi suy ngẫm và tự đánh giá vì họ để tâm tới cách họ học. Họ có thể đánh giá các nhiệm vụ, xác định mất bao thời gian và tài nguyên nào họ sẽ cần. Họ thích tổ chức việc học riêng của họ bằng việc quan sát các biến cố, đọc sách, theo dự lớp nhưng họ cũng biết việc học yêu cầu thời gian học tập một mình. Đối lập lại là những người ưa thích thông tin tóm tắt dễ hiểu. Họ không thích cái gì phức tạp nhưng ưa thích nhìn vào mọi thứ từ cách đơn giản nhất và nhảy vào kết luận nhanh chóng vì họ không có kiên nhẫn để phân tích. Họ ưa thích cách thức thường lệ để tuân theo và không thích các tình huống mơ hồ yêu cầu họ phải nghĩ. Họ không quan tâm quá nhiều tới chi tiết và thường gạt sang bên bất kì cái gì làm cho họ phải làm việc vất vả.

4. Kết luận

Thế giới đang thay đổi quá nhanh đối với họ và tương lai dường như không thể dự báo được thế. Không học những điều mới, nhiều người ưa thích sống trong quá khứ và ngần ngại phiêu lưu tới hiện tại và tương lai. Không may, chúng ta đang sống trong thời đại mà thay đổi xảy ra rất nhanh chóng và đó là lí do tại sao nhiều người không thể học được hay không thể điều chỉnh được đang bị loại bỏ đi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Minh Hạc, Lê Phúc Đức (2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr.208.

[2]. Mai Phương (2003), *Tìm hiểu về động cơ học tập của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (THPT) tỉnh Trà Vinh*, Báo cáo thực tập ngành Tâm lý Giáo dục, tr.20.

[3]. Phạm Văn Sỹ (2012), *Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 1 - 2.

HỌC ĐẠI HỌC- BÀI HỌC QUÝ CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Nguyễn Thanh Nga¹

Dòng đời là những chuyến đi và có những chuyến đi đã đưa tôi về với những nơi ghi dấu nhiều kỷ niệm. Không biết tình cờ hay chính cái duyên may mắn đã đưa tôi về với mái trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá thân yêu.

Thấm thoát đó mà đã hơn một năm trôi qua kể từ cái ngày cầm giấy báo nhập học trên tay, trúng tuyển vào ngành Công tác xã hội - trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. Đến bây giờ tôi đã là sinh viên năm 2 của trường, còn nhớ như in ngày nhập học đó tôi lẻo đẻo theo chân bố đến trường nhập học, tôi như lọt thỏm giữa ngôi trường cổ kính và thơ mộng. Ước mơ cho con có được con chữ, cái nghĩa là sự hi sinh vô bờ bến của người cha. Ngày nhập học cái ngày mà mang lại nhiều niềm vui, sự hạnh phúc của các bạn sinh viên. Nhà nào có điều kiện thì dăm bảy triệu nó chẳng là gì, nhưng ở trong cái hoàn cảnh nông dân chân lấm tay bùn thì vài trăm nghìn thôi cũng đủ nói lên nỗi khổ, bố bảo: “ Thôi thì cố gắng cho con ra đây ăn học”, nhà cũng chả có điều kiện gì nhiều, thấy bố chất bóp từng đồng tiền lẻ, một sấp một đê đóng học phí cho con mà thấy xót xa quá! Nên tôi sẽ phải cố gắng thật nhiều để không phụ công nuôi dưỡng và tin tưởng của gia đình dành cho tôi. Tôi vẫn luôn mong muốn giúp đỡ được thật nhiều người có hoàn cảnh đặc biệt, những người gặp khó khăn và kém may mắn trong cuộc sống như: người già neo đơn, trẻ em cơ nhỡ, người khuyết tật,... được hoà nhập với cộng đồng.

Những năm tháng sinh viên bắt đầu thật bỡ ngỡ nhưng cũng đầy thú vị. Không còn là những không gian lớp học nhỏ bé như thời học sinh nữa, thay vào đó là một giảng đường khang trang với màn hình đèn chiếu, với bài giảng điện tử, với những mô hình thực tế đã làm bao ánh mắt của sinh viên thích thú. Giảng đường rộng và tinh thầy cô cũng mênh mông không kém. Cuộc sống xa nhà của tôi nói riêng và của những sinh viên khác nói chung trở nên dễ dàng hơn nhờ vào sự quan tâm, chia sẻ, gần gũi của các thầy cô trong trường... Giảng viên trong khoa rất tận tình và chu đáo, luôn giúp đỡ tất cả các bạn sinh viên. Kiến thức giảng viên truyền đạt dễ hiểu và dễ tiếp thu. Học tập ở trường, đặc biệt là ngành công tác xã hội tôi còn được rèn luyện không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và rất nhiều điều bổ ích. Ngày qua ngày tôi càng thêm yêu ngành

¹ Trung tâm GDTX-LTLK

nghe mình đã chọn lựa. Các bạn sinh viên như tôi sẽ dần trưởng thành hơn, lĩnh hội nhiều kiến thức và chuẩn bị sẵn sàng cất cánh bay đi thực hiện ước mơ của mình. Dẫu biết chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn nhưng tôi tự tin mang trong mình một kiến thức rộng lớn sẵn sàng chinh phục những khó khăn và mang lại lợi ích đến với mọi người. Để rồi từ đó, lớp lớp học trò chúng tôi sau khi ra trường sẽ về với mọi miền quê đất nước là những nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp nhất.

Thật tự hào khi được trở thành sinh viên của trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá. Từ giờ phút đầu tiên bước chân vào trường tôi như có thêm một mái nhà để yêu thương, một nơi để hướng đến và khắc sâu trong tâm trí. Từng thế hệ học sinh, sinh viên đã và đang trưởng thành từ mái trường này. Trường đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa là một bến đỗ bình an, một điểm tựa vững chắc để tiếp tục bước tiếp trên con đường đầy gian nan và thử thách, là nơi chấp cánh cho những ước mơ bay cao và bay xa.

MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP ĐẠT HIỆU QUẢ CAO TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Lương Thị Ngọc¹

***Tóm tắt:** Trường học là phần quan trọng trong cuộc sống. Nó giúp bạn xác định sự nghiệp trong tương lai và hình thành vị thế tốt cho tương lai của bạn. Có khá nhiều phương pháp để cải thiện điểm số để có thể học tập tốt ở trường Đại học. Cho dù bạn là một sinh viên yếu kém đang hy vọng sẽ nhận được điểm cao hơn, hoặc là sinh viên “không được giỏi cho lắm” đang tranh đấu để đến được đích đến cuối cùng, hoặc chỉ đơn giản là bạn đang muốn nâng cao điểm số, bài viết này sẽ hướng dẫn bạn những phương pháp học tập thật hữu ích.*

1. Đặt vấn đề

Chắc hẳn bạn đã được nghe nói nhiều về sự khác nhau giữa môi trường đại học và môi trường trung học phổ thông? Phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cũng có nhiều điều khác biệt. Làm sao để thích nghi với phương pháp giảng dạy và môi trường học tập mới? Đó chính là bạn cần phải có những phương pháp học tập cơ bản để hòa nhập vào môi trường đại học một cách nhanh chóng.

Một điều chắc chắn rằng cách học của bạn ở đại học sẽ khác với cách học ở phổ thông, nếu bạn còn giữ cách học cũ thì đây là lúc bạn nên trang bị cho mình phương pháp học tập tích cực. Để học một cách hiệu quả những chương trình ở bậc đại học, bạn cần trang bị cho mình phương pháp học đại học. Phương pháp học đại học là cách thức học ở bậc đại học phù hợp với môi trường mới với cách dạy và cách học mới, đem lại hiệu quả tối ưu cho người học.

2. Nội dung

2.1. Trang bị phù hợp

Chuẩn bị sẵn mọi dụng cụ cần thiết. Bạn sẽ không muốn trở nên thiếu chuẩn bị khi phải viết ghi chú hoặc làm bài kiểm tra nhanh bất ngờ và khám phá ra rằng bạn đã quên đem theo bút chì/bút máy/tẩy/và nếu tình trạng này xảy ra, bạn sẽ lãng phí thời gian của mình và có thể bỏ lỡ một vài thông tin quan trọng.

Trở nên ngăn nắp. Trở nên ngăn nắp sẽ giúp bạn học tập tốt hơn, thư giãn, và sẵn sàng để tìm kiếm cũng như nộp giấy tờ đúng hạn. Có khá nhiều biện pháp để rèn

¹ Sinh viên lớp CTXHK3, Khoa Văn hóa – Thông tin

luyện tính ngăn nắp và tốt nhất là bạn nên tìm kiếm phương pháp phù hợp nhất đối với bạn. Điều quan trọng là bạn cần phải có khả năng tìm kiếm mọi thứ bạn cần một cách dễ dàng, bao gồm thông tin cũng như ghi chép của bạn. Thiết lập tính hệ thống càng sớm càng tốt, bao gồm như hệ thống lưu trữ trong máy vi tính, hệ thống lưu trữ giấy tờ, chính sách dọn dẹp bàn học (ít nhất là mỗi tuần) và sắp xếp sách giáo khoa, sách bài tập, sách hướng dẫn và sách tham khảo một cách gọn gàng.

Tận dụng bút dạ quang, giấy ghi chú Post-It sáng màu và vật dụng khác để dán nhãn và đánh dấu vật dụng đã được sắp xếp ngăn nắp của bạn. Quy tắc đánh dấu theo màu đem lại hiệu quả cho khá nhiều người, đặc biệt người bận rộn và người không thể chịu được việc phải đọc nhãn!

Sử dụng lịch làm việc. Lựa chọn loại lịch vừa vặn với bìa hoặc túi đựng tài liệu để bạn có thể dễ dàng tìm kiếm và xem lại nó khi cần. Trong lịch làm việc này, hãy viết ra mọi lịch kiểm tra và đánh giá của bạn, và nếu trường bạn tổ chức các lớp học khác nhau vào những ngày khác nhau, bạn cũng nên viết chúng vào lịch. Ngoài ra, bạn cũng nên ghi chú lại thời gian bạn dành cho việc học tập hoặc làm bài tập về nhà. Phương pháp này sẽ giúp bạn ý thức hơn về bài kiểm tra hoặc sự kiện khác sắp diễn ra để bạn có thể học tập và chuẩn bị cho chúng một cách phù hợp.

2.2. Thiết lập mục tiêu

Đặt mục tiêu ngắn hạn hoặc dài hạn. Ngay cả khi bạn không biết rõ về sự nghiệp mà bạn muốn theo đuổi khi trưởng thành hoặc về việc lựa chọn trường đại học mà bạn muốn theo học, mục tiêu của bạn có thể chỉ đơn giản là cung cấp cho bạn càng nhiều cơ hội càng tốt.

Đi học đều hơn. Đi học đều rất quan trọng. Nếu bạn không đến trường, điểm số của bạn sẽ nhanh chóng bị hạ thấp bởi vì bạn sẽ hình thành khoảng trống khó có thể được lấp đầy trở lại. Nếu bạn thật sự bị bệnh hoặc gặp phải vấn đề khác khiến bạn không thể đến trường, bạn nên nhờ cha mẹ, người bảo hộ, hoặc bạn bè trò chuyện với giáo viên về việc học bù tại nhà.

2.3. Học hỏi kỹ năng

Viết ghi chú. Ghi chú sẽ giúp củng cố kiến thức trong đầu bạn và đồng thời đóng vai trò như công cụ học tập cần thiết trước ngày kiểm tra. Bạn nên nhớ viết ra mọi điều quan trọng mà thầy cô ôn tập. Nếu có thể, hãy xin thầy cô cung cấp cho bạn một bản in tài liệu trước để bạn có thể tập trung vào việc ghi chú những gì mà giáo viên trình bày, chứ không phải chỉ là sao chép lại thông tin trên bảng. Nếu thầy cô viết một điều gì đó trên bảng và gạch chân chúng, có thể đây là thông tin quan trọng hoặc sẽ có mặt trong bài kiểm tra.

Nhớ bảo đảm rằng bạn trả lời/đưa ra ít nhất một câu hỏi trong mỗi lớp học. Hành động này sẽ giúp giáo viên nhận thấy rằng bạn là người tích cực tham gia trong

lớp. Ngoài ra, biện pháp này cũng sẽ buộc bạn phải chú ý vào bài học để có thể hỏi/trả lời câu hỏi. Kết quả là bạn sẽ thể hiện tốt hơn trong bài kiểm tra và bài thi. Khả năng đặt câu hỏi là kỹ năng mà bạn sẽ cần đến trong suốt cuộc đời, và đảm bảo rằng bạn sẽ luôn theo dõi động cơ và ý tưởng của mình khi gặp gỡ mọi tầng lớp khác nhau trong cuộc sống.

Khi bạn lựa chọn câu hỏi để trả lời, bạn nên nhớ chắc chắn rằng bạn biết rõ câu trả lời và rằng câu hỏi này không quá dễ dàng. Đừng lo khi đưa ra quá nhiều câu hỏi; công việc của thầy cô giáo là giúp đỡ bạn.

Tham gia trong lớp thường là nhân tố quan trọng đối với điểm số của bạn. Giơ tay phát biểu một hoặc hai lần trong lớp sẽ không gây hại gì cho bạn, đặc biệt nếu bạn luôn nhớ rằng "không có một câu hỏi nào được xem là câu hỏi ngốc nghếch" khi bàn về vấn đề học tập. Có thể nhiều người cũng thắc mắc điều tương tự như bạn nhưng lại thiếu can đảm để hỏi về nó!

2.4. Làm bài tập về nhà và ôn tập

Ôn tập/học tập tại nhà. Bạn nên thực hiện quá trình này tại nơi yên tĩnh không có tác nhân xao nhãng. Nếu trong phòng bạn có máy vi tính, hãy di dời nó hoặc sử dụng căn phòng khác. Không nên bật radio khi đang học! Nó có thể giúp bạn viết nhiều hơn nhưng trong ngày kiểm tra, điều duy nhất mà bạn ghi nhớ sẽ là lời bài hát.

Thiết lập lịch làm việc. Lên lịch làm việc cho bản thân sẽ giúp bạn tiết kiệm thời gian cho quá trình tự học/tự ôn tập cũng như theo sát hoạt động mà bạn đang làm và dự định mà bạn sẽ thực hiện tiếp theo.

Viết lại ghi chú. Mặc dù quá trình này nghe có vẻ như khá nhàm chán và tốn thời gian, nó đã được chứng minh sẽ giúp bạn ghi nhớ nhiều thông tin mà bạn đã viết ra hơn. Ngoài ra, nó cũng sẽ giúp bạn xác định vấn đề mà bạn đã gặp phải trong lớp.

Nỗ lực làm bài tập. Tuy bài tập trông có vẻ như là thiết bị tra tấn, nó là cách để kiểm soát và tạo nên sự tiến bộ bên ngoài lớp học. Cần phải hoàn thành hai bài luận văn và bài tập đại số trong một đêm sẽ không phải là điều dễ chịu, vì vậy, bạn nên nhớ làm bài tập mỗi ngày và duy trì khối lượng công việc. Nếu bạn gặp khó khăn, bạn có thể trò chuyện với thầy cô và cha mẹ để họ có thể thiết lập lịch trình phù hợp để bạn làm bài tập về nhà.

Thường xuyên nghỉ giải lao. Thay vì làm nhiều việc cùng một lúc, bạn nên dành một khoảng thời gian cụ thể để làm bài tập. Khi lượng thời gian này kết thúc, hãy nghỉ giải lao trong 20 – 30 phút để tâm trí của bạn không mỏi mệt. Khi hết giờ nghỉ, bạn nên quay về bàn học và hoàn tất 100% bài tập về nhà của mình.

Bắt đầu sớm với bài tập và dự án lớn. Nếu bạn có 2 tuần để thực hiện một dự án nào đó, thay vì chờ đợi cho đến 3 ngày cuối cùng trước khi đến hạn nộp bài, bạn nên bắt đầu sớm. Bằng cách này, bạn sẽ có đủ thời gian để lập kế hoạch, nghiên cứu,

và đặt ra bất kỳ một câu hỏi nào mà bạn thắc mắc về dự án. Quá trình này sẽ khiến bạn ít cảm thấy căng thẳng hơn vì bạn sẽ không phải vội vàng. Bạn sẽ có nhiều thời gian để hoàn thiện dự án của mình một cách tốt nhất có thể, và điều này có nghĩa là bạn sẽ đạt được điểm số cao hơn.

Làm bài kiểm tra thử nghiệm trước kỳ thi để hiểu rõ hơn về kiến thức mà bạn cần phải học. Tuy nhiên, bạn nên cẩn thận, lạm dụng phương pháp này quá mức sẽ khiến nó trở nên kém hiệu quả hơn là phối hợp 1 – 2 cách học tập khác.

Học tập trong ngày lễ và kỳ nghỉ dài của trường. Nếu bạn phải làm kiểm tra sau kỳ nghỉ và bạn vẫn chưa xem lại bài vở trong khoảng thời gian này, bạn sẽ rơi vào trạng thái “tắt máy” và sẽ quên mất nhiều điều mà bạn đã học trước kỳ nghỉ. Vì vậy, bạn sẽ dễ thi trượt hoặc làm không tốt bài kiểm tra.

Tìm loại sách phù hợp với trình độ của bạn về bất kỳ môn học mới nào mà bạn sẽ phải học trong học kỳ tiếp theo để đọc hoặc xem lướt qua nó. Xem xét hình vẽ minh họa, biểu đồ, định nghĩa, và học các yếu tố, đọc tóm tắt chương.

Xem kỳ nghỉ dài như ngày cuối tuần: Tất nhiên, bạn có thể thư giãn và vui vẻ, nhưng bạn nên ngồi vào bàn học ít nhất 3 lần một tuần để bạn không quên mất mọi kiến thức mà bạn đã học.

Nhờ cha mẹ hoặc bạn bè ngồi cùng bạn và ôn lại mọi vấn đề mà bạn đang gặp khó khăn, hoặc kiến thức mà bạn cần phải ghi nhớ và thuộc lòng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Mai Phương (2003), *Tìm hiểu về động cơ học tập của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (THPT) tỉnh Trà Vinh*, Báo cáo thực tập ngành Tâm lý Giáo dục, tr.20.

[2]. Nguyễn Trọng Nhân và Trương Thị Kim Thủy (2014), *Những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Việt Nam học, Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, (số 33), tr.106 - 113.

[3]. Nguyễn Thị Lê Thu (2015), *Động cơ học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.11 - 18.

[4]. Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, tr.14.

Chịu trách nhiệm nội dung
TS. Lê Thị Thảo

Ban biên tập
TS. Đoàn Văn Trường
ThS. Tạ Thị Thủy
ThS. Hoàng Thị Thu Hoa

Trình bày & Mỹ thuật
Hoàng Anh Công

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA
THANH HOA UNIVERSITY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM

Địa chỉ: - Cơ sở 1: Số 20 Nguyễn Du, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa

- Cơ sở 2: Số 561, Quang Trung 3, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa

Điện thoại : (+84) 373.852.535; +(84) 373.857.421

Fax: (+84) 373. 852.535

Website: <http://www.dvtdt.edu.vn>

Email: dhvhttdlth@gmail.com